

1. Lễ hội rước hén Đông Bàu

Ngày trước, thưở mới lập làng, người Phong Lệ sống bằng nghề nông, bởi thời ấy *nông vi bản* là sự sống còn, cho nên *ruộng sâu trâu nái* là đủ điều kiện để làm được nghề nông. Chủ yếu của nghề nông cổ truyền là trồng trọt và chăn nuôi, thế nên người Phong Lệ thêm nghề nuôi trâu cày. Tuy vậy, người nông dân làng Phong Lệ chân lấm tay bùn hằng ngày nhưng vẫn không đủ ăn, không đủ nuôi số dân ít ỏi của làng đến ngày giáp hạt. Vì thế, họ ngược lên phía tây, phá núi bạt rừng, cải tạo vùng đất đồi gò, triền núi Phong Lệ để trồng khoai, sắn và đồng thời tạo môi trường để *Sỏ*¹ *mai lên núi củi than/ Chiều về xuống biển đào hang bắt còng*. Mặt khác, người Phong Lệ không thể không xuống biển, bởi địa giới của làng ngày trước về phía đông cạnh biển, do đó việc ngả sông đánh bắt tôm cá và cào hén để tìm thêm nguồn sinh sống là điều nhân dân nơi đây thường nghĩ đến. Người Đông Bàu của Phong Lệ, do có con sông Cẩm Lệ chạy ngang qua làng nên một số dân vùng ven có thêm nghề sông biển.

Đi ngang qua vùng Phong Nam, ghé đến Đông Bàu (Xóm Hén ngày xưa) vẫn còn nghe nhân dân nơi đây kể về một phương thức lao động sinh sống của mình, đó là nghề cào hén. Nhân dân Xóm Hén ngoài *nông vi bản* một năm có đến hai nghề và các nghề phụ trợ như đi củi², đốt than

¹ Sỏ (phương ngữ): như *sóm*. *Sóm mai*.

² Đi củi: đây không chỉ vác đôn cóc lên núi Phong Lệ, Phước Tường đốn, chặt các loại cây nhỏ bó thành từng bó gánh về nhà mà đi củi còn mang búa, rìu lên núi đào lấy gốc cây lớn,

nửa năm đầu dành cho mùa hén, nửa năm sau là cày cấy ruộng đồng. Vậy mà ngày nay nếu như đến đây vẫn hình dung được cuộc sống của người dân còn nghèo³. Nước tưới tiêu cho cánh đồng Tây An không đủ, Ông Ích Khiêm huy động nhân dân đắp đê dẫn nước về đồng. Vùng ven sông, người dân dựa vào đồng bãi, phần lớn là bãi La Hường, La Hong, và xứ Đồng nơi có cồn Thần. Tại xóm Hén Đông Bàu, mái nhà làm dốc hơn, thấp hơn để chống bão và có rầm thượng để tránh lụt. Mùa lụt người Xóm Hén đưa dụng cụ sinh hoạt, gạo thóc lên rầm cho khỏi ướt. Nhà Xóm Hén đa số là nhà tranh với chi chít những mối buộc bằng mây con, mây nước giữ chặt rui mè, trên nóc lại chèn thêm những cây tre tạo nên những đường viền nhằm đê mái tranh cho khỏi tóc mái khi có gió lớn từ sông Cẩm Lệ thổi lên. Đây là dáng vẻ riêng của nhà tại Xóm Hén Đông Bàu. Mỗi ngôi nhà núp dưới một cây da to, nhiều hơn cả là núp dưới những hàng tre. Núp dưới tre để chống bão, bão nhiệt đới khi thổi vào vùng này, tre chống đỡ, nhưng phần nhiều vẫn là gió, có khi gió to. Tre vừa chống nóng, chống bão cũng còn góp phần làm cho xóm làng an toàn.

Nghề hén là một trong những nghề truyền thống nhưng khá vất vả tại đây, bởi người hành nghề cào hén thường xuyên ngập lặn ngâm mình trong nước để cào cho được con

bữa thành củi gánh về chợ Phong Lệ, hoặc xuống chợ Cẩm Lệ bán lấy tiền hoặc đổi củi lấy gạo, mắm, muối.

³ Từ những năm 2000 trở lại, người dân Đông Bàu mới xóa được các giếng khơi mà 10 giếng hết 9 giếng là nước phèn, đục màu ngà và tanh. Muốn có nước ăn uống phải lọc, còn sinh hoạt khác thì sao cũng được.

hén. Hén cào được gánh ra chợ Phong Lệ họp ở đầu cầu Đỏ để tiêu thụ, bán buôn, đổi gạo và các nhu yếu phẩm khác.

Bài về sau đây còn lưu hành trong dân gian:

Sinh ra nghề hén thậm hay

Cái ruột cũng bán

Cái vỏ cũng bán

Đến tro cũng có tiền

Vợ ở nhà đi bới cho siêng

Chàng chẻ tre bện nạo liên miên cả ngày

Cào sưa chỉ những cào dày

Lấy mây bện lại, công rày trường công

Ăn nhờ một chút dưới sông

Đàn bà đi bán, đàn ông đi cào

Nửa đêm thức dậy lao xao

Bà đâu cháu nấy, chồng nào vợ đây

Gà gáy đầu lửa đỏ một dây

Chông sàng, vợ đãi, con cầm cây chum lò

Hai bên những giống với vò

Nghề này không đòi đâu mà lo

Ông gia cào, thằng rẻ nạy

Con dâu gánh chạy

Hỏi ai mua hén hay không

Nghề này bện tợ như bông

Làm một ngày hai chảo hén không đủ công thuốc, chè

Mấy lời anh dặn em nghe

Thịt heo, bánh đúc, muối mè làm lơ

Tiết đông thiên vào dựa trong bờ

Trên lạnh, dưới lạnh mắt mờ da ngăm.



Con hén (St)

Con hén ở đoạn từ Ngã ba sông ⁴, nơi có miếu Một (Mỹ Thị) ngược lên đến vùng ba ra An Trạch (Hòa Tiến), có đến một đoạn dài 8 km đường sông. Con hén thích nghi với vùng nước lợ. Do thế, về mùa khô nước mặn theo đường sông lên dần, có năm lên đến ba ra An Trạch, con hén cũng theo nước mà sinh sản, dần thích nghi với môi trường. Đời sống của hén là thế nên ở Đông Bàu, nghề hén

⁴ Ngã ba sông: nơi ba con sông gặp nhau: sông Cỏ Cò, sông Cẩm Lệ, sông Hàn.

tấp nập nhất vào khoảng mùng 10 tháng 1 đến 10 tháng 7 âm lịch hằng năm, cao điểm có năm tấp trung từ tháng 3 đến tháng 6. Vào những tháng này, làng Đông Bàu vào đợt cào hến, mọi công việc ruộng đồng gác lại, dành thời gian cho nghề sông biển.

Con hến theo vùng nước lợ mà sinh sống và phát triển, cho nên, vào tháng giêng đầu mùa hến, người dân Đông Bàu phải bơi ghe ra tận Gành⁵ - vùng ngã ba sông - (Người Đông Bàu thường nói: “Ra đến tận Gành ngoài Hàn”), nơi đầu biển cuối sông để đánh bắt tôm cá. Ở vùng sông này, đầu mùa hến thường là hến xéo. Hến *xéo* nhỏ chưa ngon, là loại hến còn sót lại của mùa năm trước theo nước lợ về tụ tại đây. Ở đây con hến sống đợi chờ suốt 6 tháng mùa mưa để đến tháng giêng khi mùa khô là bắt đầu là sinh sản.

Tháng hai đến tháng ba, nước sông Cẩm Lệ cạn dần, con hến cũng theo đó mà lên cùng với nước lợ. Quá trình dịch chuyển, hến phát triển nhanh chóng nằm sấp lớp dưới lòng sông, bám vào rong rêu mà sống. Càng ngược lên, hến lớn dần và tròn trịa, vỏ có màu xám pha vàng, ruột hến đầy đặn. Giai đoạn này con hến đạt chất lượng nhất trong mùa. Tháng 5,6 có khi con hến lên đến tận cây da dù ở Chu Bái, Lạc Thành (Hòa Phong, Hòa Vang) để phù hợp với môi trường sinh sống. Tại đây hến đổi màu, có màu sậm đen, thân hến lớn hơn.

Hến vùng này cũng là hến cuối mùa, lạt lẽo gọi là hến trâu. Thời gian này thường có những trận mưa giông đổ

⁵ Gành: gành = chỗ bờ biển hay bờ sông cao và nhô ra phía trước.

vào chiều, nước từ nguồn xuống xiết, đẩy hén lúi dần đến tận cửa sông. Hén trâu không xuống kịp thường chết giữa dòng nước bạc.

Đầu tháng 7, nhân dân xóm hén gác xếp dụng cụ hành nghề cào hén, chuẩn bị chuyển mùa sang ruộng, rẫy. Trước khi gác dụng cụ, các hộ gia đình có nghề hỗ trợ cào hén tại Đông Bàu có tục tạ sông. Lễ tạ sông giữ lệ đúng ngày 10 tháng 7 âm lịch hằng năm.

Nghề hén tại Đông Bàu làng Phong Lệ có sự phân công nhau trong quá trình sản xuất. Mỗi người một việc đảm nhiệm từ đầu đến cuối. Cứ theo bài vè ghi lại không gian, thời gian, nơi chốn khi tiến hành cào hén thì đủ biết rằng nghề hén bận rộn biết bao. Không kể ngày đêm, cứ tranh thủ theo nhịp điệu lên xuống của thủy triều, nơi giao lưu giữa nước mặn và nước ngọt để hành nghề, điều kiện môi trường như thế nên cả xóm Đông Bàu lao động khẩn trương trong mùa hén.

Quá trình làm hén trước tiên phải chuẩn bị bôi⁶ đun, việc này giao cho một người chịu trách nhiệm và thường không thay đổi. Lại có người chuyên lo bện dụng cụ dùng để nạo, thường được phân cho những người có khả năng làm nghề mây, tre làm chủ chốt thực hiện. Công việc đun lửa, chụm lò giao cho con em trong gia đình đảm trách.

Sau một, vài giờ cào hén, ghe đầy hén, cập bờ, người gánh ra chợ bán, người xúc đổ vào chảo nấu chín đãi lấy

⁶ Bôi: là các loại nhánh cây bụi lùm cắt về dùng làm củi đun nấu hén.

ruột cho vào vò thong thả sẽ bán sau. Tất cả các thao tác trên là cả một dây chuyền trong sản xuất. Nếu không tổ chức tốt, có thể dẫn đến thất thu. Một ngày cào được hai chảo hến đã là năng suất cao. Mùa hến đến, ban đêm dọc theo bờ sông bắt đầu từ gà gáy đầu đã thấy đèn đuốc sáng trưng. Cảnh tập nập diễn ra trên bên dưới thuyền, đâu cũng vang lên tiếng gọi lao xao nhộn nhịp.

Người dân Đông Bàu trước khi tiến hành cào hến thường có lệ là tổ chức rước hến, sau đó mới đưa ghe thuyền và dụng cụ xuống sông. Lễ rước vào ngày 10 tháng 1, sáu tháng sau, đến mùng 10 tháng 7 là lễ tạ sông. Đây là tục lệ tiến hành đúng như quy định của xóm.

Lễ diễn ra một lần vào tiết mùa xuân, khí trời còn se lạnh, có năm gió bắc vẫn còn thổi lơ phơ. Nước sông Cẩm Lệ lờ đờ, vận tốc dòng chảy chậm dần. Mùa hến bắt đầu. Lễ rước tiến hành.

Trước khi cử lễ vài ngày, cả xóm Đông Bàu chung sức kết hai ghe làm một, trên ghe trang trí đẹp mắt, có đến 6 cây cờ xéo (cờ rìa) đủ màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen...cắm hai bên thành ghe. Quanh thành ghe trang trí các loại mô hình: khủng long, thủy long, cá ngựa, hến, sò...Tất cả kết bằng lá dừa, hoặc bẹ chuối, cây ngâu, chèo tàu...sao cho đẹp mắt là được, trông như một chiếc thuyền hoa rực rỡ giữa sông.

Trên ghe, người ta ghép, đặt một cái bàn có hương án, bài vị. Lễ rước có cử chánh bái, bồi bái, tư lễ, bộ phận trống, chiêng đi kèm. Ghe rước xuất phát từ xóm Hến,

ngược dòng đến An Trạch, sau đó quay xuống tận Miếu Một⁷ – vùng ngã ba sông – rồi quay lại xóm Hén và lễ chằm dứt tại đây.

Trên đoạn đường dài 8 km đường sông, ghe đi chậm. Trông, chiêm, cổ được Ban chấp kích khởi lên đều nhịp.

Sau lễ rước, xóm Đông Bàu xuống sông bắt đầu cho mùa cào hén. Lễ rước hén ở Đông Bàu cũng như một số địa phương khác tuy có khác về hình thức, song qua đó thể hiện yếu tố tự lực, tự cường lại vừa mang giá trị tinh thần của người dân Đông Bàu, vì sự sinh tồn của nhiều thế hệ, hằng năm đều tổ chức. Tục rước hén đã trở thành dấu ấn đậm nét trong nhân dân (nay không còn nữa), trở thành phẩm cách của Đông Bàu (Hòa) tự khẳng định bản lĩnh của mình như “*Phong Lệ mục đồng, Giàng Đông đấu vật*”. Chính vì con hén nên khi ngang qua vùng Phong Nam ta vẫn còn nghe được câu hát một thời:

*Ai về Phong Lệ thì về
Phong Lệ có nghề cào hén nuôi trâu*⁸.

⁷ Trong dân gian có câu ca rằng:

Chim kêu miếu Một, gà gáy giếng đôi.

Nhứt thốn tâm hà khắc vô do.

Ra về vừa tới bến đò.

Bâng khuâng nhớ lại mấy câu hò nữ nhi.

Chú đồ ơi bớt ngủ một tí tí ti.

Tổng nhơn lưu phước đưa tui đi về nhà...

Miếu Một tại ngã ba sông Cẩm Lệ, Cổ Cò, sông Hàn. Tương truyền miếu thờ Nguyễn Phục.

⁸ Có lúc đọc: *Phong Lệ có nghề bán hén mua trâu.*

Lễ hội Hạ điền

Phong Lệ xưa kia phát triển kinh tế thuần nông nghiệp nên việc chọn thời vụ thích hợp để tiến hành cày cấy, gieo trồng là cần thiết. Có được một vụ mùa tốt, sản lượng cao, người dân làng Phong Lệ cũng còn nhắm vào các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Vì thế, trước khi xuống đồng cày cấy, tại Phong Lệ có lệ xuống đồng. Vùng ngoại thành Đà Nẵng trước đây tục lệ này thường xuyên được tổ chức hằng năm, mãi đến khi tư tưởng "nông vi bản" không còn độc tôn nữa thì lệ tổ chức một lễ hạ điền cũng theo đó mà chấm dứt.



Bắt mọng (St)

Nói, một cách hạ điền là để phân biệt các buổi lễ hạ điền ở vùng đất Quảng xưa vì mỗi nơi tổ chức mỗi khác. Có nơi chỉ lễ mà không hội, có nơi tổ chức cả lễ lẫn hội. Một cách hạ điền ở làng Phong Lệ, Cẩm Lệ, Cẩm Nam xưa để hiểu một tục lệ của thời kỳ *nông vi bản* là thế nào ?

Hằng năm, cứ vào ngày 1 tháng 10 âm lịch (trừ những năm nhuận) các cụ ông, cụ bà và thanh niên trai tráng lực điền trong làng Phong Lệ tập trung về miếu Thần nông, Cờn Thần (có làng là miếu Tam vị, Cờn Thần) để làm lễ hạ điền bắt đầu triển khai cho một vụ mùa mới. Mỗi gia đình kể cả quan chức trong làng phải chuẩn bị một con gà trống mập mập làm sẵn thành phẩm, một bát xôi thơm (nếp được giã thật kỹ mà không xay). Vào từng sáng, theo hiệu lệnh ba hồi trống tập trung dân làng tề tựu về Cờn Thần dự lễ. Lần lượt toàn thể dân làng (trừ phụ nữ) tập trung về Cờn thần, nơi có lăng mộ Thần nông trên một vuông đất rộng chừng một sào để dâng lễ. Trong một lễ hạ điền làng Phong Lệ không có văn tế và học trò gia lễ.

Lễ bắt đầu bằng việc người hội chủ đội mũ lễ sinh thay mặt dân trong làng đứng ra hành lễ, dân làng đứng quanh lăng mộ (hoặc miếu thần, đình thần) để nghinh lễ. Lễ luôn tuân thủ đúng ba lượt: *sơ hiến lễ, á hiến lễ và chung hiến lễ*. Chước từa tuần thứ nhất đã qua, sắp đến tuần rượu nhì, bộ phận tư lễ cho đốt một phong pháo mừng Thần Nông giáng xuống đồng. Xong tuần rượu thứ nhì, vị Hội chủ (cũng như vị Chánh bái, Chủ tế) bước xuống ruộng gần nơi hành lễ cấy tượng trưng chừng 4 mét vuông ruộng với năm

bó mộng (mạ) vừa tay. Năm bó mộng tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa thổ. Vị Hội chủ phân chia sao cho sau khi cấy mộng còn thừa mới tốt. Diện tích cấy trong buổi lễ hạ điền này được dân làng giao cho một người nào đấy quản lý, chăm sóc, đến khi gặt hái mang về cất giữ mãi đến cuối tháng 8 âm lịch, làng có lệ cúng cơm mới lại đem số lúa này xay giã nấu thành cơm dâng lễ cơm mới tại đình Thần Nông. Lễ này có các thành phần dân cư trong làng tham dự.

Sau lễ hạ điền tại đình Thần nông hoặc Cồn Thần, người dân trong làng tiến hành họp dân tại đình làng, bàn về việc làm ruộng, tiến hành vụ mùa, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội vui chơi trước khi xuống đồng. Tại đình người ta còn bàn với nhau chuyện hành chánh của làng, chuyện đánh lộn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện chửi bới nhau trong xóm, chuyện nhà cháy, chuyện kiện thưa, trộm cắp... Nhưng nổi lên vẫn là chuyện làm ăn nông nghiệp, chuyện cày cấy, dân làng lại bàn đến chuyện thuê trâu cày bừa, chuyện trao đổi giống má, loại chịu úng, loại chịu hạn, loại giống cho năng suất cao... Tại đây người dân Phong Lệ trao đổi giống lúa, khoai, sắn, bí, bầu cho nhau, ai có loại giống tốt, năng suất cao được nhiều người thăm dò trao đổi, vay mượn. Họ thoả thuận nhau một cách bằng lòng, vừa ý. Đây được xem như một hợp đồng bằng miệng không có công chứng, thế nhưng trong nhân dân luôn giữ

được lời hứa, sao cho đến sau ngày 23 tháng 10 âm lịch⁹ tất cả đã được trao đổi như hợp đồng để có cây, con giống bắt đầu một vụ mùa mới.

Hội vui chơi còn kéo dài suốt cả đêm, thông thường các hình thức như hát hò khoan đối đáp, nói vè, thi đấu võ trong thanh niên nam nữ, đấu vật trong giới lão ông, đẩy cây, kéo co, vật tay... thi nhau và trò chuyện đến sáng mới giải tán.

Sau lễ hạ điền, người nông dân làng Phong Lệ, Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ, Miếu Bông, Quá Giáng... bắt đầu vào một vụ mùa mới với hy vọng sẽ được Thần nông giúp đỡ cho một vụ thu hoạch khoai lúa đầy nhà.

Lễ hội Mọc đồng

Thần Nông

Trên đã trình bày, lịch sử hình thành vùng đất Phong Lệ từ thời nhà Hồ Khai đại, đến nay đã trên 600 năm. Người Phong Lệ là những cư dân từ Thanh Hóa và Nghệ An vào nơi đây “mở rộng về phương Nam, vâng mệnh vua để tuyên dương đức hóa”¹⁰, Phong Lệ là nơi dừng chân cuối cùng khai cơ lập nghiệp của họ. Công việc đầu tiên

⁹ Ngày được cho rằng *Ông tha mà bà không tha*. Có nghĩa là trước ngày 23.10 âm lịch thế nào cũng có lụt to. Sau ngày này nước rút, hết lụt lội.

¹⁰ Xem: Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại*, (Quyển thượng), Tinh hoa cổ học, Đà Nẵng 1974, tr 12.

của các tiên dân là đoàn kết một lòng, khai sơn phá thạch, cải tạo các vùng đồi gò Đồng Bé, Đồng Lành, Đà Na...khai hoang nên ruộng tại Bàu Sen, Tây An, Bàu Cầu...cấy lúa để có lương thực nuôi sống dân làng. Làng có núi sông vây bọc, cương vực đã rõ, thuận lợi cho cư trú lâu dài. Đất đai vừa có đồng bằng, đồi núi, địa hình bằng phẳng, màu mỡ, cây trái nhiều loại, ruộng đồng khai phá đến đâu trồng được cây lúa nước cho năng suất cao đến đó. Trâu bò nuôi làm sức kéo thuận lợi, chóng lớn, phục vụ đắc lực nghề nông dùng làm sức kéo cày bừa, kéo xe, kéo gõ. Hầu hết người dân làng Phong Lệ vốn xuất thân từ quê hương bản quán là người làm ruộng, vì thế với những kinh nghiệm và hành nghề nơi quê cha, đất tổ, lấy sản xuất nông nghiệp là nghề chính, chủ yếu của nhân dân. Do đó, người làng Phong Lệ khi đã có mảnh ruộng, thửa vườn, với công cụ con trâu, cái cày, cộng với sức người đủ để khai thác, xây dựng, cải tạo sông nước, đắp đê làm đập chăm lo lao động, cần cù trên những thửa ruộng vừa mới khai phá, cấy lúa, bón phân, chọn giống cây trồng, vật nuôi... người Phong Lệ đã gắn bó với ruộng đồng, vườn tược, bốn mùa nghề nông cày cấy, được xem là yếu tố quyết định sự tồn tại, sinh thành của cộng đồng người dân tại đây.

Trong quá trình phát triển làng xã, làng Phong Lệ không khác những làng quê khác, là sớm hình thành những thiết chế, cơ sở vật chất gắn với đời sống, sinh hoạt và văn hoá tinh thần, tín ngưỡng tâm linh, đây là những xóm thôn, nhà ở, đình làng, nhà thờ, lăng miếu, từ thô sơ đến kỹ thuật

xây dựng đạt tới độ nghệ thuật ở một vài công trình còn được gìn giữ tồn tại. Gắn với những gì ra đời từ bước chân đầu tiên của lưu dân đến vùng đất mới này là những phong tục, tập quán được hình thành; giềng mối gắn kết giữa các họ hàng, dòng tộc; giữa con người với thiên nhiên; giữa cái vô hình với thế giới hữu hình là sự thờ cúng tổ tiên, thần linh (dấu thần linh là sự mơ ước, ngưỡng vọng trong tâm tưởng). Nhưng chính những phong tục tập quán như các vị cao niên còn sống và chứng kiến ngày nay đều coi là lễ nghi thiêng liêng thuần Việt. Trong đó lễ hội Mọc đồng, có



khi dân làng gọi là lễ Rước Mọc đồng, hoặc hát Mọc đồng là sáng tạo dân gian trong một không gian làng xã mà đối tượng đứng ra lo liệu là giới mục đồng, các chức sắc và dân làng. Trong những ngày lễ hội, tất cả họ không phân biệt đẳng cấp, giàu sang, nghèo hèn, ông chủ hay người làm

thuê đều chia sẻ cùng nhau sự náo nức vui tươi. Một nét đẹp văn hoá giàu màu sắc thôn quê đóng góp vào kho tàng văn hoá văn nghệ dân gian dân tộc, làm nên sự đa dạng, phong phú mang đậm bản sắc vùng, miền.

Phong Lệ xưa còn là một trong những làng quê được coi là nơi nổi tiếng hiếu học và giàu lòng yêu nước, có nhiều nho sĩ, sĩ phu ra ứng thí đỗ đạt và làm quan văn, võ bản chất là cương trực, không khuất phục, lòn cúi trước kẻ thù và bợn vua quan tay sai phong kiến. Như trường hợp họ Ông (Ung), một họ tộc gốc Chăm (Ung, Ma, Trà, Ché, Bà, Bí, La..) là những tộc họ lớn nhất của người Chăm, có mặt sớm nhất (người bản địa) ở đất Quảng Nam xưa. Ông Ích Khiêm là người ở làng Phong Lệ vốn xuất thân từ “giới chẵn trâu”, nhưng lớn lên chịu khó học hành, lại vinh hiển qua đường khoa bảng cùng với lòng yêu quê hương tha thiết đã gọi nhàn tư chất là một Ông Ích Khiêm dũng tướng can trường nghĩa khí¹¹, rồi liệt sĩ Ông Ích Đường¹², là những nhân vật đã đi vào sử sách về sự dũng cảm hy sinh, xả thân vì nước vì dân, coi cái chết nhẹ như lông hồng, đã để lại tấm gương trung liệt cho con cháu trong làng và cho đất nước.

Dòng sông Yên xuôi xuống đến đoạn Cầu Đỏ, chiếc cầu trên quốc lộ 1A, rồi từ đó là sông Cẩm Lệ chia tách hai làng làm đôi là Phong Lệ Nam và Phong Lệ Bắc, nơi có

¹¹ 1884 – 1932.

¹² 1890 – 1908. là cháu nội Ông Ích Khiêm. Chí sĩ Lê Bá Trinh, người làng Hải Châu là con rể của Ông Tấn Thiện (Ông Ích Thiện), là anh rể Ông Ích Đường.

lăng mộ Ông Ích Khiêm và mộ phần dòng họ Ông cùng mộ các chư phái tộc yên nghỉ.



Đình Thần Nông (VVH)

Ngày nay, khi đi ngang qua vùng đất Quảng, đến làng Phong Lệ (nay là Phong Nam) thuộc xã Hòa Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng nếu lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng đến hôm nay âm hưởng thiết tha về một thời kỳ mà giới nghèo khó chần trầu có dịp làm chủ làng mình, hội mình và nếu có điều kiện có lẽ cả những ngày sau nữa. "*Nhất Phong Lệ Mục đồng /Nhì Giáng Đông đầu vật*" là một tập tục lâu đời tồn tại trong nhân dân ở đây và đã trở thành niềm tự hào của họ – một niềm tự hào chính

đáng – về một phong tục Lễ hội giàu sức sống nhân văn, bền chặt ở làng quê yên bình này.

Thần nông theo truyền thuyết Trung Hoa:

Thần Nông là vị vua của Trung Hoa, họ Khương, còn gọi là Viêm Đế, thay vua Phục Hy làm vua Trung Hoa. Thần Nông chế tạo ra cày, bừa, để cày cấy, ném đủ 100 thứ cây cỏ xem loại nào có thể dùng được đem phổ biến trong nhân dân sử dụng. Viêm Đế làm vua truyền được 8 đời, dài 500 năm.

Thần nông có công tìm ra hạt giống “ngũ cốc”, dạy dân biết cày bừa, gieo hạt, trồng rau quả, trồng cây làm cho nhân dân lúc bấy giờ có lương thực sinh sống hằng ngày. Người đời sau tụng xưng công trạng Thần Nông, có thơ rằng:

*Công Thần Nông hóa dân buổi trước
Dạy nhân dân học được canh điền
Nhờ Viêm Đế đức cao ân nặng
Tìm lúa khoai người đặng no lòng.*

Theo truyền thuyết Trung Hoa, Thần Nông là vị vua thứ nhì trong “ngũ đế” vào năm 2.737 trước công nguyên. Trong ngũ đế, vua Thần Nông được nhân dân kính trọng hơn cả, bởi vì ông là vị vua đã khai sáng ra nghề trồng trọt các loại ngũ cốc trong nông nghiệp. Ngũ đế là 5 vị vua trước công nguyên gồm: *Tam Hoàng (Tam Hoàng gồm có Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông)*. Về sau, lịch sử Trung Hoa chỉ tính ngũ đế gồm: *Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế,*

Đường Nghiêu, Ngụ Thuần. Đây được xem là các thánh vương thời cổ đại Trung Hoa.

Thần Nông là con của Thiệu Điền và bà An Đăng. Tương truyền bà An Đăng nằm mộng thấy rồng đánh ¹³ trong lúc mang thai Ngài. Ngài được sinh ra tại Thạch Thất trong núi Liệt Sơn. Khi lớn lên Ngài có vóc dáng to cao, thông minh, được dân chúng tôn lên làm vua, Ngài dung hòa đức để trị dân, được thiên hạ phục tùng. Long châu hổ bãi. Suốt thời kỳ làm vua có công dạy nhân dân cày cấy, sống trong cảnh thái bình thịnh đức. Có lần Ngài nhìn thấy quần chúng giết thú vật ăn thịt mà lòng Ngài chẳng nở, từ đó, Ngài quyết tâm đi tìm kiếm các giống ngũ cốc, chế ra cày bừa, dạy dân làm ruộng, trồng lúa, gặt, giã, dùng, sàng thành gạo đem nấu chín mà ăn. Ngài lại có sáng kiến họp chợ trao đổi hàng hóa cần dùng.

Nhờ vua Thần Nông mà dân chúng bắt đầu định canh, định cư, bỏ dần lối sống du canh du cư. Dân chúng ốm đau bệnh tật, Ngài bỏ công tìm kiếm các loại cây thuốc về sắc lấy nước uống để trị bệnh. Để có thuốc trị bệnh cho dân, tương truyền vua Thần Nông phải ném các cây thuốc để định dược tính của vị thuốc trị được những bệnh gì. Có lúc trong một ngày nhà vua phải ném 70 vị thuốc khác nhau, có nhiều cây thuốc độc dược làm Ngài phải lâm bệnh. Ngài lại suy nghĩ phải tìm thuốc trị bệnh cho mình khi đã có kết quả mới đem vị thuốc đó chữa trị bệnh cho nhân dân. Ngài đem kinh nghiệm của mình đã đạt được truyền dạy cho

¹³ Rồng đánh: con rồng bầu vào, quần vào người.

nhân dân để nhân dân tự trị bệnh. Nhờ đó dân được yên, nơi nơi no đủ, làng xóm yên vui.

Vua Thần Nông mất tại Trường Sa, thọ 140 tuổi, làm vua được 120 năm.

Dân chúng biết ơn Ngài tôn vinh Ngài là ông tổ của nghề làm nông và cũng là ông tổ của nghề chế thuốc bằng cây lá trị bệnh.

Truyền thuyết về Thần Nông tại làng Phong Lệ, huyện Hòa Vang, Phủ Điện Bàn

Tại làng Phong Lệ, tương truyền rằng ngày xưa ngày xưa có một cụ già tóc bạc, râu trắng cước dài như một tiên ông. Không ai biết cụ già từ đâu đến ở tại làng. Cụ đặc biệt gần gũi và yêu mến giới chăn trâu và cụ cũng thường được giới chăn trâu săn sóc nâng niu kính trọng như người thân thích. Lại nữa, giới mục đồng kính trọng cụ vì cụ nói những điều linh nghiệm!

Về sau, tuổi già sức yếu, ông cụ chết tại một gò đất về sau giới chăn trâu gọi là Cồn Thần. Giới mục đồng tại làng Phong Lệ mai táng cụ, đắp cho cụ một nấm mộ. Mặc dầu cụ mất nhưng hằng ngày giới chăn trâu thường đến gò chăm sóc mộ cụ, tỏ lòng thương tiếc cụ. Mục đồng nào chăn trâu, có trâu đi lạc đến mộ nhờ cụ, khăn vải cụ vãi lên, sau đó trâu sẽ trở về, khỏi phải đi tìm. Từ đó trở đi, giới mục đồng làng tin vào những linh nghiệm của cụ, tiếng đồn gần xa lan truyền đến người lớn - nhân dân - và sau

*đáy thể theo linh ứng của cụ, giới chăn trâu làng Phong Lệ mở hội rước Thần nông về làng Phong Lệ*¹⁴.

Theo năm tháng, gò có mộ Thần Nông được giới chăn trâu gọi là Cồn Thần¹⁵, địa danh này hiện còn ở Xóm (Xứ) Đồng (nay là thôn Phong Nam, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang).

Lại có câu chuyện khác kể về sự xuất hiện của Thần Nông tại làng Phong Lệ. Chuyện rằng:

¹⁴ Chính thể mà trong câu hát gọi bò của giới chăn trâu ngày trước ở làng Phong Lệ có nhắc đến Thần nông:

... Chớ nhảy băng đồng

Thần nông vãn hợng...

¹⁵ Cồn Thần có nền đá tự nhiên, màu trắng, mặt nghiêng rộng 3 - 4 m².



Tàng đá thần (VVH)

Ngày xưa có vị Thần Nông từ Trời giáng xuống gò đất của làng, tay Thần cầm cò, thường hay dạo chơi thân mật với giới chăn trâu khắp đồng. Từ đó giới mục đồng và dân làng truyền nhau gò làng rất thiêng, ai qua đấy nếu quở, về nhà sinh bệnh mà chết, phải có lễ khấn vái mới qua khỏi. Người nào ngồi lên mộ thần là bị dính vào mộ không sao có thể gỡ đứng lên được, cũng phải làm lễ xin Thần mới được tha. Có người còn cho rằng hiện tượng trên chỉ xảy ra với người làng khác đến, còn với người làng Phong Lệ thì không, đặc biệt giới mục đồng chăn trâu thì không xảy ra việc gì. Vì những lý do như vậy mà Cồn Thần Nông đến nay vẫn quang đãng và trở thành nơi tụ tập chơi đùa của

giới mục đồng chăn trâu; đồng thời Cồn Thần tại Xứ Đồng (Xóm Đồng) cũng là nơi dùng để rước lễ Thần Nông về đình Thần Nông làng Phong Lệ.

Và cũng trên địa danh Cồn Thần này, ngày xưa đã là một vùng gò nổi lên giữa cánh đồng ở Xóm Đồng, trên cồn chỉ toàn cỏ dại tươi tốt, nơi giới mục đồng chăn trâu thường lùa trâu, bò đến cồn mỗi ngày, đến đây thả rông gặm cỏ, còn các mục đồng bày trò vui chơi: bắt chun thang, nhảy dây, đuổi bắt, hát đố nhau vô tư, hát đồng dao gọi bò huyên náo khắp cồn. Vào mùa lũ lụt, sau những ngày mưa lớn, cánh đồng ngập trắng nước, Cồn Thần hiện lên như một ốc đảo nhỏ nhoi, chim cò bay lượn rồi đảo cánh đáp xuống trú chân. Các mục đồng lớn, nhỏ càng vui sướng cỡi trâu lên đây tránh nước, có dịp thi thố trò chơi, dùng nón lá làm thuyền, dùng bẹ chuối, mo nan kết bè thả trôi, hè nhau bơi lội, té nước lên nhau, rồi leo lên tảng Đá Thần dậm chân hát đồng dao gọi bò. Tảng đá duy nhất ấy ở Cồn Thần cũng là hiện tượng lạ, trong dân gian Phong Lệ và các vùng lân cận được truyền rằng:

Khi đến Cồn Thần, bất kỳ những ai đến đây vô tình ngồi trên tảng đá, tự nhiên bị dính chặt không đứng dậy được. Có những đàn vịt đi ăn trên cánh đồng, khi leo lên tảng đá đứng rĩa lông, hoặc chỉ băng qua là hai chân như dán chặt vào mặt đá. Những lúc gặp tình huống linh thiêng ấy xảy ra một cách kỳ lạ, thì chỉ có một cách duy nhất là người nhà đem hương đèn, lễ vật đến khấn vái, thì người và vật được trở lại bình thường, yên lành ra khỏi nơi đấy.

Duy chỉ có tre chẵn trâu và những con trâu, con bò thân thiết của chúng hằng ngày đến đây là không hề hấn gì.

Lại cũng có câu chuyện về sự xuất hiện của Thần Nông được giới chẵn trâu và những người nông dân lam lũ kể nhau nghe mỗi lần vãn công, đôi công trong mỗi vụ mùa tại làng Phong Lệ. Chuyện rằng:

Ngày xưa, tại làng Phong Lệ, huyện Hòa Vinh (tức Hòa Vang ngày nay), tổng Thanh Quýt, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, xứ Quảng Nam, có gia đình “đại phú gia”, họ Ông, ruộng đồng mênh mông bát ngát, thẳng cánh cò bay. Đặc biệt trong mỗi bữa ăn hằng ngày, lúc nào cũng có cơm, canh thừa mứa trong chén và trong nồi nấu cơm. Và cứ thế, thường nhứt sau mỗi bữa ăn, lúc nào cũng có ông lão ăn mày bạch mi (lông mày trắng), mặt đỏ, râu tóc bạc phơ, chổng gậy trúc, mang túi đầy đan bằng cỏ lác (tức loại cỏi dẹt chiếu), đến ăn xin. Ông lão hành khát khẩn khoản tỏ bày với gia chủ: “Tôi đến đây không xin gia chủ bố thí cái gì, vật gì mà chỉ cốt xin gia chủ cứ sau mỗi bữa ăn, cho tôi rửa chén và không đòi hỏi gia chủ trả công lao”. Lời khẩn cầu của ông lão ăn xin được nhà phú nông chấp nhận. Cứ thế, ngày qua tháng lại, năm dài, ông lão ăn mày thấy đều có mặt đứng sau bữa ăn để nhận rửa chén.

Thế rồi, chẳng bao năm sau, gia đình phú Ông lâm cảnh sa sút, ruộng đồng đều bán hết, con cháu phải tha phương cầu thực bằng hình thức “đi ở đợ chẵn trâu” cho những phú gia trong vùng để độ nhứt, từ đó trở thành kẻ mục đồng.

Trước tình cảnh gia đình vô cùng khốn khổ của phú Ông, ông lão bạch mi ăn mày thuở trước bỗng xuất hiện, cứu đói cho gia đình phú Ông bằng những bao cơm chín đã được phơi khô. Gia đình phú Ông tiếp nhận món quà cứu đói của ông lão bạch mi, lòng phơi phơi mừng và tỏ lời cảm ơn. Rồi ông lão bạch mi nói: “Số cơm khô này, chính là cơm của gia đình ông ăn để thừa ngày trước, tôi vì biết gia đình ông sẽ có ngày cùng cực đói cơm, do không biết biết quý hạt cơm là hạt ngọc của trời đã ban cho loài người ở thế gian, hễ ai phụ cơm thì ắt hẳn sẽ có ngày đói cơm, nên tôi đã ân cần đến nhà ông để xin được rửa chén và tôi cũng đã cẩn thận đem cơm thừa ấy về phơi khô, nay tôi đích thân mang đến để biếu lại ông dùng.

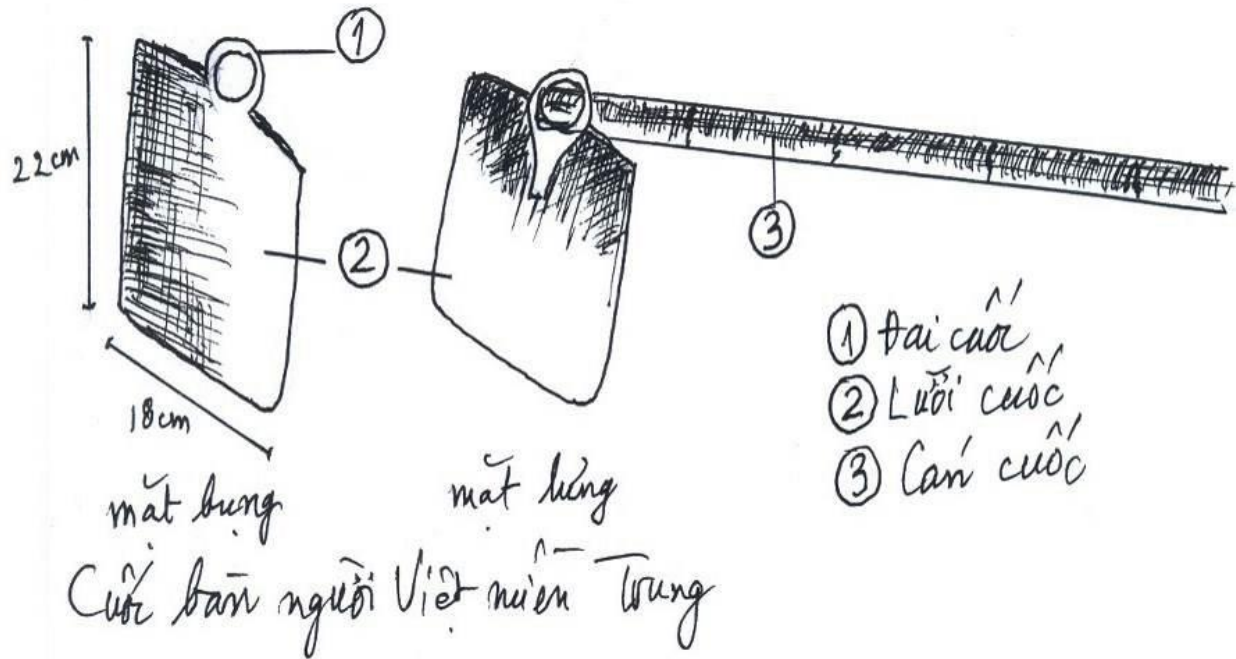
Trước nghĩa cử cao đẹp cùng lời nói và sự hiểu biết tường tận của ông lão bạch mi, khiến phú Ông vô cùng cảm kích và tôn kính. Phú Ông bèn thành tâm xin ông lão bạch mi cho biết danh tánh và chỗ ở để có dịp đền ơn, trả nghĩa. Ông lão bạch mi nói: “Ông muốn biết tôi là ai? Làm gì? Ở đâu? Thì ông hãy đi theo tôi”. Phú Ông liền vội theo chân ông lão bạch mi qua sông ngược lên một cồn đất giữa làng, đến nơi ông lão bạch mi nói: “Ta là Thần nông hạ giới”. Nói xong, ông lão bạch mi biến mất theo làn gió nhẹ giữa cồn. Phú Ông chợt nhìn thấy trước mặt là tảng đá to màu trắng lẫn sắc hồng nằm ngay trên cồn đất.

Tiếng đò gần xa, từ đó nhân dân làng Phong Lệ đặt tên là “Đá Thần”, cồn đất nơi có tảng đá, gọi là “Cồn Thần”. Và cũng kể từ đó, dân làng Phong Lệ mà chủ thể

là đám chẵn trâu có tục lệ mở lễ hội Mọc đồng rước Thần Nông về làng. Dần về sau lễ hội trở thành truyền thống của làng không bỏ được.

Về Phong Lệ còn nghe nhiều chuyện kể về sự xuất hiện của lễ hội mọc đồng – một lễ hội có một không hai – ở nước ta nói chung và đất Quảng nói riêng. Thường, lễ hội đình làng hay các lễ hội xuất phát từ sản xuất lúa nước đều do các vị bô lão trong làng tổ chức và điều khiển. Thế nhưng tại làng Phong Lệ, huyện Hòa Vinh (nay là Hòa vang) xưa kia lễ hội do giới mọc đồng làm chủ sự, tự bầu người tổ chức, hè nhau rước mọc đồng về đình Thần Nông tế lễ là chuyện khó có thể tin được thời phong kiến. Không phải lúc nào trong làng cũng bình yên vác cuốc ra đồng sản xuất mà dưới lũy tre làng còn có lắm chuyện xảy ra trong lực lượng ngũ hương. Vị trí ngôi tại đình làng là chuyện thường phải có sự dàn xếp... vậy mà giới mọc đồng được đến ngôi tại đình làng là chuyện hy hữu từ trước tới nay và chỉ có một làng không có đến hai. Người cao tuổi tại làng Phong Lệ, những lúc nhàn nhã, những ngày nông nhàn, đem chuyện Mọc đồng ra kể lại cho lớp người trẻ tuổi theo cách *ông cố tri tân*. Theo đó cũng là dịp các cụ truyền dạy lại cho thế hệ sau tiếp tục phát huy lễ hội độc đáo tại địa phương. Người ta còn kể với nhau rằng: *Khi Tiểu tướng Ông Ích về làng cư trí, thường hay dạo đồng, đánh bắt cá với các thanh niên trai tráng trong làng tại Bàu Sen, Bàu Da, Hóc Giá... tát nước ao làng tại mạch Cửu Nhung hoặc chẵn trâu với giới mọc đồng. Đôi khi bơi ghe xuống bãi La*

Hường, vùng Lỗ Giáng bứt sen làm khuây hay lên tận Tây An đánh bắt cá đồng cho khuây khỏa tấm lòng trong những ngày trí sĩ để tránh con mắt dòm ngó của các quan chức tổng, huyện thời bấy giờ.



Vẽ theo hiện vật (VVH)

Để có người đồng cảm với mình, Ông Ích Khiêm tụ tập giới mục đồng lại, tổ chức các trò vui chơi dân gian: đẩy gậy, vật tay, nhảy dây, ông làng, chơi cùm... rồi dần dần đặt ra chuyện rước Thần Nông về đình làng, việc làm như vậy để tránh con mắt dòm ngó của các lực lượng quản lý trong làng lúc bấy giờ mà thôi. Từ đó có thói quen, năm nào Ông Ích Khiêm cũng tụ tập giới mục đồng lại để rước Thần Nông, dần thành lệ, nhiều năm vũ không thuận, phong không điều, nhân dân ta thán rằng do các quan làng ăn ở không phải đạo nên trời bắt phạt, hạn hán, đói kém,

mất mùa, bệnh tật, Ông Ích Khiêm nhân đó dựa vào truyền thuyết Thần Nông hiện hữu trong tâm thức người dân Phong Lệ, cho rằng cần phải tổ chức rước Thần đủ nghi lễ về đình làng để tế lễ, thần sẽ giúp cho mưa thuận gió hòa, được mùa tăng vụ. Nhờ vào uy tín của mình, dân làng Phong Lệ đồng thuận giúp giới mục đồng làm lễ. Còn đất tại Xứ Đồng là nơi giới mục đồng thường tụ tập, nơi đây lại có một tảng đá trắng, mặt phẳng rộng chừng một mét vuông, có thể chọn làm nơi rước thần. Từ đó hình thành lễ hội Mục đồng tại làng Phong Lệ. Trong việc điều hành lễ hội hoàn toàn do giới chẵn trâu thực hiện, các lực lượng ngũ hương, quan chức trong làng phải ra sức phục vụ chu đáo.

Lễ hội ngày càng cắm sâu vào tiềm thức nhân dân không bỏ được. Ba năm một lần theo cách “tam niên nhất lệ” thời bấy giờ, vẫn phải tổ chức vào mùa hè khô nắng hạn nhằm cầu cho vũ thuận phong điều, nhân dân được mùa no đủ. Được thế, toàn thể người dân làng Phong Lệ biết ơn Thần Nông, mừng reo một tiếng: Giá...hạ...!

Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ là một lễ hội đặc biệt có thể là của nhân loại nói chung, mang đầy tính nhân văn và tinh thần cộng đồng sâu sắc, để chuẩn bị chu đáo và đỡ tốn kém, họ đồng thuận ba năm tổ chức một lần, giới mục đồng khiêng kiệu đến Cồn Thần, cung nghinh xin được rước Thần Nông về đình làng gọi là đình Thần Nông tế lễ cầu xin vũ thuận phong điều, mùa màng tươi tốt, dân làng ấm no, yên ấm. Những năm không hát Mục đồng thì rước

Thần nông. Lễ rước Thần nông bắt đầu tiến hành từ mộ thần về đình thờ Thần nông.

Tảng Đá Thần ngày nay vẫn còn tro gan cùng tuế nguyệt. Thời gian, mưa nắng khắt nghiệt, tảng đá có xê dịch quanh đó, do bà con trong làng lên đây tranh thủ tận dụng chút đất màu mỡ trồng tía vài thứ rau, bắp. Nhưng tảng Đá Thần luôn là hiện vật được dân làng tôn trọng, hương khói mỗi dịp lễ, tiết, nhất là trong những ngày lễ trọng như Lễ hội Mọc đồng, rước Thần nông diễn ra, các chức sắc, dân làng và giới chẵn trâu được thể hiện, bày tỏ lòng thành kính của mình trước những sự tích linh thiêng và di vật còn hiển hiện trên đất làng và trong tâm thức của họ

Việc rước lễ Thần nông chủ yếu do giới chẵn trâu chủ sự, có sự giúp sức của các chức phái tộc và lực lượng ngũ hương trong làng ¹⁶.

Hằng năm vào tiết tháng 4, hoặc tháng 5 ngày 1 âm lịch là tổ chức rước lễ. Ngày, tháng rước có thể dao động tùy theo tình hình thời tiết nắng mưa. Để chuẩn bị cho ngày này, làng Phong Lệ giao nhiệm vụ cho những vị là trưởng chức phái tộc trong làng và những người cày ruộng công quân cấp lo làm kiệu, cờ, lồng đèn, hoặc vận động những gia đình khá giả ủng hộ cơm, nếp, gà, vịt...cho lễ hội. Mỗi chủ vịt từ 4 đến 5 con, đây là lệ chẵn trâu quy định. Còn nhiều lễ lệ mang tính chất địa phương ¹⁷. Mỗi hộ gia đình

¹⁶ Hương mục, hương thân, hương lý, hương kiểm, hương bộ.

¹⁷ Còn nhiều lễ lệ mang tính địa phương hằng năm có lễ cầu an, cầu phước, rước sắc thần ngày mùng 9 tháng 2 âm lịch. Thần Nông ban lệnh lịch thời vụ vào ngày mùng 1 tháng

có trâu, có ruộng phải dâng một mâm xôi, một con gà trống luộc. Khi dân làng và đám rước Mục đồng về đình nghỉ trưa hoặc tối là cờ đóng hai hàng trước sân đình đi vào bên trong đình, hương kiêu, hương dịch phát ra sáu người một mâm xôi, một con gà. Tiêu chuẩn trưa và tối mỗi ngày hai lần trong các ngày lễ hội đều như vậy. Con cháu khắp mọi miền đất nước, khách bốn phương tấp nập dự lễ hội Mục đồng là nguồn cổ vũ cho địa phương Phong Lệ. Làng trên, xóm dưới dọn đường sá, nhà cửa tươm tất đón khách quen thuộc thông tình rộn ràng như ngày Tết. Đặc biệt là ngày cuối, lễ rước Thần Nông diễn ra sôi nổi cảnh đạo đồng trên tất cả các đám ruộng và những cánh đồng cao ráo phía đông của làng. Phần lớn vận động trên tinh thần tự nguyện là chủ yếu. Giới chẵn trâu được cắt cử, tổ chức thành nhóm lo mọi công việc từ rước lễ, ăn uống, dọn dẹp...rất có trách nhiệm, quy cũ và trật tự.

Cờ kiệu làm xong, theo quy định của làng mang ra đặt tại sân đình Thần nông bình phẩm, chắt chọi, xếp loại khen thưởng trước khi tham gia lễ hội. Kiểm tra xếp loại khen thưởng xong, cờ kiệu và các phẩm vật khác được mang đến mộ Thần nông tiến hành lễ theo ngày giờ quy định, thành tâm rước thần về đình thờ. Giới chẵn trâu trong những ngày này được coi trọng, người lớn tuổi cũng phải phục vụ hết mình, xem như là nhiệm vụ phải thực hiện mà không câu nệ, phân biệt giai tầng trong làng xóm. Giới chẵn

10 âm lịch. Ngày này cúng lễ hạ điền, vị chủ lễ cấy cây lúa đầu tiên, sau đó dân làng phân khởi ra sức tăng gia sản xuất.

trâu rất vui và phấn kích trong những ngày này, xem đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của giới mình nên tất cả giới mục đồng, trẻ chăn trâu trong làng được huy động tham gia lễ hội không trừ một ai.¹⁸

Cờ Mục Đồng (VVH)

Tam niên nhứt lệ, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức rước Mục đồng một lần vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu. Chủ yếu của lễ là khiêng kiệu rước Thần nông dạo quanh cánh đồng của làng Phong Lệ. Thời gian rước 2 ngày 3 đêm, đêm thứ 3 sau lễ rước là hát Mục đồng. Trong 2 ngày 3 đêm đó đám ruộng, đám thổ nào của người dân mà không được rước kiệu



Thần Nông dạo qua thì xem như trong ba năm tới làm ăn sẽ không được mùa, cuộc sống gia đình theo đó không được Thần Nông giúp đỡ, đủ thiếu thất thường, quanh năm khó nhọc. Do vậy, hễ đã rước Thần Nông dạo đồng thì thế nào người dân trong làng cũng phải đề nghị rước dạo qua tất cả các đám ruộng hoặc đất thổ của người dân trong làng. Do

¹⁸ Xem truyện tại phần phụ lục để hình dung được niềm vui của trẻ mục đồng làng Phong Lệ trong những ngày dự hội.

đó, cuộc rước Thần Nông về làng Phong Lệ được tổ chức dài ngày là vì vậy.

Sau lễ rước Thần về đình Thần nông, bộ phận tư lễ an vị xong là khai châu mở hội vui chơi bằng hình thức hát giáo tuồng (hát bội) nhân đó, người làng Phong Lệ còn gọi đêm hát là *Hát Mực đồng*.

Công việc chuẩn bị lễ hội từ xa

Người Phong Lệ chọn trâu

Người làm nông nghiệp, đặc biệt nông nghiệp trên những thửa ruộng lầy tại Xứ Đồng Cầm Nam làng Phong Lệ mà không có con trâu kéo cày, bừa thì thật là khó nhọc. Do vậy, người đất Quảng nói chung, ngoài quan niệm *làm nhà, cưới vợ, mua trâu* tức là người con trai phải trưởng thành có cơ ngơi nhà cửa (mặc dầu là tranh tre), phải thành thân, có gia thất và tạo lập cơ ngơi phát triển lâu dài; cũng còn có quan niệm rằng *làm nhà, tậu ruộng, mua trâu* là ba việc lớn trong mỗi cuộc đời con người, đặc biệt là con trai lực điền, là trụ cột của mỗi hộ gia đình lại càng phải khắc sâu ba nhiệm vụ đó trong lòng. Muốn sắm trâu để dùng vào việc cày bừa, hay con trâu nái để sinh sản tốt, người dân làng Phong Lệ thường phải dựa vào các kinh nghiệm của cha ông nhiều đời truyền lại. Không phải đến Phong Lệ mới có kinh nghiệm mua trâu, nuôi trâu mà bài học này được mang theo từ thuở “mang gươm đi mở nước” vào thời Lê hoặc trước đó đã lâu. Theo các lão nông làng Phong Lệ,

muốn mua con trâu đực khoẻ mạnh để cày giỏi, phải chú ý các đặc điểm sau:

*“Sừng canh ná
Dạ bình vôi
Tai lá mít
Đít lông bàn
Mắt óc nhôi
Đuôi dài thon thả”.*

Theo kinh nghiệm đó, muốn chọn trâu tốt nên theo cách nhìn của dân gian được đúc kết thành tục ngữ lưu truyền trong dân. Hoặc mua nái khoẻ mạnh, không bệnh tật để sinh sản tốt, phải chú ý đến các đặc điểm sau:

*-Minh bầu, cổ lã, miệng gàu giai
Tai lá mít, đít lông bàn, mắt óc nhôi, đuôi dài
thon thả (hay ăn, cày khỏe)”.*

*-Đầu thanh
Triền cao thấy hậu
Chẳng tậu liền tay.*

Hay:

*-Trâu một khoang không màng chi xoáy
Cao trước thấp sau làm giàu cho chủ.*

Không chỉ có kinh nghiệm những đặc điểm thể hiện về hình dáng, người dân Phong Lệ còn xem xét trâu có đặc điểm về màu sắc cũng cần xem xét kỹ lưỡng trước khi chọn mua một con trâu cày thật khỏe, hoặc một con trâu tham gia vào lễ hội Mục đồng. Để đạt được nguyện vọng, người

nông dân làng Phong Lệ lại dựa vào các đặc điểm sau đây của con trâu:

*“Lang đầu thì bán,
Lang trán thì nuôi,
Lang đuôi làm thịt”.*

Qua kinh nghiệm thực tiễn sản xuất trên cánh đồng làng mùa mưa ngập nước, hè đến khô hạn của Phong Lệ, được truyền lại qua bao thế hệ đời người, người nông dân biết nhìn trâu để chọn những con con trâu tốt mà không cần đến những người buôn trâu, hay lường gạt họ:

*Lái trâu, lái lợn, lái bò
Trong ba anh ấy, chẳng nghe anh nào!*

Căn cứ vào cấu tạo của các bộ phận của cơ thể trâu như bộ lông, độ mỏng của da, mạch máu nổi trên mặt..., họ cũng chọn được những con trâu vừa ý.

*Con trâu lông mè, da giấy đi mấy thì đi
Khô chân, gân mặt, đất tiền cũng mua.*

Người nông dân còn có nhiều kinh nghiệm khác khi quan sát đôi sừng, xoang bụng, mõm, mắt, móng để tránh chọn các con trâu xấu mà mua được những con trâu ăn nhiều, khoẻ mạnh và cày giỏi:

*-Mõm gàu gai, tai lá mít, đít lông bàn,
-Sừng cánh ná, dạ bình vôi, lưng chó ngòi, đít mâm
thau,
-Sừng quắp vào tai, đuôi dài tận gót, góc tót đi âm âm,
- Miệng mo gai, tai lá mít*

Sừng đóng khít tai, đuôi dài sát gót

-Cày ruộng toác đi ầm ầm

Cày ruộng dầm đi xấp xới.

Bằng cách quan sát các xoáy lông, đốm lang, tóc chóp (lông mọc dài trên đỉnh đầu), màu sắc, niêm mạc, mũi, lưỡi... những nông dân có kinh nghiệm có thể phân biệt được con trâu nào tốt hay xấu:

-Lang đuôi thì bán,

lang trán thì cày.

-Đốm đầu thì nuôi

đốm đuôi thì thịt.

-Lọ đầu thì bán

Lọ trán thì nuôi

Lọ đuôi thì thịt.

-Tam tinh xoáy sọ thì chữa

Đốm đuôi sát chủ thì đưa vào nôi.

Những kinh nghiệm thực tiễn đã giúp cho người nông dân tránh mua hay không sử dụng những con trâu xấu có đặc điểm sau:

-Xa sừng mắt lại nhỏ con

Vụng đàn, chậm chạp ai còn mua chi?

-Chân to bàn nặng kéo cày làm sao,

Lại thêm tiền thấp hậu cao,

Đuôi chùng quá gôi đi nào được đâu!

Tuy nhiên, người dân làng Phong Lệ thường quan niệm không nuôi trâu trắng vì cho rằng: *trâu trắng tới đâu, mắt*

mùa tới đó. Do đó không nuôi để cày bừa, kéo xe và cũng không dùng để lấy thịt. Các làng khác ở Hòa huyện Hòa Vang đều thế, không riêng cho làng Phong Lệ.

Người nông dân Phong Lệ qua thực tiễn sản xuất đã có những kinh nghiệm quan sát để không dùng những con trâu hung dữ, khó điều khiển trong cày bừa, gặp thế không mua để cày bừa:

-Trâu hoa tai, bò gai sừng

-Trâu tóc chóp, bò mũi mấn

-Trâu nghiêng hàm, bò bạch thiết

-Trâu hàm nghiêng, lưỡi đóm cà

Vénh sừng, tóc chóp, cửa nhà không yên.

-Tam tinh xoáy sọ thì chừa

Đóm đuôi sát chủ thì đưa vào nôi!

Xưa kia người dân Phong Lệ thường nuôi trâu để bán cho các vùng lân cận, nhiều nhất là xóm Đồng. Xóm Đồng có Cồn Thần, lại là nơi có đồng rộng, có thể thả trâu ăn tự do mà không phải chăn dắt thường xuyên. Trâu tại Phong Lệ là trâu tốt, các vùng trong huyện đều về Phong Lệ để mua trâu. Theo đó trong dân gian có câu:

Ai về Phong Lệ thì về,

Phong Lệ có nghề cào hén, nuôi trâu.

Hình tượng con trâu trong đời sống người Phong Lệ

Từ khi thành lập làng đến nay, người nông dân Phong Lệ trên quê hương đất Quảng luôn gắn bó với ruộng đồng làm ra hạt lúa củ khoai, củ sắn để nuôi sống bản thân và gia đình. Trong công việc nhà nông, người bạn gần gũi, thân thiết nhất với nông dân là con trâu. Trong ca dao người Việt có:

*- “Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Trâu đây ta đố ai mà quản công
Bao giờ cây lúa trổ bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn”.*

Hoặc trong đồng dao trẻ em thường hay hát:

*- “Ai bảo chăn trâu là khổ
Chăn trâu sướng lắm chứ
Ngồi mình trâu phát ngọn cỏ lau
Miệng thì hát nghêu ngao
Vui thú không quên được đâu
Ngoài sườn non gió mát...”*

Thì tại Phong Lệ lại có :

*-Bao giờ cho mạ lên non,
Một trăm mẫu đất có con trâu cày¹⁹
-Cấy cạn rẫy nhiều là điều nhà nông*

¹⁹ Bài ca dao nói lên sự mong ước của những người làm ruộng, làm sao dòi được các ngôi mộ lên chôn ở trên núi để có đất cấy cày.

*Cày cạn khoẻ trâu, cày sâu tốt lúa.
- Chê thao bận lúa, cũng loại con tằm,
Chê dèp mang giày, cũng loại da trâu.*

Người dân Phong Lệ hay người Quảng nói chung muốn làm nên cơ nghiệp cho cả một đời, không thể không nhờ đến con vật nuôi quý báu ấy, vì *con trâu là đầu cơ nghiệp*.

Đối với người Việt Nam, con trâu là một loài gia súc gần gũi nhưng chưa được khai thác hết tiềm năng. Ngày nay, khoa học càng phát triển thì giá trị các sản phẩm từ con trâu ngày càng được đánh giá đúng mức²⁰.

Ở ta, trâu được thuần dưỡng sau nghề trồng lúa nước cách đây 4.000 năm hay lâu hơn nữa, và con trâu đã được con người thuần dưỡng sau một số gia súc khác như con chó, con lợn và con bò. Những khai quật khảo cổ học ở nhiều điểm khác nhau của di chỉ Đồng Đậu, một làng cổ dưới thời Vua Hùng, nhờ phương pháp đồng vị phóng xạ C¹⁴, các nhà khoa học đã xác định được rằng loài trâu đã được người Lạc Việt thuần dưỡng cách đây 3.200 năm.

Từ rất lâu, người nông dân nước ta đã biết coi trọng con trâu trong việc xây dựng cơ nghiệp của mình. Họ ao ước có một con trâu trong nhà để giúp sức trong công việc

²⁰ Sức kéo của trâu lớn hơn bò. Theo nghiên cứu của một số tác giả ở nước ta, một con trâu khỏe mỗi ngày cày được 2,07 đến 3 sào Bắc bộ (360 m²) tùy theo loại đất nặng hay nhẹ. Một con trâu trung bình cày được 2 đến 3 sào và một con trâu yếu chỉ cày được 1,7 đến 2,07 sào mỗi ngày.

đồng áng, góp phần làm cho cuộc sống bớt nỗi khó khăn. Đối với họ: *Con trâu là đầu cơ nghiệp*. Người nông dân ước ao có được: *Ruộng sâu trâu nái*. Ruộng sâu cày sâu, bón phân nhiều, chăm sóc tốt sẽ cho năng suất cao hơn ruộng cạn. Trâu nái, ngoài việc cày bừa, còn có khả năng sinh sản, đẻ ra nhiều nghé là một tài sản quý giá của người nông dân không chỉ của làng Phong Lệ, huyện Hòa Vinh

21

Trâu có sức khỏe, giúp cho công việc nhà nông, mặc khác trâu còn là con vật khôn ngoan được thuần dưỡng nuôi nấng, chăm sóc thường xuyên, cho ăn no ngủ kỹ. Phần lớn là trâu hiền lành thường không cưỡng lại ý người nuôi. Trâu không bao giờ quên đường về, bỏ chuồng đi nơi khác, trâu ở đâu là nhận biết chỗ ở dù nơi ở không khô ráo trâu vẫn không bỏ được chuồng. Dù cho trâu ăn ở cánh đồng khác làng, đường sá không quen nhìn, nhưng trâu vẫn nhớ đường về, không đi lạc. Trong dân gian thường nói: *Lạc đường theo chó/ Lạc ngõ theo trâu* là một kinh nghiệm trong dân gian. Trâu đối với người nhà nông là con vật thân thiết và quý giá, nên các bậc phụ huynh trong gia đình mượn hình ảnh con trâu để nhắc nhở con cháu không nên sa đà nghiện ngập trâu thuốc có hại đến nỗi lâm vào cảnh: *Hút thuốc bán trâu/ Ăn trâu bán ruộng*. Hình tượng con trâu trong tri thức dân gian cũng thường được dùng để nêu

²¹ Trong tình hình hiện nay ở nước ta, mặc dầu việc cơ giới hóa đã được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, nhưng phần lớn diện tích trồng trọt nhất là ở vùng trung du và miền núi vẫn được cày bừa bằng sức kéo của trâu bò.

lên một hành động, một tính cách của con người trong phép đối nhân xử thế ở đời: *Trâu cột ghét trâu ăn/ Quan võ ghét quan văn dài quần*

Đó chính là lòng đố kỵ của con người, lọc lừa quá mức, xem ai cũng không vừa ý, ví như con trâu kén cỏ, cỏ nào cũng chê, không ăn thì trâu ấy phải gầy còm, người học trò nay chê thầy này dạy không hay, mai chê thầy khác giảng không tốt, rốt cuộc anh ta chỉ là anh học trò nhác mà thôi. Câu: *Trâu kén cỏ trâu gầy/ Trò kén thầy trò nhác* là trường hợp trên. *Trâu chậm uống nước đục* Lại khuyên con người phải nhanh nhẹn, nhạy bén với công việc để có thể đạt được kết quả tốt, nếu cứ chậm chạp không tiến lên kịp bạn bè, kịp phong trào thì tất phải thua kém, lẹt đẹt ở vị trí thấp hèn. Đối với những người thiếu trí thông minh, để tiếp thu một câu nói hay một lời khuyên về vấn đề gì, người ta thường dùng cụm từ *đàn gảy tay trâu*.

Trong quan hệ vợ chồng, cũng có khi xảy ra điều nghi kỵ, không tin tưởng nhau, dẫn đến việc người chồng hoặc bạn trai chôi bỏ đứa con mà người vợ hoặc người yêu sinh ra. Trong trường hợp này, có bậc cha mẹ, chú bác khuyên con cháu: *Thôi, trâu ai cũng là nghé mình*, nên chấp nhận đứa trẻ để giữ sự hoà thuận trong gia đình, và cũng vì lòng nhân đạo đối với một sinh linh vô tội.

Để phê phán một cuộc hôn nhân không cân xứng, người con gái thì khôn ngoan hiền thực, mà người con trai lại kém cỏi, người ta thường dùng câu: *Con gái khôn lầy thằng chồng dại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu*. Con

trâu tuy to thân xác, nhưng *mười tiếng trâu ho không bằng một con bò rống*, chỉ sự chung sức chung lòng, sự đoàn kết bao giờ cũng có thể mạnh hơn sự đơn độc. Hiện tượng *trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết oan* chỉ sự mâu thuẫn của người có vai vế trong một gia đình, một dòng tộc, một đất nước, nếu họ không đoàn kết, cứ đầu đá nhau chỉ đem lại sự thiệt hại cho những thành viên trong tổ chức của họ. Trong mua bán hàng hoá, người mua phải xem bằng mắt, sờ bằng tay mới biết giá trị thật để trao đổi giá cả, không nên *mua trâu vẻ bóng* tức là chỉ xem qua hình ảnh. Trong hôn nhân cũng vậy, hai bên nam nữ phải biết nhau, quen nhau, tìm hiểu tính tình của nhau, mới đi đến quyết định, không nên qua người môi lái.

Trong một gia đình có nhiều anh chị em sống chung, thường xảy ra cảnh *chị em bạn dâu, nấu đầu trâu lụng nồi*, do sự xích mích của các cô gái cùng làm dâu một nhà thường lời qua tiếng lại với nhau, hay tệ hại hơn cả là chửi bới, xô xát nhau làm rạn nứt tình cảm. Sự xào xáo đó khác nào một chiếc đầu trâu to, cứng nấu trong một cái nồi chật hẹp, đến độ cái nồi phải lụng vì không đủ sức chịu đựng.

Câu ca dao *trâu ta ăn cỏ đồng ta, đừng ham cỏ tốt mà qua đồng người* theo quan niệm cũ, khuyên các bạn trẻ nên tìm vợ, tìm chồng tại địa phương mình, không nên ham đẹp, ham giàu sang mà tìm đến một nơi xa lạ. Trong kháng chiến chống Pháp, câu này cũng có ý nghĩa khuyên nhân dân nên dùng hàng nội hoá, ăn chắc mặc bền, không dùng

hàng ngoại hào nhoáng lộng lẫy nhưng không phải do mình sản xuất ra.

Ngày nay, do học hành, công tác, thanh niên nam nữ có điều kiện tiếp xúc với nhau nhiều hơn, cũng như giao thương giữa ta và các nước trên thế giới được mở rộng, câu ca dao ấy không còn hợp thời nữa ²².

Nuôi trâu

Nuôi trâu có hai mục đích, dùng sức kéo của trâu để cày ruộng và nuôi trâu dùng lấy thịt ²³. Để nuôi một con trâu cày ruộng, kéo xe, kéo gỗ, hằng ngày phải cho trâu ăn no, chăm sóc chu đáo, chuồng trại phải thoáng mát, che chắn chuồng trâu trong mùa gió lạnh. Suốt ngày chăn trâu vất vả trên cánh đồng làng, đôi khi dẫn trâu sang cánh đồng ngoài làng để có cỏ trâu ăn. Mùa mưa cho trâu ăn bằng rơm, rạ khô đã được cất giữ tại các cây rơm, người chăn trâu rút rơm thả vào chuồng cho trâu ăn suốt cả ngày.

Giới chăn trâu tại làng Phong Lệ xưa cũng như bao làng khác tại Hòa Vang đều là những người khó nhọc, nhà

²² Xem: Hội Văn nghệ dân gian Đà Nẵng 2009, *Ấn phẩm Xuân Kỷ Sửu 2009*, Sở TTTT Đà Nẵng, 2008.

²³ Trong vài thập niên gần đây, các nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy một điều đáng ngạc nhiên là thịt trâu và sữa trâu bổ hơn sữa bò và thịt bò. Các nhà khoa học trên thế giới khẳng định rằng thịt trâu chứa 83% nước, 4,7% đạm và 2,4% mỡ, trong khi thịt bò chứa đến 87% nước mà lại chứa có 3,4% đạm và 3,6% mỡ. Sữa trâu chứa 4,52 - 4,76% đạm, 8,5% chất béo và 4,7% đường và 1 lít sữa trâu cung cấp 143 calo; trong khi đó sữa bò chỉ chứa có 3,5 % đạm, 3,7% chất béo và 4% đường. Mỗi lít sữa bò chỉ cung cấp có 74 calo. Sữa trâu Việt Nam chứa các chất dinh dưỡng cao hơn (7,15% đạm và 10,27% chất béo) nhưng sản lượng còn thấp, trung bình từ 450 đến 546 kg một năm (so với trâu sữa cao sản của Ấn Độ là 2.011 kg một năm).

nghèo, không ruộng đất để cày nên đành phải đi chăn trâu cho nhà giàu có, mong tìm được chén cơm manh áo. Tuy thế, không phải mục đồng nào cũng có may mắn được đối xử bình đẳng với nhà chủ. Người chăn trâu đến đêm phải ngủ gần chuồng trâu để giữ trâu. Xưa kia trong làng xóm thường có kẻ trộm trâu, nên giữ trâu không chỉ ban ngày ngoài cánh đồng mà cả ban đêm ngay trong chuồng trại cũng phải trông coi trâu cho nhà chủ. Giữa đêm khuya thanh vắng trong làng, đôi khi vọng lên tiếng la hét mất trâu: “*trả lại trâu đây hử!*” kéo dài sột ruột. Làng xóm lại ơ ơ chong đèn lên, quan sát chuồng trâu nhà mình xem có mất trâu không! Chuyện như vậy vẫn thường xảy ra tại các làng nông nghiệp huyện Hòa Vang một thời! Giới mục đồng xưa kia tại làng Phong Lệ phần nhiều là thanh niên mười tám, đôi mươi, thanh nữ không đi giữ trâu được và cũng không dám giữ trâu ngoài đồng không mông quạnh! Số trẻ em là mục đồng chiếm tỉ lệ nhỏ mà cũng chỉ giữ trâu nhà không nhiều trẻ nhỏ đi ở thuê, giữ trâu cho nhà chủ. Bởi nhà chủ có trâu cày, trâu mọng không thuê trẻ em chăn trâu nhà mình được và cũng không thuê trẻ em nữ chăn dắt vì không đảm bảo giữ được trâu. Trâu đến mùa động đực thì dù có thanh niên trai tráng lực điền mà không có dây sọ thì trâu vẫn nhảy băng đồng đi tìm trâu nái. Giữ trâu như thế là vất vả trăm điều.

Chăn trâu theo kiểu ngày xưa ăn mặc rách rưới, trên tấm áo màu chàm có vài ba miếng vá, và điều đoan chắc rằng, giới mục đồng luôn là những kẻ mặc áo quần củ của

gia chủ bỏ ra, chỉ đến ngày Tết cổ truyền may ra nhà chủ cho được chiếc áo vải đũi làm quà mừng xuân. Thế thôi. Hằng ngày ra đồng chăn trâu, giới mục đồng thường xuyên cỡi trần ngồi trên lưng trâu. Chiếc quần vải đũi lâu ngày ó mục, nửa dài nửa ngắn may theo kiểu đáy ngang, lưng thắt bằng dây chuỗi, dây mây, trông là biết giữ trâu rồi! Chỉ một bộ vậy thôi, chùng nào rách nát, không thể vá được nữa, nhà chủ lại đưa cho một bộ khác cũng là đồ cũ mặc lại mà thôi. Quanh năm không có đôi dép xỏ chân, tối xuống phải chân vải cái, lại chui vô chiếc chông tre đặt trong chái hiên nhà, cạnh chuồng trâu và ngựa, không đòi hỏi gì hơn.

Nơi cất đặt gia tài sản nghiệp của kẻ chăn trâu cũng chỉ đầu hồi chái hiên sau nhà, thường chỉ có một đến hai bộ áo quần bằng vải đũi mà cái nào cũng vá vài ba miếng, đôi khi không vá được lại dùng sợi mây chẻ nhỏ khâu lại cho dính vào nhau, vẫn được. Nơi móc áo quần là đầu hè, có chiếc roi mây, đôi giỏ bịt mõm trâu bò, mấy sợi dây dừa cột sẹ. Chỉ có vậy để hành nghề. Tuy nhiên cũng có *nhà chủ tử tế*, thường là các bà, bảo trợ cho kẻ ăn người ở trong nhà như bài vè sau đây phản ảnh:

*Đêm khuya gà gáy o... o...
Giật mình thức dậy tui mò tui vô
Động giường thức dậy mợ la
Mợ hỏi: Thành nớ! Chớ mà đi mô?
Tui nói: Đi vô lấy gạo nấu cơm
Có cái óng, không biết cái ô ở chỗ nào!
Mơ màng giấc điệp chiêm bao,*

*Mợ biểu: Ô đây, ông đó
Con lấy nhào đi mà ra!*

Chỗ ăn chỗ ngủ của kẻ giữ trâu trong nhà thường là nơi bếp núc, đã là thân phận giữ trâu, giữ bò thì không được phép ngồi chung mâm cơm với chủ nhà. Sau khi nhà chủ cơm nước xong mới đến lượt kẻ ăn người ở, theo đó có thể hình dung cơm canh, thức ăn đều là của thừa còn lại, vén tém được chùng nào ăn chùng đó. Ăn xong nhiệm vụ còn lại là cùng với người ở, dọn dẹp chén bát cho sạch sẽ, ngăn nắp đàu vào đó đúng ý bà chủ nhà. Ngày trước, tại Phong Lệ giới chăn trâu được xem là bọn làm *nghề hạ tiện*²⁴, vậy nên nhà chủ thường đối xử với họ như là kẻ cùng nghề mới đi giữ trâu cho người khác, nghĩa là không được tôn trọng và cũng không có sự công bằng, thành ra chỗ ăn của kẻ chăn trâu chỉ là xó xỉnh nơi bếp núc.

Từ chỗ ăn, chỗ ngủ đến công việc thường ngày tại nhà chủ cho thấy mối quan hệ chủ tớ là thế nào! Đã đi ở đợ chăn trâu phải chịu nhiều cảnh éo le, mà không chỉ chăn trâu lại còn là tay lao động cật lực cho nhà chủ ngoài đồng từ việc cày bừa ruộng nương cho đến gặt, đập, phơi khô lúa, nếp và cho vào bồ bịch đập điệm cất giữ cẩn thận, phần lớn có bàn tay của người ở giữ trâu và người giúp việc trong nhà sắp đặt. Trong quan hệ chủ tớ chỉ có sai khiến và thực thi, không bàn cãi nhiều lời, nói sao làm vậy mới là đũa giữ trâu ngoan hiền. Trong quan hệ giữa người chăn trâu và

²⁴ xuất phát từ tư tưởng phong kiến, phân chia giai tầng sang hèn trong xã hội đương thời, được kê: công, hầu, khanh, tướng, sĩ, nông, công, thương, ngư, tiều, canh, *mục*.

người ở trong nhà chủ thường nảy sinh tình cảm, từ đó vẫn có các cuộc hôn nhân kẻ giữ trâu và người đầy tớ được tổ chức.

Thức ăn cho trâu



Con trâu (Internet)

Thức ăn cho trâu là cỏ, dinh dưỡng nhất là cỏ mật tại Phong Lệ (nhiều làng khác vẫn có), có thân dài giòn ngọt, trâu rất thích loại cỏ này. Ngoài cỏ mật có cỏ chân vịt. Cỏ chân vịt thường mọc, sinh sản trên các cồn đất và đất vườn như vườn Lãng, vườn Huê, vườn Thầy...hoặc trên các triền, nà đất, bờ mương, bờ ao loại cỏ chân vịt sinh trưởng

tốt rất thích hợp làm lương thực cho trâu ăn. Mùa hè thường thả trâu lội xuống cánh đồng, tự do ăn loại lúa rài (lúa sinh khôn) mọc lần nữa sau khi đã thu hoạch xong vụ lúa. Lúa rài mọc lại và cũng ra hoa kết trái nhưng hạt nhỏ hơn, trâu bò rất thích loại lúa này, chúng đứng ngâm chân dưới ruộng ăn, gặm cả ngày không chán. Đôi khi trên lưng chúng là một mục đồng trùm áo toì ngồi ve vẩy chiếc roi, suốt ngày không mệt, hễ trâu đi đến đâu là mục đồng theo đến đó. Lại còn các chú cò, chim bói cá cũng đậu trên lưng trâu để nghỉ cánh hoặc để tìm con vắt bám trên thân trâu mà mổ. Trâu vẫn an nhàn gặm cỏ không chú ý đến. Đôi khi đưa sừng và ngoắc đuôi lên để đuổi ruồi. Mùa đông cho trâu nghỉ trong chuồng, không đưa ra đồng, trâu lạnh dễ nhiễm bệnh, nhất là mùa có gió đông – bắc và mùa mưa dầm tiết tháng 10, 11 âm lịch thời tiết nóng ẩm trâu dễ nhiễm bệnh. Những năm thời tiết khô nghiệt, dùng rơm khô đã chát thành còi trước bìa sân rút ra bỏ vào chuồng cho trâu ăn dần; nhưng mặt khác mục đồng ra đồng cắt cỏ cho vào đôi giỏ bội gánh về cho trâu ăn dần, hoặc gặp hôm trời giá rét nhiều chỉ đội một giỏ lưng lưng trên đầu cũng có cỏ cho trâu ăn. Đôi khi mục đồng phải đi cắt cỏ ngày hai lần sáng chiều, kịp nuôi trâu không để trâu đói, khó bán, hoặc mất sức khi cày ruộng sâu. Những ngày tết nhứt, ngày kỵ giỗ, lễ lạc không lừa trâu ra đồng, mục đồng ở trong nhà có nhiệm vụ mang liềm cắt ra đồng cắt cỏ gánh về. Tất cả các mục đồng đi ở cho nhà chủ đều phải vậy, không khác.

Những lúc làm cỏ bắp cũng là dịp để trâu được muôi béo bằng bắp cây, bắp khi gieo, mọc lên không thẳng hàng hoặc do gieo nhiều hạt nên cây bắp mọc dày, cần phải nhổ bỏ bớt cho cây bắp phát triển. Những lúc như thế trâu thường được xỏ sọ dắt đến cột vào một nơi cố định để trâu khỏi đi lang thang giẫm nát hoa màu. Cứ vậy, chủ nhà nhổ bắp non chắt thành đồng lớn cho trâu ăn. Mục đồng thời gian này tham gia cùng nhà chủ lao động sản xuất, không nghỉ.

Ngoài thức ăn tươi, trâu còn có thức ăn khô như rơm rạ, cỏ khô. Mùa nắng gắt, gió phơn thổi từ tây – nam xuống cánh đồng Phong Lệ khô khốc, cây lá héo rụi, trên cánh đồng rộng cỏ cũng héo rụi do nhiệt độ cao và gió khô. Những lúc tiết trời khắt nghiệt thế, trâu không ra đứng dang ngoài nắng lâu được, các mục đồng phải mang giỏ và liềm cắt, cắt cỏ hoặc dây cỏ chân vịt trên các trảng, cồn, gò mang về cho trâu ăn. Để dây được cỏ, giới mục đồng dùng một cái liềm đặc biệt chỉ dùng cho dây cỏ, lưỡi liềm được làm sắc bén đưa về phía trước, mục đồng ngồi xà lếch dùng tay đẩy liềm tới nơi gốc cỏ. Cỏ đứt rễ rời ra, cứ vậy dây càng nhiều càng tốt cho vào giỏ bội đội trên đầu đến nơi cột trâu cho trâu ăn. Mùa nắng nóng, giới mục đồng vẫn lùa trâu ra đồng nhưng lại phải tìm một nơi mát mẻ, chẳng hạn dưới lũy tre làng, dưới gốc đa đình Thần Nông, dưới bóng cây bồ đề lãng Âm linh, dưới cây chiêm chiêm cỏ thụ tại Miếu Thái Giám... cột trâu vào nơi cố định, xong ra đồng xỏ cỏ cho trâu.

Giới mục đồng trâu chỉ có ngồi nghêu ngao hát đồng dao trên lưng trâu:

*“Ai bảo chăn trâu là khổ
Chăn trâu sướng lắm chứ
Ngồi mình trâu phát ngọn cờ lau
Miệng thì hát nghêu ngao...
Năm đôi non gió mát...”*

Đã là đi ở giữ trâu thì trăm công nghìn việc chung quanh con trâu. Đi ở mà gặp phải trâu cày thuê thì mục đồng càng khó nhọc, vác cày theo đuôi trâu, cày ruộng đất, thu vén cày, ách, dây chạc, mang cày xuống nương rửa sạch vác về nhà cất đặt tử tế vào nơi chủ nhà đã quy định. Xong tất cả những công việc như vậy mới nghĩ đến chuyện chạy xuống ao làng tắm một cái tắm cho thân xác nhẹ nhàng!

Ngoài thức ăn như đã trình bày, trâu, bò còn thích các loại rau như rau lang, rau muống, các loại lá sắn kể cả củ khoai, củ sắn trâu đều dùng được. Tuy vậy lá sắn các loại trâu sắn dễ bị say, dễ lăn ra sùi bọt mép nằm vạ nên giới mục đồng kiêng cử cho trâu. Ăn no, trâu lăn xuống ao hoặc nương nước, bùn lầy trằm mình cho mát, đưa cặp sừng và hai mắt mũi ra thở phì phò rất thích. Những con trâu vỗ béo để bán cày hoặc bán thịt, chủ nhà thường cho lẻ trâu. Để lẻ được an toàn không ăn hoa màu của người khác, mục đồng cột dây vào sọ mũi trâu, ngồi trên lưng trâu cho trâu đi dọc theo các bờ ruộng để trâu ăn cỏ dọc theo hai bờ, nhiều nhất là mùa sau khi tiến hành lễ hạ điền xong, bởi thời kỳ này là

lúc trên các cánh đồng vào vụ. Đất ruộng được dọn sạch, đất triền đồi, gò, vườn đều cày xới đều vào đó chuẩn bị cho vụ mùa nên cỏ khan hiếm. Để có cỏ cho trâu ăn phải lẻ trâu theo bờ ruộng. Hai bên bờ ruộng cỏ mọc nhanh, trâu theo đó có thể gặm cỏ được. Hoặc thời gian lúa trên đồng đã ngậm sữa, ngã đòng, cỏ hai bên bờ ruộng mọc ra rất tươi non, trâu, bò rất thích, người giữ trâu phải lẻ trâu để trâu gặm cỏ. Vào vụ mùa, trên các cánh đồng Phong Lệ đâu đâu cũng xanh non hoa màu các loại, trâu, bò không có nơi để gặm cỏ, mà cỏ thời kỳ này cũng khan. Thế nên giới mục đồng lại lừa trâu ra cho ăn dọc các bãi bồi triền sông Yên, sông Cẩm Lệ như bãi La Hường, La Hong, bãi Chuồn hoặc đánh trâu lên tận sườn phía tây núi Phước Tường, bò thì trèo lên cao hơn để tìm các loại lá cây ăn được. Suốt cả ngày cần mẫn, đến chiều trâu tha thân từ trong chân núi đi ra và được giới mục đồng bịt mõm trâu lại bằng chiếc giỏ bịt. Trâu cứ vậy thong thả về chuồng. Tối trâu nhả nha nhai lại.

Đạy trâu cày

Nay, tại làng Phong Lệ không phải đã hết thói quen “người lớn” chăn trâu, như anh Trần Công Phát nay đã 45 – 46 tuổi vẫn đánh trâu ra đồng chăn thả, giữ trâu, anh Ngô Tấn Thoát cùng thời như anh Phát hầy còn nắm dây sẹo chăn trâu, ông Lê Đức Phần đã 61 – 62 tuổi vậy mà hai mùa mưa nắng vẫn chăn bò như hồi còn trẻ. Hay đàn bò của anh Nguyễn Quang, anh vẫn phải đeo bám với đàn quanh năm suốt tháng trên các cánh đồng Quy Đông, Quy Tây, Miếu

Trên, Miếu Dưới...Đến ngày chủ nhật con cái trong nhà nghỉ học thay cha.

Với con trâu trong chuồng trại là con vật nuôi quý giá là một phần gia tài sản nghiệp của người nông dân làng Phong Lệ nên họ rất quý trọng, bởi *con trâu là đầu cơ nghiệp*. Bởi vậy, họ rất yêu quý con trâu, gia súc gần gũi, đặc lực trong công việc đồng áng, cùng nó cày cù lao động quanh năm, chia sẻ niềm vui khi mùa màng bội thu:

*Rủ nhau đi cày, đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày nên công
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.*

Về phía tây, không xa làng Phong Lệ là mấy, đối với đồng bào định cư dưới chân Bà Nà–Núi Chúa, con trâu là vật thiêng đã đi vào lễ hội đâm trâu của người miền núi như một biểu tượng của sự trả ơn, dâng hiến. Người ta quý trâu, khóc trâu, dùng trâu là vật hiến tế thần linh, hằng mong làng bản yên ổn quanh năm, làm ăn được mùa tặng vụ. Một đoạn khóc trâu của người miền núi sau đây cho biết tâm trạng, tình cảm của người nông dân với trâu là thế nào:

*Ta thương trâu đã mười năm nay
Ta chăn trâu vừa đủ trăm ngày
Mời trâu ăn nắm cỏ lần cuối
Mời trâu ăn ngọn cỏ tranh lần cuối
Trâu hãy ăn lá Răng lần cuối
Trâu hãy kêu ghé ọ lần cuối
Người ta đã cột trâu vào cọc rồi*

*Khách mời "ăn trâu" đã đến đây nhà.
Chờ sáng mau họ sẽ vào ngày hội
Ta thương tiếc trâu lắm trâu ơi
Ta không thể giúp gì cho trâu được
Trâu hãy rung cho ngã cọc nêu
Trâu vùng vẫy cho đứt chùm dây
Người ta sắp xẻ thịt trâu rồi đấy!
Nơi vũng nước trâu nằm vẫn còn
Chân trâu cào mặt đất còn dấu.
Bãi cỏ nơi trâu ăn còn đó.
Ngọn núi kia trâu đi với cái
Bụi tre kia trâu vỗ ghé ngủ
Cây to kia trâu thường cọ khi ngứa
Đôi mắt tròn trâu tìm đường đi
Dòng suối nơi trâu tắm vẫn còn
Ta gặp trâu đêm nay nữa thôi
Người ta đã cột dây đây cổ trâu
Người ta cột trâu nhiều dây chắc lắm!*

...

Vào những ngày Tết nguyên đán, người nông dân Phong Lệ , huyện Hòa Vinh (nay là Hòa Vang) có trâu nuôi trong chuồng, đến lệ phải cúng ông chuồng bà chuồng một năm qua đã giúp cho trâu ăn no ngủ kỹ mau lớn, thành thạo việc cày bừa, vâng lời nhà chủ và kẻ giữ trâu. Bàn soạn mâm cơm hương, đăng, trà, quả, phù lan tửu, diêm mẽ, thứ phẩm khác cúng chuồng. Nhà nào không có lễ xem là không có sự giúp đỡ của ông bà chuồng, trâu nuôi không

lanh lợi trong cày bừa, thường bệnh tật, khó nuôi, khó dạy...

Con trâu là gia tài sản nghiệp nên người Phong Lệ nuôi trâu để cày ruộng nhà, kéo phân, kéo gỗ mà ít khi cho thuê trâu cày ruộng. Mượn trâu lại càng không. Nếu cần cày ruộng, người thuê phải thương lượng với chủ trâu, thuê trâu thuê luôn cả thợ cày tức anh mục đồng nuôi giữ và chăm sóc trâu quanh năm mưa nắng. Trâu thường vâng lời *hò rì*, *hò tắt* của người quen, không theo ý tứ của người lạ nên thuê chứ không mượn được trâu cày. Những năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945, đến trước 1975, trâu cày Phong Lệ đi cày thuê không chỉ trong phạm vi làng Phong Lệ mà còn cày thuê cho các vùng lân cận. Họ cày thuê ra đến làng Bình Thái, Đông Phước, Nghi An hoặc xuống Lỗ Gián, Liêm Lạc để cày. Đôi khi lừa trâu đi xa hàng 5, 6 cây số để cày thuê. Làng Phong Lệ có nhiều gia đình hành nghề cày thuê, đập lúa thuê quanh năm như ông Ngô Văn Chí, trong nhà luôn có nuôi vài ba cặp trâu, thuê vài ba người túc trực trong nhà chuyên giữ trâu, cắt cỏ như ông Nguyễn Mẹo người thôn Yên Nê²⁵ thuộc xã Hòa Tiến (trước cũng là đất Phong Lệ xã), ông Nguyễn Đắc Hưng²⁶, ông Ngô Văn Nghĩa thời 15- 16 tuổi ở giữ trâu thường xuyên tại nhà ông Ngô Văn Chí, tất cả người ở trong nhà lừa trâu cày, dắt trâu đập lúa thuê và chăn trâu cho ông Chí. Quanh năm, ông Ngô Văn Chí hành nghề cày thuê, đập mướn như vậy

²⁵ Cụ Nguyễn Mẹo quê thôn Yên Nê xã Hòa Tiến, con trai bà Thầy Khoai, ở giữ trâu cho ông Ngô Văn Chí, sau giác ngộ cách mạng theo Việt Minh đánh Pháp và đã hy sinh.

²⁶ Nay là thầy chùa tu hành tại chùa Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

lấy tiền công hoặc lúa, nếp. Nhưng, thỉnh thoảng, người thuê đập lúa mới có tiền để trả mà cũng không nhiều những hộ có tiền mặt trong nhà.

Hoặc gần đây, tại làng Phong Nam, xã Hòa Châu, năm 2006 ông Nguyễn Văn Kinh còn dẫn trâu ra đồng chăn dắt, mặc dầu tuổi cao sức yếu nhưng khi cần công chăn trâu, cụ vẫn thực hiện nhiệm vụ của mình như hồi 25 – 30 tuổi, tay xách nón cời, nách kẹp dây sẹ, cỡi trên lưng trâu ra đồng chăn giữ. Theo đó để thấy rằng ngày xưa đồng tiền có được trong tay là hiếm hoi, không dễ nên vẫn công, đổi công trong sản xuất nông nghiệp là phương án mượn công, trả công qua lại trong làng, xóm. Có được đồng tiền mua sắm các loại hàng cao cấp, làm nhà rường tán đá, cửa sổ bàn khoa, mua sắm lùa là, lĩnh đoạn, chén kiểu, đĩa mun bịt bạc chỉ những nhà quan chức, phú hộ còn tầng lớp nông dân nghèo có được đồng tiền bát gạo là rất hiếm, với giới mục đồng, chuyện như vậy là măn mơ hết một đời cũng không thể nào có được.

Ngoài trâu cày, trâu đập lúa, kéo gỗ, kéo xe người dân trong làng còn nuôi trâu giống, chuyên cho chúng sinh đẻ để bán nghé con. Cả làng Phong Lệ, huyện Hòa Vang ngày trước cùng với nghề nông, nghề cào hén, thì nghề nuôi trâu giống cũng nổi tiếng một thời.

Nuôi trâu để bán làm nảy sinh đội ngũ buôn trâu, trong số những người buôn trâu nổi danh thời trước là ông Ngô Văn Chí. Như đã nói, ông Ngô Văn Chí không những nuôi trâu cày thuê, đập lúa thuê, kéo gỗ, kéo xe, ép mía... thuê

mà còn là người buôn trâu có tiếng trong làng. Ông thường chọn trâu theo kinh nghiệm dân gian, lựa trâu khỏe, hiền lành bán cho nông dân không chỉ trong làng Phong Lệ mà các làng chung quanh cũng đến hỏi mua.

*Xa sừng, mắt lại nhỏ con,
Vụng đàn, chậm đẻ, ai còn nuôi chi.*

Hoặc là:

*Hàm nghiêng lưỡi đốm hoa cà,
Vẽnh sừng, tóc chóp, cửa nhà không yên.*

Trâu như vậy những người sành nuôi trâu, mua trâu, bán trâu không chọn.

Ông còn chọn và đưa bán trâu lên các xã miền núi cho đồng bào dân tộc C'tu trong huyện vào những dịp tế lễ thần linh.

Chuẩn bị gần

Họp 17 chư phái tộc

Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ từ khi thực hiện đến năm 1936 luôn theo lệ của làng là “tam niên nhứt lệ”. Theo đó, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức lễ hội Mục đồng một lần, bắt đầu năm đầu giáp là *tý, meo, ngọ, dậu*, những năm không có lễ hội là *sửu, dần, thìn, ty, mùi, thân, tuất, hợi* thì tổ chức rước vị Thần Nông về Đình Thần Nông, tại đây tiến hành các nghi lễ cúng tế một diên rôi thôi.

Để chuẩn bị cho lễ hội được chu toàn, làng trên xóm dưới đều lo, không riêng cho giới mục đồng. Vào dịp này

giới mục đồng không chỉ được sự giúp sức của các chư phái tộc trong làng mà còn của các vị chức sắc, ngũ hương đều phải có trách nhiệm tham gia, xem như nghĩa vụ của mình. Trước hết họp 17 chư phái tộc tại một địa điểm nào đó, có thể là ngay tại Đình Thần Nông nhưng cũng có thể họp tại nhà một vị Trùm nào đó.

Lễ hội Mục đồng tổ chức năm *Bảo Đại ngũ niên, tuế thứ Canh ngọ*, được chuẩn bị chu đáo ngay từ tháng 2 năm đó. Trong bản cáo yết thông tri cho dân trong làng biết để lo liệu được chuẩn bị từ ngày *nhị nguyệt, thập nhị nhật* (năm Canh ngọ, Bảo Đại thứ V, ngày mười hai, tháng hai), phải đến 2 hoặc 3 tháng nữa mới làm lễ, vậy mà các chức sắc, giới mục đồng đã chuẩn bị rồi. Đầu tiên họ soạn thảo một bản cáo yết, văn bản này cũng phải được góp ý, sửa chữa sao cho thật vừa ý nhân dân mới được đem ra công đường cáo yết. Bản cáo yết năm Canh ngọ, Bảo Đại ngũ niên được viết như sau:

Bảo Đại ngũ niên, tuế thứ Canh ngọ, nhị nguyệt, thập nhị nhật.

Lý trưởng làng Phong Lệ, tổng Thanh Quýt, phủ Điện Bàn thông tri cho toàn thể xã dân xa gần được rõ:

Lễ Mục đồng của làng ta năm nay được chọn vào ngày 12 tháng tư, mọi thể lệ đều y như các lần trước, gồm có các phần việc:

- 1. Thi cờ, kiệu*
- 2. Lễ tế tại Cồn Thần*

3. Rước Thần
4. Lễ tế tại Nhà thờ Thái Miếu
5. Tiệc rượu
6. Hát bội

Số người được trí vào các Ban như sau:

1. Ban chấp sự: Trùm chỉ: Ông Văn Mộc
Trùm phụ: Lê Văn Nông
Ký lục: Ngô Tấn Thu
Thủ bồn: Trần Đức Tài
2. Ban lễ nghi: ...
3. Ban tiếp nghinh: ...
4. Ban duyệt khảo: ...
5. Ban biện sự: ...

Tất cả các khoản quyên góp xa gần đều phải nộp về Ban Chấp sự xong trước ngày 10 tháng Tư, không ai được chậm trễ. Kẻ bất tuân phải chịu vạ trước dân làng.

Nay yết

*Lý trưởng xã Phong Lệ
Ông Văn Mộc, thủ ký*

Và để cẩn thận mỗi chữ trong tờ cáo yết này được cân nhắc cẩn thận, họ bỏ chữ nọ, thêm chữ kia sao cho lệnh yết ban ra vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn, dân làng ai cũng có nghĩa vụ thực hiện mới xong. Nếu huy động nhiều quá mà lại nhằm vào ngày hội, đãi đằng thịt, rượu, trầu cau cho toàn thể dân làng, không tính khéo thì đứt chum ba sào ruộng như chơi, không chừng lại làm giàu cho những người

cho vay lấy lãi trong làng. Trong công việc chuẩn bị, làng có bàn đến các khoản chi phí đã được Thủ bản và ký lục nêu sẵn. Trong chuẩn bị luôn có khoản dự trữ năm sau số người dự nhiều hơn năm trước, đôi khi vẫn giữ nguyên tế phẩm *ba trâu, năm heo* như lễ hội lần trước hoặc giảm đi mỗi thứ một con, nhưng phải chọn loại thật to, về rượu cũng chọn loại rượu có nồng độ thật cao để mỗi người chỉ cần vài ba ly là đã cảm thấy đủ, không cần phải dùng nhiều.

Gần đến ngày lễ hội, ngôi nhà thờ Thái miếu được quét dọn và quét lại một lượt vôi mới, hai con rồng trang trí trên nóc cũng được chăm sóc, quét vôi đủ màu trông thanh thoát hẳn lên thể hiện rõ cảnh *triều nguyệt tranh châu* thêm sinh động. Lại trang hoàng, dọn dẹp tả thanh long hữu bạch hồ được trang nghiêm. Đình làng cạnh bên cũng được quét dọn sạch sẽ, các lư hương, chân đèn đều thay mới một lượt. Đoạn đường hai ngàn thước từ Đình Thần Nông ra Cồn Thần cũng được quét dọn sạch, quang quẻ, trông rộng thêm ra, các nhánh tre đâm thọc ra đường đều được giới mục đồng phát quang rộng thoáng. Đến chiều ngày 11 tháng Tư, đoạn đường làng này phải được khai quang, nghiêm cấm các loại trâu, bò, phân, rác tuyệt đối cấm duy chuyển qua lại. Chặng đường từ bìa xóm Đồng ra đến Cồn Thần nằm gần cuối cánh đồng Xứ Đồng, ngày thường phải đi quanh co theo bờ ruộng, nay đã được sửa sang, nắn lại, đắp bờ, đi băng qua những thửa ruộng khô, tuy vẫn còn lởm chởm gốc rạ nhưng lối đi đã được đắp lên, đủ để dàn hàng ngang năm, bảy người cùng lúc. Hai bên đường cứ cách khoảng năm

chục thước có cắm một cây cờ đuôi nheo bay phất phới trên cao. Cột cờ được các chur phái tộc chuẩn bị bằng những cây tre đục đặc ruột thẳng tắp, bị kèm chặt bởi hai thanh tre lớn chôn chặt sát hai bên, giữ cho cột cờ không ngã. Mỗi cây cờ được phân công cho một mục đồng trông coi. Mục đồng này sẽ tham gia một tiết mục nào đó tự chọn thật hấp dẫn sau lễ rước thần. Có thể là trong mục “chạy cờ” chẳng hạn!

Tiếp sau là phân công cho các chur phái tộc chuẩn bị xôi, gà, thịt. Việc này do Thủ bản chủ sự lo liệu. Đã thành lệ dù có phân công hay không tất cả các hộ gia đình tại làng Phong Lệ đều chuẩn bị xôi, vịt, gà tử tế, thanh khiết. Xôi được nấu chín đặt trên mâm gỗ lót lá chuối sứ nấn lại thành một khối như chiếc lòng bàn úp. Vịt, gà được làm thành phẩm còn nguyên bộ lòng dâng cúng Thần Nông chứng giám tấm lòng thành khẩn cầu mong cho *vũ thuận phong điều*. Mục đích của họ trước là dâng lên cúng Thần Nông, sau là đãi đằng khách dự hội có cái để dùng. Do vậy đại diện chur phái tộc tiếp thu tinh thần của làng (theo năm) trong phiên họp chuẩn bị, họ mang tinh thần đó về triển khai lại cho tộc họ mình thực hiện. Trong thực hiện có mang yếu tố thi đua giữa các chur phái tộc trong làng. Đây không phải là sự hơn thua mà chính là tạo động lực để các chur phái tộc thực hiện được nghiêm túc và có đủ sản vật lễ nghi cho chi dùng trong lễ hội. Mặt khác, còn do các hộ gia đình nông dân trong làng được làng cho phép cày ruộng công quân cấp, nay đến kỳ lễ lệ phải sục bồ sục bịch, chi ra lúa nếp, góp phần nhiều hơn phục vụ lễ hội. Bởi sau lần lễ

hội này, ruộng công được thu hồi và tổ chức chia lại cho những nông dân khác, luân phiên canh tác để giữ lễ tam niên.

Ngoài chuẩn bị của người dân trong làng, các nông dân cày ruộng đất công góp vào còn có nông dân mặc dầu không cùng bản quán làng Phong Lệ nhưng có ruộng đất, hoa lợi hoặc mồ mả tổ tiên chôn cất trên đất Phong Lệ, nhân dịp này tỏ lòng biết ơn tiên linh tiền liệt của làng, họ sắm phức hợp *hộp trầu chén rượu* và các sản phẩm gạo nếp, gà đặc biệt là vịt²⁷, có khi ủng hộ bằng tiền, chung tay góp vào để tổ chức lễ hội được chu toàn, mong rằng Thần Nông ngó nghĩ đến những thửa ruộng của mình trên đất Phong Lệ mà hằng năm cho được mùa no đủ quanh năm. Sinh thời Ông Ích Khiêm thu hoa lợi tại bãi La Hường cũng đóng góp vào lễ hội và đồng thời Ông Ích Khiêm – theo giai thoại kể lại – là người đặt ra lễ hội này. Do đó, Ông Ích Khiêm đóng góp cho lễ hội tổ chức được thành công, giúp cho giới mục đồng có nơi để mọi người tôn vinh, bớt đi sự hà khắc của nhà chủ. Các gia đình tại làng Bình Thái như Mai Mua, tại làng Cẩm Bắc 1, Cẩm Bắc 2 hoặc xa hơn như ông Võ Am, ông Biện Điền (Thủ Điền) tại làng Đông Phước, đến mùa lễ hội mang lễ vật hoặc tiền vào đình làng Phong Lệ dâng hương, cúng thần với tinh thần cầu cho vũ thuận phong điều, ruộng nương tươi tốt, được mùa quanh năm.

²⁷ Trong lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ, chủ yếu phần ẩm thực là thịt vịt, đến gà, heo, trầu. Mặc dầu thịt vịt không nhiều nhưng là vật phẩm ưu tiên.



Phân công thi đua làm kiệu, cờ.

Cờ Mục Đông (VVH)

Hằng năm vào tiết tháng 4, tháng 5 ngày 1 âm lịch là tổ chức rước lễ²⁸. Chuẩn bị cho những ngày rước lễ được trang nghiêm, long trọng, làng Phong Lệ ngay trong phiên họp chư phái tộc hồi tháng 2 âm lịch đã giao trách nhiệm cho các chư phái tộc làm cờ kiệu

Thần, mỗi chư phái sắm một cây cờ Thần Nông. Ngoài cờ Thần nông còn có cờ của chư phái cũng được vận động mang ra cắm khắp các đường làng. Việc này giao nhiệm vụ cho những vị là trưởng chư phái tộc trong làng thường xuyên đôn đốc những thanh niên, các vị lão ông trong tộc mình thực hiện. Đây là chuyện ứng xử với lực lượng siêu nhiên trong cầu xin vũ thuận phong điều nên không một tộc

²⁸ Về tháng âm lịch tổ chức rước Thần Nông về Phong Lệ Đình không như thiết đúng này mùng 1 đầu tháng Tư hoặc đầu tháng Năm, do về mùa này là mùa hè nên trời thường nắng ráo thuận lợi cho lễ hội tiến hành tổ chức ngoài trời và dạo đồng. Tuy nhiên có năm trời đổ mưa, vì thế ngày tổ chức lễ hội đôi khi được dời sang đầu tháng Năm là vì vậy.

họ nào lơ đễnh công việc làm cờ làm kiệu, lồng đèn các loại. Một mặt, cờ xí nghênh tiếp rước thần, mặt khác lồng đèn trang trí khắp đường làng cho đẹp; đồng thời còn có chức năng soi sáng về đêm. Không chỉ có các chư phái tộc mà cả những người cày ruộng công do làng cấp cũng lo làm kiệu, cờ, lồng đèn mang đến giao cho Ban tiếp nghinh, hoặc vận động những gia đình khá giả ủng hộ cơm, nếp, gà, vịt...cho lễ hội. Phần lớn vận động trên tinh thần tự nguyện là chủ yếu. Giới mục đồng được cắt cử, tổ chức thành nhóm lo mọi công việc từ rước lễ, ăn uống, dọn dẹp...tất cả sao cho có quy cũ, trật tự.

Cờ Mục đồng màu đỏ có tua vàng, cán dài 4 mét, (7 thước mộc, theo cách tính Lỗ Ban), vừa nắm tay cầm, đỉnh cán vạt thành lưỡi giáo nhọn hoặc phía trên úp một chiếc sừng trâu đã được phơi khô đưa lên trên. Trang trí từ trên xuống dọc theo cán cờ gồm nhiều tầng: trái găng, hoa bằng tre vót thành tua nhỏ, nhuộm màu xanh đỏ. Bộ tứ linh long, lân, quy, phụng làm bằng vải hoặc bằng giấy màu rực rỡ, có móc những mảnh giấy bạc lấp lánh treo lên cán cờ. Một con rồng uốn thân ngậm vào đầu lá cờ. Cờ Mục đồng hoàn thành đã thấy công phu, người xem trông vào lá cờ đã thấy sự chăm chút sao cho đẹp, cho có ý nghĩa ngày hội mục đồng, nhất là các công cụ, dụng cụ trong sản xuất và sinh hoạt như cày, bừa, cuốc, liềm, rựa, gàu, thúng, mủng, rổ, rá... được làm bằng tre, gỗ thu nhỏ thành mô hình, mắc lủng lẳng trên cán cờ... chứng tỏ có sự chuẩn bị công phu và khéo tay, có sự sáng tạo và dồn sức cả tháng rất chu đáo.

Do cò mục đồng làng quy định kích cỡ mà không quy định trang trí trên cò nên chư phái tộc nào có khả năng đến đâu, họ cho con em trang trí đến đó. Thế nên trên lá cò, cán cò tùy theo sự sáng tạo của quần chúng mà có mỗi cây cò không giống nhau. Phần lớn trên cán cò người ta treo lủng lẳng nào cuốc, cày, gàu, mủng thúng, dùm, sàng các loại, ...bằng mô hình trông rất đẹp mắt. Bởi trong việc làm cò mục đồng hàm ý có sự thi đua nên họ thi nhau làm cho đẹp. Cây cò nào được Ban duyệt khảo chấm xếp loại một, cây đó được đi đầu và theo đó phái tộc đó cũng được đi theo sau cây cò của tộc mình. Do vậy họ sáng tạo nhiều cách trang trí khác nhau để lấy được lệnh ưu tiên. Cò Mục đồng có treo nhiều dụng cụ mô hình nông nghiệp như thế thì rất nặng, để nắm được cây cò nhất định phải có dụng cụ mang xách. Các mục đồng dùng một ống tre cưa một đầu, phần đáy ống vẫn giữ nguyên, đoạn dùng khoan, khoan hai bên thành ống tre hai lỗ, lại chẻ lạt tre dùm lại cho thật nhuyễn, sàng chắt, xỏ vào hai lỗ khoan, cột chặt tạo thành một dây đeo lên vai. Hoặc tiện hơn lại dùng dây dừa cột chặt. Cán cò bấy giờ cho lọt vào ống tre, cứ như thế hai tay mục đồng nắm cán cò giữ vững sao cho gió không làm nghiêng ngã là được. Cầm cò theo cách này nhẹ cho đôi tay, do đó mà cây cò mục đồng dài và nặng được “gánh” suốt cả ngày vẫn không thấy mỏi mệt.

Về lồng đèn thường là lồng đèn, bánh ú, ngôi sao được huy động con em nhân dân trong làng thực hiện. Lồng đèn có chức năng soi sáng về đêm và tạo cho cảnh quang đêm

rước Thần Nông thêm đẹp, lộng lẫy. Thảng, có lồng đèn kéo quân nhưng loại này không nhiều do phải thực hiện công kỹ, giấy gương dán lồng đèn thời bấy giờ lại hiếm nên chỉ có nhà giàu có, sinh đồ đang theo học mới có đủ giấy làm được loại lồng đèn này. Lồng đèn được treo dọc theo hàng tre trên đường từ đình Thần Nông ra đến Cồn Thần, một đoạn đường hai ngàn thước được lồng đèn lung linh thấp sáng. Ngoài ra, theo chân đám rước Thần Nông còn có một lượng lớn đèn gió. Xưa kia đèn gió được đốt sáng bằng dầu rái²⁹. Dầu được nấu trên bếp lửa tan chảy ra, dùng vải quấn thành gùi nhúng vào dầu rồi nhét vào ống tre tươi dài chừng một mét, thắp đở lên do một mục đồng nắm soi đường. Đêm ba mươi, mông một trời tối đen, trên trời đầy sao nhấp nháy, trong làng lại rộn lên tiếng chiêng trống rền vang xa tận các làng bộ khác, thúc giục. Một đoàn rước Thần Nông đi trong ánh sáng bập bùng của trăm cây đèn gió, của hàng trăm chiếc lồng đèn, tạo cho làng quê Phong Lệ lung linh, huyền ảo với lễ hội có một không hai trên quê hương đất Quảng và không chỉ thế là lễ hội chỉ riêng có tại Phong Lệ mà thôi.

Kiệu rước Thần, mỗi chư phái tộc thực hiện một kiệu rước Thần Nông do tộc mình đảm trách việc khiêng vác ngoài kiệu trung ương do làng thực hiện. Kiệu được làm

²⁹ Thời bấy giờ chưa có dầu hỏa (dầu lửa) mà chỉ có dầu phụng, mù u. Người dân trước dùng hai loại dầu này thấp sáng về đêm là chủ yếu. Đồng thời có dầu rái. Dầu rái khi đốt lên cho khói nhưng mùi dễ chịu nên được nhân dân dùng nhiều hơn.

bằng lá dừa, dương liễu, lá ngâu, lá ổi tàu ³⁰ bó lại, cùng với khung sườn sao cho thành hình một chiếc kiệu rước Thần là được, chung quanh kiệu có trang trí các loại hoa văn cho đẹp và thanh sạch.

Kiệu rước Thần do làng thực hiện, người ta dùng chiếc kiệu rước sắc vua ban hằng năm cất đặt tại nhà thờ mười bảy chư phái tộc làng Phong Lệ, trang trí thành kiệu rước Thần Nông. Cách trang trí gồm trái găng, hoa bằng tre...Đầu các con rồng, con hạc dùng lá ngâu hoặc dừa tùm cọt mà thành, trông đẹp mắt là được. Bốn mục đồng khiêng kiệu do Ban nghi lễ phân công.

Kiệu khiêng các dụng cụ nghề nông thường gặp cũng do làng thực hiện. Kiệu này lớn hơn các kiệu rước Thần Nông, được trang trí trái găng, hình các con trâu, vịt, trái cây các loại. Có liễn đối treo trước sau. Chẳng hạn các câu: *Nông tang tấn tới, tài lộc đa thành; Phong Lệ Mục đồng, Giáng Đông Đẩu vật; Thiên thời địa lợi, Thời vụ chuyên cần; Vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng!...*Trong kiệu đặt các loại dụng cụ nông nghiệp thường dùng như gàu giai, gàu sòng, đòn xóc, đòn gánh, gióng, rỏ, mủng thúng, nẹt, nia, rỏ xô...cày, cuốc...liềm, giăng...khiêng đi cùng với đám rước Thần Nông.

³⁰ Một loại cây lá nhỏ, còn gọi là ổi tàu (định danh theo phương ngữ địa phương), thân cao khoảng 1,5 mét, trông dày tạo nên hàng rào, nếu được cắt tỉa hàng rào trông đẹp mắt. Loại hàng rào tự nhiên này thường gặp tại các nhà vườn ở Huế. Tại vùng trung du đất Quảng loại cây chẻ tàu địa phương mọc nhiều, người dân nơi đây trồng dày, cắt xấn tạo thành hàng rào. Cây chẻ tàu địa phương cũng thường cắt trang trí kiệu thần, kiệu rước sắc, bàn án thực trong lễ ma chay...

Cờ kiệu làm xong, theo quy định của làng mang ra đình Thần nông bình phẩm, chấm chọn, xếp loại khen thưởng trước khi tham gia lễ hội. Kiểm tra xếp loại khen thưởng xong, cờ kiệu và các phẩm vật khác thuộc về chư phái tộc nào được chư phái tộc đó tự cắt cử mục đồng mang đến mộ Thần nông tiến hành lễ theo ngày giờ quy định, thành tâm rước thần về đình thờ. Giới mục đồng trong những ngày này được coi trọng, người lớn tuổi, các chức sắc của làng cũng phải phục vụ hết mình, chu đáo xem như là nhiệm vụ phải thực hiện mà không câu nệ, phân biệt giai tầng trong làng xóm. Thành phần chẵn trâu rất vui và phấn kích trong những ngày này, xem đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của giới mình nên tất cả đám chẵn trâu trong làng được huy động tham gia lễ hội không trừ một ai.

Các chư phái tộc, hoặc các xóm chuẩn bị thanh niên thi đấu vật, thi vật tay, đẩy gậy.

Đây là chuyện đã trở thành thông lệ trong Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ, cho nên thời gian càng tiến gần đến lễ hội, đám thanh niên các xóm, làng lân cận chuẩn bị lực lượng tham gia. Làng Phong Lệ trước thời Thiệu Trị là một làng rộng lớn, bao quát cả vùng Đà Ly xứ, do vậy thanh niên các nơi tập trung về đã có trên dưới “đắc bách nhơn dư” đủ để làng tổ chức các cuộc thi tài bằng các trò chơi dân gian hiện lưu hành tại làng Phong Lệ. Sau rước Thần Nông về đình, an vị cúng kính xong là tham gia hội hè, bởi vì ba năm theo lệ mới có một lần nên lớp thanh niên nam nữ háo hức trẩy hội suốt cả ngày đêm. Ai không vào cuộc

được cho là Thần Nông không giúp đỡ trong các vụ mùa tiếp sau. Thành ra, tham gia lễ hội là nghĩa vụ, đồng thời còn là phương thức giao lưu với các lực lượng siêu nhiên với mục đích duy nhất là cầu cho *vũ thuận phong điều*, được vậy nhân dân cả làng mừng reo một tiếng “*giá hạ*” vang lừng. Lòng người dân như thế là phấn khởi an lạc. Các môn thi đấu vật, vật tay, đẩy gậy được tổ chức suốt trong ba ngày hai đêm lễ hội. Đây cũng là dịp các thanh niên lực điền, trai tráng trong làng thi nhau trở tài trước mắt bao người. Khen chê cũng từ đó mà có.

Đồng thời với công việc chuẩn bị con người thi đấu, làng Phong Lệ cắt cử nhân sự chuẩn bị địa điểm và các phuwong tiện thi đấu. Thường, sân bãi cạnh đình làng là nơi diễn ra các trận đấu giành quyền ngồi chiếu đình. Anh nào thắng cuộc được trân trọng mời vào chiếu sân đình hai bên tả hữu nói chuyện với các tiên chỉ, thứ chỉ làng (thời cận hiện đại gọi là thân hào nhân sĩ làng). Nhưng ngày Mục đồng do giới Mục đồng tổ chức nên thủ lễ trong ba ngày này không được đặt ra. Tất cả do giới chẵn trâu lo liệu, các tiên chỉ làng trở thành người giúp việc, do các Trùm chỉ, Trùm phụ phân công cắt đặt. Và vào ba ngày này các vị tiên chỉ phải tuân theo, không cãi.

Ban tư văn viết bài văn tế Thần Nông

Cầu cho *vũ thuận phong điều*. Đây là công việc của những sinh đồ, người có học thức trong làng mới được tín nhiệm giao cho công việc viết thông điệp giao lưu cùng các lực lượng siêu nhiên và với Thần Nông của làng. Trong

phiên họp hội tháng 2 âm lịch đã phân công cho bộ phận tư văn chuẩn bị. Tùy theo năm mà lòng văn nêu lên sự cầu xin Thần Nông giúp đỡ. Nếu trước lễ hội mà hạn hán mất mùa hoặc thiên tai lụt lội mùa màng thất bát, thì lòng văn khẩn nguyện phải tha thiết, thành tâm mong cho Thần Nông ngó lại mà ra tay giúp đỡ. Vì thế nên những người chấp bút phải là những vị có học, thông thái ít nhiều chữ thánh hiền mới được tín nhiệm. Tư văn những năm mới tổ chức lễ hội do Ông Ích Khiêm phân việc, về sau hễ ai có chữ nghĩa được làng phân.

Bài văn được viết trên tờ giấy dó sẫm màu (nay là giấy vàng), khổ 20 x 30 cm được dán bằng xôi hoặc cơm dẻo, chấp nối lại cho đủ rộng để có thể chứa đựng hết nội dung nhân dân trong làng muốn đạt được. Trong bài văn còn nêu tên các vị thần linh được cúng kính tại làng. Hệ thống thần được thờ tại các đình làng³¹ cũng phải được nêu danh tánh, không sót... Bài văn sau khi được viết xong, lại mang ra trình làng xem lại, bỏ hoặc thêm chữ nào hoàn toàn lệ thuộc vào Hội đồng kỳ mục của làng, hoặc thêm chữ, bớt khổ sao cho mọi người thống nhất, lúc bấy giờ bộ phận Tư văn sao chép lại cẩn thận, đoạn dán lên một khung có sẵn đặt tại hậu tẩm đình, trên dán một tờ vàng mã, đôi khi không phải dán tờ vàng mã (tờ màu vàng) mà trùm lên khung một tấm khăn điều trước lễ hội một vài ngày.

Chuẩn bị mười hai học trò gia lễ (lễ sinh) giúp việc cho chánh bái.

³¹ Sẽ trình bày một số vị thần được thờ tại đình làng ở phần tín ngưỡng dân gian.

Để làm được việc này, bộ phận Tư lễ vào cuộc trước lễ hội chừng một tuần. Tư lễ chọn mười hai lễ sinh (học trò gia lễ) trong số các gia đình am tường chữ nghĩa tại làng, hoặc chọn con nhà gia thế, gia thanh tốt chưa có gia đình mới được nêu danh tánh ra làng. Nhân chọn lễ sinh, các sinh đồ con nhà có học trong làng đều muốn có tên trong ngày lễ hội tại đình. Đây là lúc ra làng, xem như bước đầu tập tành làm việc làng trước khi nhập thế giúp đời (tức làm việc nước) để có thể giữ được ông hương, ông lý trong làng. Vì thế mà gia đình có con trai học hành đều muốn có mặt, theo đó việc chọn lựa không khó vì số dự tuyển đông đảo, các vị trong bộ phận Tư lễ cứ vậy mà chọn. Ai được chọn vào bộ phận này xem đó rất hãnh diện vì được tham gia việc làng, vào ra cửa Khổng, sân Trình mới có thể giao lưu tiếp ứng thần linh, được nhân dân làng Phong Lệ gửi gắm, tin tưởng.

Chọn lựa mười hai lễ sinh xong còn phải tập tành thuần thục từng động tác, cách đi, cách quỳ, cách dâng rượu, ách thấp nhang, đốt đèn...tất cả đều phải tập trước nhuần nhuyễn trước lễ năm bảy ngày. Theo bài thầy quy định mà tập các động tác, sao cho thuộc nằm lòng để khi Đông, Tây xướng lên có thể nhận biết ngay việc cần phải thực hiện động tác gì, bước đi ra sao, nhất là phải thực hiện rập ràng trước ba gian đình sao cho làm vừa lòng các vị tiên chỉ làng mới được! Vào lễ an vị tế Thần không phải nhắc nhở nữa, anh nào không làm được liền được thay thế. Chọn xong người lại còn phải mượn hoặc sắm sanh bộ y phục lễ. Gia

đình nhiều lúa gạo liền sắm ngay cho con trai một bộ áo dài lương đen, chiếc quần trắng, đôi guốc xà lan cho con đủ bộ ra việc làng, hộ gia đình nào không có tiền, làng sẽ tìm cách mượn cho một bộ để hành lễ, xong lễ lại giặt giũ tử tế, giao trả cho Tư văn.

Ngày xưa thanh niên mười tám đôi mươi được ra làng là vinh dự lắm, làng xóm trông ngóng nhiều hơn, các cô con gái mười sáu, mười tám theo đó cũng nể trọng các chàng trai hơn. Ai có người thân, người quen lại càng hãnh diện hơn nữa, cha mẹ theo đó cũng vui lây niềm vui con trai, xem đã được trưởng thành một bước, làng xóm theo đó trông vào.

Thuê hoặc chọn ban nhạc cổ bát âm

Ngoài việc chuẩn bị văn tế Thần Nông, học trò gia lễ, Ban chấp kích của làng, lại còn phải có nhạc cổ bát âm thì mới đủ lễ cho một diên tế Thần. Bởi ngày trước, dân gian Quảng Nam quan niệm *sống dầu đèn, chết kèn trống*. Trong nghi lễ, nhất là lễ trọng tại đình làng thường phải có nhạc theo đó lễ hội Mục đồng cũng phải có đủ lễ, nhạc thì mọi sự mới thành. Rước một ban nhạc cổ bát âm phục vụ trong lễ hội, việc này Ban tổ chức lễ hội giao cho Ban Tư lễ lo liệu. Ngày trước mà rước cho được ra một ban nhạc quả là xa xôi, cách trở, hiếm hoi không phải dễ tìm mà rước được. Ban Tư lễ phải lặn lội vào tận các làng Khánh Thọ, Khánh Vân, Đức Khánh tận trong phủ Hà Đông (nay là Tam Kỳ), Thăng Bình, nơi có các đoàn hát bội, các đội hát sắc bùa nổi tiếng tại đất Quảng xưa nay, may ra mới có

thê tìm rước được một đội nhạc cổ bát âm có đầy đủ tám dụng cụ nhạc khí được. Để rước đội nhạc về làng, chuyện hậu sự cho đội cũng phải tốn kém không nhỏ. Ngoài tiền công phải trả cho đội nhạc, đến làng còn chuẩn bị nơi ăn, chốn ở cho toàn đội từ 8 đến 10 người trong ba ngày lễ hội diễn ra.

Nhạc bát âm gồm có 8 nhạc cụ thường sử dụng trong hát bội, hát giáo tuồng, lễ hội, trong quan, hôn, tang, tế... và các lễ tế khác. Ngày trước, người ta thường sử dụng 8 nhạc cụ khác nhau hòa thành âm sắc mà ta thường gọi là nhạc bát âm. Bát âm gồm: 1/ *Bào*: đây là 1 bộ gõ dùng để gõ, tiếng kêu trong hơn tiếng mõ; 2/ *Thổ*: 1 dụng cụ bằng đất nung, khõ lên, tiếng kêu thanh; 3/ *Cách*: cái trống con tang trống làm bằng một đoạn mít già đục thủng ruột, không có chỗ nổi; 4/ *Mộc*: cái mõ, âm thanh trầm hơn tiếng bào; 5/ *Thạch*: 2 miếng đá dát mỏng, tiếng trong; 6/ *Kim*: cái chuông giống như cái linh dùng trong nhạc trống bát nhã nhà chùa; 7/ *Tư (tơ)*: cái đàn có 16 dây (thập lục huyền cầm); 8/ *Trúc*: ống sáo, ống tiêu, thổi lên có cả thanh trầm, thanh bổng.

Ngày nay trong một buổi tế lễ không còn dùng đủ bộ bát âm nguyên phổ mà đã có sự giảm đi một số loại nhạc cụ và thay bằng loại nhạc cụ dân tộc như đàn cò, kèn, xập xã, trống, đàn tranh (đàn thập lục) là đủ phổ, xem như là nguyên bộ trong các lễ hội cũng như trong quan, hôn, tang, tế. Trong một buổi tế lễ, nhạc cổ bát âm thường tấu lên sau

khi bộ phận Tư lễ xướng truyền *nhạc sinh khởi nhạc* và thường là tiếp sau ban chấp kích của làng.

Chọn người chánh tế, bồi tế

Trong một buổi lễ tế thần linh, việc chọn người chánh tế cũng là một khâu quan trọng không kém các khâu Tư văn, lễ sinh. Thường các vị chủ bái đã được các chư phái tộc trong làng bầu chọn thường xuyên vào các dịp Xuân kỳ, Thu phước của làng rồi, tuy nhiên các vị chủ lễ thường là người cao tuổi nên trong năm đôi khi gặp phải lúc ốm đau, cần phải có người khác thay thế. Tiêu chuẩn để bầu chọn vị chủ tế thường chọn các tộc họ lớn trong làng, tộc họ có công khai phá lập làng. Đây được xem như tộc họ tiền hiền có công với làng xóm. Nhưng nếu tộc họ tiền hiền không có người cao niên am hiểu phong tục, tập quán lễ nghi của làng thì cũng không phải chọn. Kế đến, tộc họ nào được tôn xưng là hậu hiền của làng thì được tham gia. Trong một cuộc tế lễ đình làng có ba gian, vị chánh bái phụ trách gian giữa và hậu tâm, hai vị hậu hiền và tộc họ lớn đứng hai bên tả hữu, đông phối, tây phối của đình làng. Cách sắp đặt như vậy lâu nay vẫn thế, đã trở thành lệ nên trong những lần cúng tế tại đình làng việc thảo luận chủ bái không xảy ra nhiều lắm.

Người được chọn vào các vị trí chánh bái, bồi bái³² phải đảm bảo rằng trong khoảng tuần nhật thân thể thanh sạch, có đạo đức tốt, ăn ở hiền lành, thông kinh sử càng

³² Tùy theo làng, có nơi gọi chánh tế, bồi tế, hoặc có làng gọi chánh bái, bồi bái cũng như nhau.

hay, phải am hiểu phong tục, tập quán làng, có kiến thức về đất đai xứ sở của làng và đặc biệt hơn là phải hiểu các thiết chế văn hóa có tại làng; trong đó thờ cúng những ai để khẩn nguyện không sai trật, làm ảnh hưởng đến dân sinh, dân nguyện mười bảy chư phái tộc trong làng. Do đó, trước kia vị chánh bái được chọn lựa rất kỹ lưỡng, bởi thông qua vị chánh bái, người dân trong làng tin rằng thông qua vị này có thể giao lưu, thay mặt dân làng ứng xử với các lực lượng thần linh, xin Thần Nông và các vị thần chương khác giúp cho nhân dân Phong Lệ có được *vũ thuận phong điều*, làng trên xóm dưới bình tâm, xua đi những ôn dịch, bệnh tật, an được lòng dân. Thế nên việc chọn lựa phải do Hội đồng chư phái tộc xem xét, sao cho danh có chính thì ngôn mới thuận, ngôn có thuận thì sự mới thành.

Trong tâm thức của người làng Phong Lệ nói riêng và đất Quảng nói chung, khi chọn vị chánh bái cho một buổi tế lễ trọng nhất thiết phải xem xét, bởi nếu không người ta tin rằng thần sẽ không những không đáp ứng lời cầu nguyện mà còn ra uy trung triệu làm cho dân làng ốm đau triền miên, trong làng có người chết chóc xảy ra, đặc biệt chết bất đắc kỳ tử lại càng kiêng kỵ. Họ cho rằng do vị chánh bái năm ấy không trong sạch thân mình, không có đạo đức khẩn nguyện thiếu sót làm cho lực lượng siêu nhiên, quở trách, dân làng hứng chịu! Nay tâm thức đó không còn nhưng để là vị chánh bái của làng phải là người được mười bảy chư phái tộc làng bầu chọn.

Chọn người đọc bài văn tế

Việc chọn người đọc chúc văn làng Phong Lệ giao cho Ban Tư lễ chuẩn bị. Làng Phong Lệ việc chọn một vài người đọc chúc văn không phải khó tìm, tuy nhiên cũng giống như vị chánh, bồi bái người đọc chúc văn phải có đạo đức được nhiều người trong làng tín nhiệm, các chữ phải tột nhất trí mới được chọn. Chuyện ra làng đối với các thế hệ dân làng Phong Lệ ngày trước là hết sức quan trọng, mang dáng dấp của sự thăng tiến, trưởng thành, hãnh diện nên ra được làng, lên được tổng phủ là vẻ vang cho gia đình, dòng họ lắm rồi, thành ra chọn mặt gửi vàng, người dân trong làng luôn có sự lựa chọn cho xứng đáng. Điều đó cũng phải, bởi người đại diện luôn là người xứng đáng!

Tại làng Phong Lệ, trước kia có cụ Dương thường đọc chúc văn vì có giọng tốt, đọc hay, biểu cảm theo lối văn tế, âm tiết, giọng điệu theo lối văn biên ngẫu, cụ Dương thành thạo. Cụ cũng thường đi đọc chúc văn cho các làng lân cận. Cụ còn là một Tổng sinh thành thạo các làn điệu trong một cuộc tang ma nên thường làm Tổng sinh dẫn đầu một đội âm công trong việc tang, người các nơi thường nhờ đến cụ nên việc chọn đọc chúc văn cử hành nhanh chóng. Cụ Ngô Tấn Nhã (đã mất năm 2000), trước kia vào các diên Xuân kỳ, Thu tế và lễ chánh kỵ tiền hiền mười bảy chữ phải tộc làng Phong Lệ, cũng thường được mời viết bài văn tế tại đình, miếu, nhà thờ chữ phải tộc (Nhà thờ Thái miếu), cụ Ngô Tấn Nhã cũng đã từng là *nghệ đọc chúc văn*, giúp cho làng hoàn thành các kỳ lễ hội. Kỳ lễ hội Mục đồng năm

1936 cụ được phân trong bộ phận Tư lễ đọc bài văn tế Thần Nông tại đình.

Tư lễ chọn người *độc chúc văn* phải có giọng tốt, biết đọc văn tế là thế nào, lại còn phải biết phân biệt với đọc *bài cáo* thì mới có thể ra làng làm công việc quan trọng như thế. Người dân bình thường trong làng không phải ai cũng có thể làm được, kể cả trưởng các chư phái tộc.

Chọn người xướng bài thày

Bộ phận Tư văn sau khi viết xong hoàn chỉnh bản “độc chúc văn”, đảm bảo được rằng tất cả mười bảy chư phái tộc đã được xem qua một lượt, sửa chữa những chỗ cần phải sửa và thêm, bớt những chỗ nhất thiết phải đưa vào trong bài văn cho được đầy đủ xong, thì chuyển cho Tư lễ. Tại Ban Tư lễ người được chọn đọc độc chúc lâu nay vẫn không thay đổi, nghĩa là đã chọn và phân công trong mười bảy chư phái tộc rồi, nhất trí và không có tộc họ nào có ý kiến gì thêm, xem đó là chuyện không cần phải bàn cãi. Tuy nhiên gặp phải lúc người đọc chúc văn giọng năm nay không được tốt, hoặc gặp phải những điều làng kiêng kỵ như có tang, nhất thiết phải chọn người khác và người đọc chúc văn cũng tự giác không nên làm công việc này trước Thần Nông. Không chỉ độc chúc mà Chánh, Bồi tế cũng phải chọn lựa như vậy.

Tư lễ lại mang bài chúc văn tế Thần Nông đến đặt tại bàn Hội đồng trong đình Thần Nông, người đọc chúc văn có trách nhiệm đến đình xem qua vài lần, chỗ nào có dấu khuyên tròn, chỗ nào không để dễ đọc, lấy hơi, giữ giọng.

Đây là công việc xem như chuẩn bị trước, trước khi đọc văn bài, sao cho thật kỹ lưỡng để khi vào lễ văn bài đọc được suông sẻ, biểu cảm và sáng tạo lay động thần linh. Người đọc chúc văn cũng phải có bộ y phục lễ, áo dài thụng, khăn nhiễu nghiêm túc.

Quét dọn Cồn Thần, đình Thần Nông, Nhà thờ 17 chư phái tộc.

Sau khi nhất trí chọn cử trong đám mục đồng, hoặc có năm cử một một ông “xã” nào đó trong số những vị có uy tín trong làng làm Trùm chỉ³³, một mục đồng làm trùm phụ. Trùm chỉ là người trông coi toàn cuộc lễ hội Mục đồng, Trùm phụ giúp việc cho trùm chỉ trong tất cả các công đoạn, kể cả việc trật tự trên đường đi rước Thần Nông, lúc hát Mục đồng Trùm chỉ luôn là người ra uy trước thiên hạ. Người đi xem hội, hoặc tham gia đều phải tuân lệnh, ai lơ ngơ bị Trùm chỉ dùng roi mót quất bừa, nhằm ai người ấy chịu, không van nài, khiếu nại gì được. Kế, là tổ chức vệ sinh đường làng, quét dọn Cồn Thần. Ba năm, kể từ lần Mục đồng kỳ trước đến bây giờ, tại Cồn Thần cỏ đã mọc ba mùa, xanh tươi, khô tàn, héo lụi sắp thành lớp nơi cồn, chỉ những nơi có dấu chân trâu, bò thì thật quang đãng, những nơi giới mục đồng thường tổ chức vui chơi các trò chơi dân gian thì nơi ấy sạch hơn. Do vậy nên việc phải dọn vệ sinh nơi Cồn Thần được tiến hành trước vài ngày. Mục đồng chủ trì nhưng người dân trong làng cũng phải tự

³³ Phần nhiều vẫn do giới Mục đồng đảm nhận chức trách Trùm chỉ. Ngày trước khi Ông Ích Khiêm còn sống, mọi sự sắp đặt cho Mục đồng do cụ Tiểu Phong Lê chăm chọn. Cụ chọn giao cho anh nào, anh ấy phải lo.

giác tham gia, bởi trong tâm thức người Phong Lệ, hễ ai không tham gia vào việc rước Thần Nông, Thần sẽ không giúp đỡ cho trong làm ăn, mùa màng bị sâu rầy phá hoại, lụt lội làm ngập úng...nên dọn sạch Cồn Thần là chuyện của *bốn xã chức việc toàn dân đảng*.

Đình Thần Nông cũng phải được làm vệ sinh, người ta quét một lớp vôi mới (nếu có thể làm được), lau sạch các lư hương, chân đèn, bài vị, các tượng Thần bằng đồng đen. Sân đình được làm cỏ sạch sẽ, đủ để hành lễ và hát mục đồng, nơi cho Mục đồng tổ chức các trò chơi, nơi cho các hàng quán sắp đặt bán các loại bánh trái, thực phẩm khác trong ba ngày lễ hội, nơi đủ rộng để mục đồng có thể chạy cờ. Trên nóc đình các hoa văn cách điệu *tranh châu, châu nguyệt*, bức bình phong...tất cả được quét vôi lại trông sáng ra và mới hẳn lên.

Mười bảy chur phái tộc cất cử người của tộc mình về Nhà thờ chur phái gọi là Nhà Thái miếu để dọn dẹp vệ sinh, làm cỏ, có năm người ta cũng quét một lượt vôi trông mới ra, các bức bình phong, trụ biểu, hoa văn cách điệu được sơn phết lại.

Công việc quét dọn đường làng, Cồn Thần, Đình Thần Nông, Nhà thờ chur phái tộc được hoàn tất trước lễ hội một đến hai ngày. Trước khi lễ hội diễn ra, người dân trong làng ai cũng một lần ghé qua các thiết chế này xem tận mắt (trừ trẻ em). Giới Mục đồng trong những ngày này thấy mình thật sự quan trọng trong làng, như được cởi bỏ thân phận ở đợ làm thuê, tầng lớp nghèo khó, hèn mạt của làng, trở

thành người làm chủ, bày vẽ công việc cho các vị chức sắc trong làng tham gia. Một bộ phận được ngồi tại ba chiếc chiếu tại Đình làng để bàn công việc cụ thể cho làng, cho lễ hội. Thật vinh dự và sung sướng, thỏa mãn không gì bằng. Đây là lúc giới Mục đồng được quyền làm chủ xã hội trong ba ngày ít ỏi của đời chẵn trâu ở đợ. Được như thế vẫn hơn không!

Chuẩn bị bánh, trái bán buôn

Trong ba ngày lễ hội Mục đồng, nhất định khách bốn phương tề tựu về làng Phong Lệ xem rước Thần Nông dạo đồng; đồng thời chờ xem hát bộ nên việc chuẩn bị các loại bánh, trái cây, củ bán cho khách thập phương thế nào cũng có. Công việc này không do làng chuẩn bị mà do các hộ gia đình có người buôn bán lo liệu. Thường là các cụ bà cao tuổi, có thể bán ngay tại quán của mình trong làng, dưới một rặng tre nào đó tập hợp gồm các loại bánh, trái, củ các loại phổ biến tại địa phương.

Bánh: chất liệu làm nên bánh thường là gạo, nếp, sắn, khoai. Không có bánh tét, bánh in trong lễ hội. Gạo được xay thành bột để tráng bánh xèo, làm bánh đúc, bánh rò, bánh nậm, mì Quảng. Thêm các loại bánh ít đen, bánh trôi nổi (còn gọi là bánh sắn). Nếp thì nấu thành xôi với đậu phụng.

Quả: mùa hè, làng Phong Lệ không có nhiều loại cây cho trái lấy quả ăn tươi, sống. Chỉ có ổi ta (gọi là ổi sẻ) trái nhỏ, khi chín ruột có màu hồng và chuối các loại. Loại ổi này không trồng, chúng thường mọc hoang trong khu vườn

nhà, kiểu vườn tạp, đến lúc có trái người ta hái lấy, không chăm sóc để trở thành hàng hóa được. Trái mềm rất dễ ăn. Hoặc dưa hấu, trái tròn, trồng tại bãi La Hường, La Hong ven sông Cẩm Lệ. Trái dưa hấu không lớn nhưng là sản phẩm của Phong Lệ một thời, cùng với dưa hấu xã Ái Nghĩa, Phiêm Ái, tạo thành sản phẩm nông nghiệp bán buôn, cung cấp trên khắp địa bàn tổng Thanh Quýt, phủ Điện Bàn (huyện Hòa Vinh nay là Hòa Vang).

Kẹo: thời bấy giờ làng Phong Lệ cũng như bao làng khác, chỉ mỗi một loại kẹo ú được cho là sang trọng lắm. Kẹo ú làm thủ công do các hộ buôn bán lẻ tự sản xuất và bán.

Củ: có các loại củ khoai lang, khoai tím, củ sắn, trút, môn, khoai từ...được bày bán tại quán làng, hoặc các cụ dùng nia, trẹt lót mấy tàu lá chuối, xong đặt các loại trái, củ, quả các loại lên bán cho dân xem hội.

Nước uống chỉ độc một loại nước chè xanh nấu chín cho vào bình tích ủ nóng hoặc không, dùng mời khách uống. Nước không bán, chỉ mời ai khát nước thì dùng.

Hàng quán phục vụ cho lễ hội không nhiều và cũng không phong phú, chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp địa phương, các loại bánh cũng được chế biến từ gạo, nếp mà ra không pha trộn gì thêm. Đây là thời kỳ còn rất khó khăn, phương thức sản xuất lạc hậu nên không phải là của ngon vật lạ mà chỉ là sản phẩm thổ nghi của làng, phục vụ nhu cầu ẩm thực theo phương thức tự cấp tự túc. Sản phẩm đặc trưng Phong Lệ như *tu huyết*, *bánh gừng* (thỉnh thoảng loại

bánh này phổ biến dài lên làng Ái Nghĩa, Phiếm Ái (trước là các làng thuộc huyện Hòa Vang, nay thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng nam) có dịp xuất hiện do bánh gừng công đoạn làm tuy cầu kỳ nhưng không sắp đặt thành hình tháp lại dễ bán. Còn có loại bánh vòng làm bằng bột sắn, lấy trùng bột thật ráo, viên tròn tạo thành chiếc vòng đeo nơi cổ tay trẻ em, xong cho lên chảo chiên chín vàng, giòn rụm. Trẻ em rất thích loại bánh vòng, vừa rẻ, vừa đại trà, dễ sử dụng.

Trong buôn bán tại các tụ điểm hàng quán ven đường, cũng thường diễn ra nói vè, hát hò khoan đối đáp. Đây thực sự là lúc người lao động sinh hoạt vui chơi, trao đổi tâm tình thỏa mái nhất. Ngồi tại quán nước ven đường, thế nào cũng có nói vè, vì thế loại hình vè phát triển mạnh ở xứ Quảng một thời. Bài vè đem ra nói từ vè thế sự đến vè lịch sử đều có, thời nào có vè thời nấy phù hợp. Thời trước 1945 bài vè Thông Tầm phổ biến tại Nam, Ngãi, sau 1945, phổ biến vè Đánh Tây, vè Khâm sai, thời kỳ đánh Mỹ có vè đánh Mỹ, vè diệt thù...vè dân vận...Những bài vè như vậy được lưu truyền trong nhân dân. Cùng với vè là loại hình diễn xướng dân gian hát hò khoan đối đáp, ngay trong lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ thắng vẫn có hát với nhau, không tổ chức quy mô nhưng do tự phát mà có. Trong quán nước ven đường thanh niên nam nữ tập trung ăn dăm ba cái bánh, uống bát nước chè xanh, phần khởi nam nữ hát với nhau vài câu qua lại cho vui. Trong hát hò như vậy thường

có hát đáp trả, tạo nên sự gắn kết tình làng nghĩa xóm trong các tầng lớp nhân dân làng.

Chuẩn bị các loại cờ bạc, xóc đĩa, tứ cúc, tam cúc, cờ chông, chẵn lẻ

Cờ bạc không lợi ích gì cho phát triển làng xóm, song trong một lễ hội không thể không xuất hiện các loại trò chơi ăn thua này. Theo các già làng kể lại, mỗi khi lễ hội bắt đầu, dân tứ phương mộ điệu hội hè tập trung về Phong Lệ xem hội như một lần trải hội trong năm giữa mùa hè. Đây được xem là dịp mua vui, nam thanh, nữ tú các nơi về xem hát, tham gia chơi các trò chơi dân gian. Người ta bảo *Trai khôn tìm vợ chợ đông/ Gái khôn tìm chồng giữ chốn ba quân*, có lẽ nơi hội hè cũng là dịp nam thanh nữ tú gặp nhau. *Cờ bạc là bác thằng bần* nhưng vẫn phải ăn theo hội hè đình đám. Tuy nhiên không phải tất cả mọi người ai cũng tham gia, chỉ một số ít nhân vật giàu có nhân lúc hội hè mà mua vui chùng vài canh lấy cái hên trong lễ hội, chờ đợi đám rước dạo đồng, hát bội. Vậ thôi.

Ngày trước phổ biến vẫn là loại xóc đĩa, chẵn lẻ, loại bài tứ cúc, tam cúc, xóc đĩa, xì lát bột, ác tê... sử dụng cho các gia đình nhà giàu và dân tứ phương tụ tập về chơi, dân trong làng chỉ năm ba người tham gia, phần lớn thời gian họ phải phục vụ việc dạo đồng, bởi vì quyền lợi và nghĩa vụ của họ gắn với ruộng đất tại làng nên không thể đứng đưng với thân được. Bên cạnh vẫn có cờ tướng dành cho những người yêu thích loại cờ này, phần lớn là các sinh đồ, thành phần là thân hào nhân sĩ tại làng và các vị đồ nho các

làng lân cận về dự hội tham gia. Nơi tiến hành các cuộc cờ vẫn thường là các hàng quán, hoặc trên hiên nhà ai đó. Không ăn thua sát phạt nhau lớn nhưng vẫn có thái độ hơn thua. Và rõ ràng chỉ tồn tại trong vòng ba ngày rồi thôi, tất cả được dọn dẹp, trả lại sự yên tĩnh cho ngôi làng, trả lại cho giới mục đồng công việc hàng ngày ở đợ giữ trâu cho nhà chủ.

Bài về sau đây lưu hành trên địa bàn Hóa Khuê Đông, Hòa Quý (thuộc tổng Thanh Quýt cũ nay thuộc phường Hòa Hải, Hòa Quý quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng) nói về tệ bạc cờ:

*Trời sinh ra ông tướng tài
Cờ bạc, xóc đĩa đông dài cả đêm
Canh trước tướng hãy còn tiền
Canh sau cởi áo ngồi bên lọ hồ³⁴
Cái ngãnh đi, tay thò, tay móc³⁵
Cái ngãnh lại, phì phò chén say
Còn tiền đánh cái cũng hay
Hết tiền khi ngủ lại hay giật mình
Tướng sự tình bạc này hai xấp
Chẳng ai ngờ nó lại xấp ba
Bây giờ quan tướng thua ra
Áo quần cầm hết trở ra về trần
Về giữa sân, vạch đùi bắt rận
Vợ ở nhà giận chẳng nấu cơm*

³⁴ Lọ bỏ tiền xấu.

³⁵ Cái: người cầm cái cuộc cờ bạc.

*Chẳng dám hạch nước, hạch com, hạch hầu
Vợ thương chồng ra màu rét mướt
Đem tiền đi chuộc lấy áo về
Từ nay tương lại xin thề
Còn đi đánh bạc, chẳng về chi đây.*

*Chuẩn bị các loại trò chơi dân gian dành cho giới mục
đồng*

Cùng với cờ bạc dành cho người lớn tuổi tìm hên xui trong ba ngày lễ hội Mục đồng thì giới trẻ em ngày trước cũng có các loại trò chơi cho giới mình. Trong làng số trẻ em được đi học chiếm tỉ lệ rất thấp phần lớn trẻ đều mù chữ, chỉ mỗi việc chăm chú giữ bò, giữ trâu, không giữ cho nhà mình thì cũng giữ cho người bà con trong tộc họ, số đồng giữ trâu thuê cho nhà chủ.

Khi đánh trâu bò ra đồng, cho trâu tự do kiếm ăn trên cánh đồng La Hường, La Hong,...đồng Thầy, vườn Lãng...trẻ tụ tập lại chơi trò chơi do giới mình tự sáng tác ra. Các loại trò phổ biến ngày trước như chơi u, chơi cày, nhảy dây, đi chợ về chợ, bịt mắt bắt dê, bắt chun thang, chơi cùm...đặc biệt vẫn có loại trò chơi ông làng dành cho những trẻ em có óc tư duy, biết suy tính hơn thua, tính cách đánh có lợi cho mình. Tất cả các loại trò chơi như vậy được lần lượt diễn ra từng trò một. Chơi trò này thấm mệt, chán ngán, trẻ lại tìm đến trò chơi khác vui thú hơn, cứ vậy cả buổi, cả ngày không mệt. Hết loại trò chơi dùng sức lực như nhảy dây, chơi u, chào ông rắn đi đâu...trẻ lại tìm đến ông làng, chơi cùm, đi nẻ...để được nghỉ ngơi.

Các trò chơi như vậy không phải đến lễ hội Mục đồng mới được chuẩn bị để tổ chức mà thường ngày giới chẵn trâu đã tổ chức chơi với nhau rồi. Cả trẻ em ở nhà giữ nhà, trông em cho cha mẹ đi làm cũng thường tổ chức chơi với nhau ngay tại hiên nhà mình hoặc dưới bóng cây râm mát. Tuy nhiên rủ nhau chơi các trò chơi trong lễ hội là ngày vui của cả làng, do giới chẵn trâu tổ chức, chuyện chưa từng thấy như thế bao giờ. Cả thời nay giới mục đồng cũng không thể làm được hưởng hò thời phong kiến, giới mục đồng được cho là giới tận cùng của sự nghèo hèn (còn hơn cả nghèo khó), vậy mà cả làng tự nguyện phục vụ hết mình dù chỉ ba ngày ít ỏi nhưng thể hiện sự có mặt của một giới mà xã hội không thể không tính đến. Ngày trước đây là lực lượng đông đảo.

Chuẩn bị đẩy gậy

Trên là các trò chơi dành cho giới chẵn trâu, chẵn bò, ít tuổi, còn phía giới mục đồng lớn tuổi đi ở cho nhà giàu có, nhiều ruộng đất, họ đã mười tám đôi mươi, lại có các trò chơi riêng của giới mình. Trong lễ hội đình làng, lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ các loại trò chơi dành cho thanh niên được tổ chức có trao giải thưởng hân hoi, do làng đứng ra làm trọng tài và phát phần thưởng. Đây là một phần thu hút đáng kể của giới thanh niên được quan tâm tổ chức trong lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ. Các trò chơi phổ biến gồm chơi đẩy gậy (cây), chơi vật tay, đập om, kéo co, về sau có trò nhảy bao bố qua vật cản...phía nữ có trò ông

làng, cờ gánh cũng là các loại trò chơi được giới mục đồng quan tâm đến nhiều hơn.

Chuẩn bị thuê gánh hát tuồng về hát

Hát bộ từ 2 đến 3 đêm tùy theo năm được hay mất mùa, tại trước đình Thần Nông. Hát bộ là một trong những khâu quan trọng của lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ. Chính vì thế, nên người Phong Lệ ngoài chuyện *Rước Mục đồng* còn có việc *Hát Mục đồng*. Theo đó, đêm thứ hai của lễ hội diễn ra hát Mục đồng, đây là một thành tố quan trọng cấu thành lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ. Việc này làng đã họp và giao cho Ban Tư lễ, Khánh tiết lo liệu từ rất sớm. Tùy theo năm mà có hát hay không hát. Năm nào được mùa, hoa màu đầy vụ, năm đó hát lớn, lễ to, ngược lại gặp năm mất mùa, thất bát hoa màu, năm đó hát không phấn khởi lắm, hoặc không hát. Tuồng hát được chọn thật kỹ lưỡng, phải được sự ưng thuận của làng mới được hát. Làng không chọn, gánh hát dù có chuẩn bị tuồng hay đến mấy cũng đành!

Để có gánh hát tựu rạp đúng ngày giờ quy định, Ban Tư lễ cử người có trách nhiệm vào tận vùng Tam Kỳ, Thăng Bình, Tiên Phước để rước gánh hát về. Ngày trước tại Quảng Nam, gánh hát nổi tiếng là Khánh Thọ, Khánh Đức, gánh hát Bàu Toa không nổi tiếng song cũng hát được. Tổng Thanh Quýt, huyện Hòa Vinh (Hòa Vang) có các đào kép hát được như Châu Xứng, Trọng Hào (làng Đông Phước), Quảng Dương (làng Phong Lệ) mà không lập gánh hát. Sau 1945, làng Cổ Mân của Hòa Vang có lập được một gánh hát bộ, mời các đào kép từ Khánh Thọ,

Khánh Đức ra luyện tập và gánh cũng đi hát hát được các làng xã lân cận: Phước Trường, An Hải, Tân Lưu, có lần ra đến Lăng Cô để hát.

*Trông cho con ếch mang giày,
Phước Trường hát bộ, mấy ngày cũng coi.*

Tuy nhiên vào thời kỳ này lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ đã không còn được tổ chức nữa ³⁶.

Cát công vào tận miền trong mời gánh hát và chọn vở diễn, việc này làng Phong Lệ giao hẳn cho Ban Tư lễ cùng với một vài vị là thân hào nhân sĩ trong làng đảm trách. Sau khi thương lượng và chọn gánh, chọn vở hát vừa ý xong là rước về làng. Trước kia gánh hát thường đi bộ, gông gánh đồ đạc các loại ...tất cả cho vào đôi bầu, đôi giỏ, mỗi người một việc, một gánh, gánh bộ chạy ra làng Phong Lệ. Vì thế mà có danh xưng “ông bầu gánh”. Họ đi mấy ngày đường mới đến nơi chỉ để hát một đêm rồi thôi nên công cán cho gánh hát phải được trả xứng đáng. Việc này do làng chịu trách nhiệm lo liệu, có sự góp sức của những người ủng hộ, những phú hộ trong làng...họ như Mạnh Thường Quân thì mới có thể Hát Mọc đồng được.

Mời các làng bộ lân cận đến tham dự

Đến lễ, lễ hội Mọc đồng bắt đầu diễn ra, dân làng tứ phương tập trung về làng Phong Lệ xem hội. Ngày nay theo đà phát triển chung của lễ hội trong vùng danh xưng là Lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ đủ ngữ cảnh, nhưng ngày

³⁶ Lần cuối cùng tổ chức vào năm 1936.

trước người ta thường nói gọn, nói tắt là Rước Mực đồng. Đi xem *rước mực đồng*. Dân các làng chung quanh thường kháo với nhau như vậy, hoặc nói khác hơn người dân gọi *đi coi Mực đồng*. Nói như vậy thì ai cũng hiểu. Cũng phải nói rằng xưa kia làng Phong Lệ rất rộng, theo các gia phả còn chép lại như bản *Đà Sơn, Đà Ly, nhị xã Phan tộc phổ chí* hoặc cũng bản phổ hệ tộc Phan tại làng Phong Nam (xã Hòa Châu hiện nay), làng Phong Lệ (cũ) đất rộng bắc giáp Hải Vân, Nam giáp Trà Kiệu, Tây giáp núi Chúa, Đông giáp biển, thế nhưng dân số cũng chỉ *đắc bách nhơn dư* cho mỗi làng, cũng có thể hình dung được rằng ngày trước dân cư thưa thớt, và không nhiều. Theo đó trong lễ hội Mực đồng làng Phong Lệ dân tứ phương tụ tập về xem có đông song không đến mức nghịt người như ngày nay.

Làng Phong Lệ đến kỳ lễ lệ có mời các làng lân cận về dự, một số tộc họ có quan hệ hôn nhân gia đình, hoặc tộc họ nào có mồ mả ông bà chôn cất tại đất Phong Lệ cũng tự nguyện về tham dự mà không phải mời. Theo đó số người dự hội đông dần lên. Không chỉ có thế mà các hộ gia đình làng Bình Thái (xã Hòa Thọ), làng Đông Phước (xã Hòa Nhơn, nay là phường Hòa Phát), Cẩm Lệ, Khuê Trung có ruộng đất nằm trên đất Phong Lệ đều mang lễ vật về đình Thần Nông cúng Thần. Bởi người nông dân muốn cầu nguyện cho ba năm tiếp theo làm ăn được mùa, ruộng lúa không bị sâu rầy phá hại để đến kỳ lễ lệ lại mang lễ vật dâng cúng Thần Nông. Do vậy mà đến những ngày rước Mực đồng dân tứ phương tập trung về Phong Lệ đông đúc

là vậy. Những người nông dân trong một vùng thường có mối quan hệ cố kết nhau trong cộng đồng làng xã và mang đặc trưng của công xã nông thôn, chính đó trong công xã thường có mối quan hệ nhau, tạo điều kiện để sáng tạo nên giá trị tinh thần chung trong cộng đồng công xã. Mặt khác, từ công xã nông thôn tỏa rộng ra các vùng, theo đó, người nông dân hễ ai làm nông bằng cơ bắp với phương thức sản xuất cổ truyền đều lấy việc thờ cúng Thần Nông làm trọng. Vì vậy mà người ta đi từ trưa để kịp đến chiều, tối, suốt đêm xem (tham gia) rước Thần Nông tại Cồn Thần. Đây là thành tố được cho là chủ yếu của lễ, bởi nếu Thần Nông không giáng thì xem như không có gì phải bàn thêm. Tình huống như vậy diễn ra ngoài dự kiến của mục đồng, đến lượt các vị chức sắc trong làng lo lắng và bắt đầu vào cuộc, xin thần hiển linh giáng về làng Phong Lệ, xin chùng nào được mới thôi. Người nông dân lại quay về với lực lượng chức sắc trong làng, cho rằng lực lượng này ăn ở không có đạo đức nên bị thần linh quở phạt chãng, để đến lượt họ phải cầu xin Thần Nông *giả hạ*, họ phải tự ứng xử, giao tiếp với Thần để người nông dân toại nguyện. Người tứ phương xem lễ đông vui cũng chỉ để được mãn nguyện khi Thần Nông giả hạ. Thế nên dân các làng Liêm Lạc (nay là phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ), Bình Thái (nay là khu dân cư phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ), Cẩm Lệ (nay địa danh chỉ tồn tại trong dân gian # quận Cẩm Lệ), Đông Phước (nay là khu dân cư phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ), Bồ Bản (nay là thôn Bồ Bản xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang), Yên Nê (nay thuộc xã Hòa Tiến, huyện

Hòa Vang), Trà Kiếm (nay thuộc xã Hòa Phước huyện Hòa Vang) lần lượt kẻ trước người sau tập trung về đình Thần Nông làng Phong Lệ, mang theo xôi, bánh các loại ăn đường...xem hội.

Trước ngày tiến hành lễ hội:

Châm cờ (phát giải)

Cờ Mực đồng màu đỏ, dài 6 – 8 mét ta (chùng 4 mét Tây), rộng theo khổ vải 0,8 mét, hoặc 1,2 mét, ngày trước khổ vải ta rộng từ 0,48 – 0,8 mét. Cán cờ làm bằng tre hoặc gỗ nhẹ. Giỏ mang cờ làm bằng ống tre lớn, già, có dây mang trên vai suốt trong thời gian dạo đồng để không phải mỗi tay nắm.

Trước lễ hội một ngày, Ban Tư lễ tập trung mười bảy cây cờ Mực đồng trước sân đình chắm chọn. Các vị Tư lễ phối hợp cùng Ban khánh tiết xem xét phân định giá trị từng cây cờ: cờ đứng kích thước, chiều cao; cờ có nhiều sáng tạo trong việc làm các mô hình dụng cụ nhà nông. Càng nhiều mô hình được xem là giá trị. Các cây cờ có con rồng uốn lượn, miệng ngậm đầu ngọn cờ cũng được xem là cây cờ đẹp, ý nghĩa, được xếp vào loại nhất, nhì. Trên sân đình Thần Nông, mười bảy chur phái tộc cử đại diện nắm cờ xếp thành một hàng trông rực rỡ, đẹp mắt thu hút khách thập phương mộ điệu về xem, bàn luận và ngưỡng mộ.

Năm 2007, trong lần phục dựng lại lễ hội Mọc đồng diễn ra tại làng Phong Nam (Phong Lệ cũ) ³⁷ có tất cả 12 cây cờ của mười bảy chư phái tộc được mang ra bình chọn. Ban chấm chọn gồm các vị: các Nhà nghiên cứu văn hóa các Nghệ nhân và mười bảy vị đại diện Mười bảy chư phái tộc làng Phong Lệ cùng tham gia. Kết quả do Ban Nghi lễ thẩm định xếp thứ tự như sau:

Xếp loại cờ Mọc Đồng (VVH)



Có 12 cây cờ Mọc đồng tham gia chấm chọn ³⁸

+ *Tứ Lê:*

1. **Lê Kim...**xếp loại B do có trang trí các dụng cụ nông nghiệp treo trên cán cờ nhưng xét thật chưa phong phú.

2. **Lê Đức...**xếp loại B do có các loại dụng cụ nông nghiệp treo trên cán cờ nhưng

³⁷ Xem: Hoàng Hương Việt, Võ Văn Hòe, *Lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ và những vấn đề liên quan*, bản đánh máy lưu tại Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

³⁸ Các cây cờ Mọc đồng xếp loại A trao tặng phẩm: 300.000 đồng; các cây cờ xếp loại B trao tặng phẩm 200.000 đồng; các cây cờ xếp loại C trao tặng phẩm 100.000 đồng.

xét thấy còn đơn giản và ít.

3. **Lê Cảnh**...không mang cờ đến tham gia chấm chọn

4. **Lê**...không mang cờ đến tham gia chấm chọn

+*Ngũ Ngô*:

5. **Ngô Văn (1)**...xếp loại A do chuẩn bị 2 cây cờ, trang trí đẹp, có ách cày, bừa, có hình con trâu, có các dụng cụ nông nghiệp, có mô hình chiếc gàu sòng đan bằng tre rất đẹp. Trên đầu cán cờ có móc một sừng trâu khô lớn cong vút như mai đình Thần Nông.

6. **Ngô Văn (2)**...xếp loại A do có các dụng cụ là mô hình nông nghiệp làm bằng chất liệu tre, trên cờ có vẽ tứ linh: long lân quy phụng. Trang trí công phu. Trên đầu cán cờ có chiếc sừng trâu khô.

7. **Ngô Văn (3)**...xếp loại B do có các dụng cụ là mô hình làm bằng giấy bìa cứng, nhiều màu sắc đẹp. Trên cán cờ là mũi giáo nhọn.

8. **Ngô Tấn**...xếp loại A do cán cờ đẹp, trang trí các loại dụng cụ nông nghiệp rất phong phú, gồm: cày, bừa, ách cày, con trâu, rỏ, rá, thúng, mủng mô hình thu nhỏ vừa nắm tay rất đẹp.

9. **Ngô Tất**... không mang cờ đến tham gia chấm chọn.

+ (*Tịnh*)

10. **Phùng**...xếp loại A do cây cờ đẹp, có trang trí các hoa lẵng tre, từng bó rất đẹp và ấn tượng, mô hình guồng

nước đập vào ruộng, các loại dụng cụ nông nghiệp: giồng, rỏ, đòn gành, đòn xóc, mỏ xáy.

11. **Ông...** xếp loại C do cờ trang trí đơn giản, gồm ách cày, cày, ngoài ra không có gì thêm.

12. **Nguyễn...** xếp loại C do trang trí trên cây cờ đơn giản.

13. **Võ...** xếp loại B do trang trí các loại dụng cụ nông nghiệp mô hình thu nhỏ bằng tre dọc theo cán cờ gồm các loại: cày, bừa, liềm hái, giăng, rỏ, thúng.

+ *Hữu*

Trần (nhị)

14. **Trần (1)**... không mang cờ đến tham gia

15. **Trần (2)**... xếp loại A do cây cờ đẹp, trang trí trên cờ là hình ảnh tứ linh, các loại dụng cụ nông nghiệp gồm: cày, trâu, cuốc, mủng, thúng. Trên đầu cây cờ cắm chiếc sừng trâu nhỏ nhắn trông rất đẹp mắt.

16. **Phan...** không mang cờ đến tham gia..

17. **Bùi...** không mang cờ đến tham gia.

Châm kiệu (phát giải)

Cờ kiệu được huy động về đình Thần Nông chắm chọn cùng một lúc. Nếu như cờ Mực đồng phải có các mô hình nghề nông treo dọc theo cán cờ, càng nhiều càng cho là đẹp và ý nghĩa thì kiệu rước Thần Nông phải được trang trí như một bàn hương án dùng trong lễ rước sắc, hoặc như bàn án thực trong lễ rước Thần. Theo đó, kiệu Thần Nông ngoài

kiệu của làng, các chư phái tộc phải làm cho đẹp. Trên nóc kiệu có lưỡng long châu nguyệt, lưỡng long tranh châu thì càng cho là công phu và ý nghĩa. Chất liệu để làm nên kiệu là bàn gỗ và tre, các loại lá cây dừa, cây ngâu, cây chè tàu - một loại cây lá nhỏ mọc rậm – dùng lạt ghém cột túm lại sao cho nên hình các con long, phụng là được. Hai bên kiệu treo các trái găng đu đưa. Kiệu cũng phải được chăm chọn và xếp loại.

Việc xếp các cây cờ Mộc đồng, kiệu Thần Nông vào thứ tự nhứt nhì cũng đồng thời xếp vào vị trí sẽ được sắp đặt trong lúc dạo đồng. Chư phái tộc nào có cờ chám đạt giải nhất thì được ưu tiên đi trước trong đám rước. Do vậy, các chư phái tộc làm cờ kiệu có yếu tố thi đua. Ban Tư Lễ, và Khánh tiết cẩn thận trong xếp loại sắp đặt trước sau cho minh bạch là cần thiết để thuyết phục người xem hội. Đông vui, nhộn nhịp là lúc chám cờ, kiệu và định vị trí dạo đồng. Tất cả hướng đến một mục đích như trong tâm tưởng đã hình thành là làm vừa lòng Thần Nông càng nhiều càng tốt. Được thần vừa ý là một điều may mắn.

Chám lồng đèn (phát giải)

Đến lồng đèn cũng được bình chọn đạt và chưa đạt yêu cầu. Phần lớn là chám các loại lồng đèn kéo quân và ngôi sao. Loại lồng đèn bánh ú do nhiều nên không chám chọn. Lồng đèn chủ yếu soi sáng về đêm nên chiếc nào sáng hơn được cho là đạt. Phần lớn chỉ bình xét loại lồng đèn kéo quân mà thôi, vì đây là loại khó làm, cần nhiều thời gian và vật liệu. Ngày trước tìm cho ra một tờ giấy gương màu để

dán lên lồng đèn thì thật là hiếm, chỉ các nho sĩ trong làng may ra làm được loại lồng đèn này, chứ thứ dân đành chịu. Hoặ̣c để có trang trí tại đình Thần Nông trong những đêm lễ hội, làng cắt cử Tư lễ, Khánh tiết vào tận Hội An mua lồng đèn do người Minh Hương sản xuất bán tại các cửa tiệm mang về.

Phần lễ hội

Năm 1985, trong đợt điền dã về quê hương của “Phong Lệ Mục đồng” đã từng tổ chức những đêm *Rước mục đồng* và *dạo đồng* lay động dân làng và dân tứ phương mộ điệu đến dự, xem lễ hội đông vui suốt ba ngày. Theo lời kể của cụ Ngô Tấn Nhã (nay cụ đã qua đời năm 2000) người làng Phong Lệ đã từng nhiều lần tham gia giữ vai trò Trưởng Ban Tư lễ của làng, giúp làng tổ chức các buổi hành lễ tế đình, miếu, âm linh,... Thần nông và các nghi lễ khác tại các di tích thờ phượng thần linh tại làng,³⁹ mới hay:

Theo cụ, mặc dầu sinh thời cụ không phải giới mục đồng, song lại biết rất rõ vì thời thanh niên cụ có chứng kiến nhiều lần giới mục đồng làng Phong Lệ tổ chức rước Mục đồng và qua cụ, ngày nay có thể hình dung ra được toàn cảnh một cuộc rước Mục đồng tại làng Phong Lệ xưa vui như hội là thế nào! Thêm, các cụ Ông Văn Hoá (91 tuổi), Ngô Tất Thanh (85 tuổi), Ông Văn Từ (85 tuổi), Ngô

³⁹ Theo truyền thuyết, Thần Nông là vị hoàng đế Trung Hoa, dạy dân làm ruộng, chế tác công cụ lao động gồm cày, bừa, cuốc, xuống, vò... Từ thời nhà Hán du nhập vào Việt Nam tục cúng Thần Nông. Tùy theo vùng, có nơi không làm miếu, có nơi dựng miếu để thờ. Làng Phong Lệ không làm miếu thờ Thần Nông mà thường cúng hoặ̣c rước Thần Nông tại Cồn Thần về đình Thần Nông, sau đó mới tổ chức dọn cỗ bàn cúng Thần.

Xám (75 tuổi), cụ Lê Kim Chúc (86 tuổi)... Trong số đó, cụ Lê Kim Chúc là một trong hai Trùm chỉ (còn gọi là Trùm phụ), đã từng giúp việc cho Trùm mục, cầm roi mót giữ trật tự trong đám rước năm 1936 (Bính Tý), cách đây 73 năm kể lại trình tự cuộc rước như sau:

Rước Thần Nông từ Cồn Thần về đình Thần Nông

Đề rước Thần nông về đình, vị Trùm mục xướng lên một tiếng bắt đầu: khởi... chinh... cồ! Ban chấp kích làng gióng lên ba hồi chiêng trống, âm thanh các loại nhạc khí chen lẫn nhau tạo nên không khí trầm hùng lay động dân làng. Tất cả các hộ gia đình không một hộ nào không thắp đèn lên. Tiếp một hồi chiêng và sau cùng là hồi trống. Tốp đi đầu tiên là cờ làng, cờ lễ hội hình vuông, màu sắc tượng trưng cho vũ trụ mô phỏng màu của cầu vồng (móng). Kế là hàng lỗ bộ được 8 mục đồng mặc áo lương đen chỉnh tề cầm giáo mác đưa cao lên như thể thị uy. Sau hai hàng lỗ bộ là kiệu Thần Nông của làng, theo sau là cờ Mục đồng đã được Ban Tư lễ, Khánh tiết sắp xếp thứ tự trước đó một ngày. Cờ đuôi nheo của làng, cờ Mục đồng phát phới trong gió đêm mùa hạ trông mờ mờ, nghiêm trang và long trọng đi trên đường công hương của làng dần ra Cồn Thần (tại xóm Đồng), nơi có tảng đá Thần được cho là nơi Thần Nông trú ngụ. Cách một đoạn xa lại thêm một kiệu Thần Nông của chi phái tộc nào đó được đèn gió và lồng đèn soi sáng mập mờ. Sương đêm làm mát lạnh đám rước, mọi người vẫn thấy khỏe ra và phấn khởi. Đêm vẫn chưa sáng. Tham gia lễ rước có hai hàng cờ lần lượt theo sau, mỗi hàng

không hạn định số cây, kèm theo cờ của làng, cờ các chư phái tộc. Các loại lồng đèn được giới mục đồng xách đi soi sáng, chen kẽ vào hàng ngũ cờ, kiệu. Đèn gió cũng được sắp xếp đi chen xen vào đội hình. Lồng đèn phần nhiều là loại hình bánh ú, ngôi sao màu trắng, vàng. Chọn 52 mục đồng mạnh khỏe, luân phiên cứ 2 người thay nhau cầm 17 cây cờ Mục đồng và cờ làng. Cờ làng, có cờ vuông, cờ đuôi nheo, màu sắc không thật sặc sỡ lắm nhưng cũng dễ nhận ra các màu đỏ, trắng, vàng, lục, lam, chàm, tím⁴⁰. Việc làm cờ, làm kiệu được phân chia cụ thể cho các chư phái tộc trong làng Phong Lệ như đã thống nhất trong phiên họp cách lễ hội hai tháng trước. Tộc, họ nào cũng phải góp nhân tài vật lực vào ngày hội của làng. Qua các công đoạn làm cờ, kiệu có phong trào thi đua tốt, xấu, vì thế tộc họ nào cũng cố gắng làm thật đẹp, sao cho nổi trội hơn hết để được chấm có giải. Ý nghĩa nhất vẫn là lời khen của các chư phái tộc, của tứ dân quan khách trong và ngoài làng là niềm vinh hạnh cho họ. Bởi tất cả đều thành tâm khấn nguyện Thần Nông, mong Thần giúp đỡ cho ngày mùa ăn nên làm ra, làng xóm không có ôn dịch, người dân no đủ, mạnh khỏe, không có người chết chóc mà nhất là không có kẻ chết bất đắc kỳ tử (các dân tộc miền núi cho là chết xấu). Lời khen là niềm tin sinh động cho một năm cày sâu cuốc bẫm trên thửa ruộng quê nhà.

⁴⁰ Phông theo màu của bảy sắc cầu vồng. Người xứ Quảng gọi là *Móng*. Tục ngữ: *Đóng móng Cu Đê chạy về dọn gác*.

Cờ Mực đồng màu đỏ có tua vàng, cán dài 4 mét Tây, đỉnh cán vạt thành lưỡi giáo nhọn hoặc chiếc sừng trâu đưa lên trên. Trang trí từ trên xuống dọc theo cán cờ gồm nhiều tầng: trái găng, hoa bằng tre vót thành tua nhỏ, nhuộm màu xanh đỏ. Bộ tứ linh long, lân, quy, phụng làm bằng vải hoặc bằng giấy màu rực rỡ, có móc những mảnh giấy bạc lấp lánh treo lên cán cờ. Một con rồng uốn thân ngậm vào đầu lá cờ. Người xem trông vào lá cờ đã thấy công phu, nhất là các công cụ, dụng cụ trong sản xuất và sinh hoạt như cày, bừa, cuốc, liềm, rựa, gàu, thúng, mủng, rỗ, rá... được làm bằng tre, gỗ thu nhỏ mắc lủng lẳng trên cán cờ... chứng tỏ có sự chuân bị công phu và khéo tay, có sự sáng tạo và dòn sức cả tháng rất chu đáo.

Về lồng đèn thường là lồng đèn bánh ú, ngôi sao có chức năng soi sáng về đêm và tạo cho cảnh trí đêm rước Thần Nông thêm đẹp, lộng lẫy. Thảng, có lồng đèn kéo quân. Lồng đèn kéo quân chỉ trang trí tại đình Thần Nông và những khúc cua, rẽ queo trên đường rước Thần Nông, được mua từ Hội An về. Trong làng ít hộ gia đình nào làm được loại lồng đèn này do vật liệu nhất là giấy các loại khó mua sắm.

Lộ trình rước Thần Nông, đi từ đình Thần Nông băng đồng theo hướng đông bắc sang xóm Đồng, những nơi khó đi được đắp gia cố thêm đường mới, sao cho thuận lợi khi rước Thần về đình. Giới mực đồng đi theo sau kiệu thần, chen xen trong hàng cờ. Cờ Mực đồng đi sau kiệu Thần nông, kèm trước và sau là hai hàng lồng đèn và hai hàng

giáo mác. Những mục đồng khiêng kiệu, cầm cờ, cầm giáo đầu đội nón cời hoặc để đầu trần, thắt một dải vải dải nhuộm màu chàm, hoặc màu hồng điều trông ra vẻ *trai cây thợ cấy* trắng niên lực điền. Lung các mục đồng đôi khi cũng để trần do không có áo mặc. Quần ngắn hoặc nửa dài nửa ngắn túm lại, phần nhiều có nhiều chỗ vá. Không anh mục đồng nào mặc áo lạnh lặn, nhiều nhất trên lưng, trên quần có từ 3 miếng vá trở lên ⁴¹.

Mục đồng cất cử 2 người phụ trách khiêng trống, 2 người phụ trách khiêng chiêng, một anh cầm cổ lệnh, một anh cầm khánh; 4 mục đồng khiêng kiệu Thần (và được thay đổi phiên).

Trùm mục (còn gọi là Trùm bành) ⁴² chỉ huy cuộc rước Thần, 2 Trùm chỉ (còn gọi là Trùm phụ) ⁴³ giúp việc, trông coi trật tự. Đám rước đi nhanh, đi chậm do hai vị Trùm chỉ này điều khiển. Các trùm loáng thoáng trong đám rước, miệng hô tay phát, chân bước lẹ làng. Trông dáng vẻ mục đồng và các vị trùm rất vui, oai vệ. (Nay còn cụ Lê Kim Chúc 86 tuổi đã từng tham gia làm Trùm chỉ đợt rước Thần nông trong Lễ hội Mục đồng năm 1936). Các chức sắc làng gồm: hàm cửu, chức hương, chức lý trong làng đều đi sau và trong lễ hội này chỉ phụ giúp cho giới mục đồng,

⁴¹ Thời trước giới mục đồng không có nữ. Nếu có cũng chỉ những em nữ giữ trâu, bò cho chính nhà mình khi anh chị đi vắng hoặc cha mẹ bận công việc nhà nông, còn đại đa số giới mục đồng Phong Lệ ngày trước là những trai cây đã mười tám, đôi mươi, có anh còn lớn hơn thế nữa. Nay về Phong Lệ tục này vẫn còn, có nhiều mục đồng 50, 60 tuổi hoặc hơn vẫn còn ngồi trên lưng trâu chăn dắt.

⁴² Lần phục dựng năm 2007 chọn vị Trùm Mục là Ngô Văn Tục 50 tuổi.

⁴³ Rất nhiều cụ ông, có cả cụ bà tự nguyện tham gia.

không phải lo gì cả. Hễ mục đồng có ý kiến hỏi han gì, các cụ mới góp vào mà thôi.

Đề rước Thần Nông về đình làng, đoàn rước khiêng kiệu, mang cờ từ đình Thần nông đi chậm, dần dần về Cồn Thần làm các thủ tục cầu khẩn theo cách cổ truyền. Giới mục đồng trải cạnh tảng Đá Thần một chiếc chiếu hoa Cẩm Nê (Hòa Tiến) còn mới thơm mùi lác. Vị Chánh tế niệm hương. Bảy giờ là giờ dần, trời hãy còn tối đen như mực. Trên chiếc chiếu là một con gà trống tơ luộc chín với bộ lòng, người ta khéo léo bắt chéo hai cánh vào nhau đỡ phần đầu con gà nhìn về phía trước, đặt trên một cái đĩa lớn. Lễ còn có trái cây, thường vẫn là chuối hương hoặc chuối mốc đã chín vàng ươm, kim ngân, thanh chúc, diêm mễ và thứ phẩm khác. Vị chủ tế xin Thần Nông giáng hạ, rước về đình an vị và tế lễ. Sau khi gieo âm tín bằng hai đồng tiền âm dương, một đồng sấp một đồng ngửa, tin chắc rằng tại Cồn Thần, Thần Nông đã giáng xuống và ngự tại kiệu Thần, (cũng có thể là kiệu Thần Nông của làng, cũng có thể giáng xuống một kiệu Thần nào đó của một trong mười bảy chư phái tộc làng Phong Lệ), đám Mục đồng do 4 trai cày trẻ, khoẻ khiêng kiệu rước Thần về đình làng. Trên đường đi, chiêng trống và nhạc cổ bát âm vang lên rộn rã suốt quãng đường làng. Không một kiệu nào của một trong mười bảy kiệu của chư phái được lơ đễnh, bởi biết đâu Thần Nông lại chẳng giáng xuống kiệu của một tộc họ nào đó. Thế nên kính cẩn vẫn hơn, khi đã cầu tất ứng.

Đoàn rước Thần Nông không quay về lối đi cũ mà tiến thẳng ra hướng bắc, đi dọc theo bờ ruộng khô đang trồng các loại hoa nài phụ như đậu phụng, mè, và khoai lang thổ. Tiếng chiêng trống và nhạc cổ bát âm lại được tấu lên. Trời vẫn chưa sáng. Trong bóng tối, lồng đèn, đèn gió được thắp sáng phập phùng soi đường cho đám rước. Đám rước băng lên một bờ ruộng lớn, đi dọc theo bờ tre, qua một cụm nhỏ dân cư chừng năm ba hộ rồi lại băng đồng thẳng hướng nam về lại đình Thần Nông tọa lạc tại vườn Lãng⁴⁴. Đến đình Thần Nông, vị chủ bái làm lễ an vị, các chư phái tộc thay phiên nhau vào hậu tâm đình dâng hương đánh lễ.

Đi đầu là một vị Trùm mục (còn gọi là Trùm bành), tay cầm phèng la (sênh) đánh hiệu lệnh hai tiếng kếp, một tiếng đơn lẻ. Thường, Trùm mục đánh một hồi dài và lại ba tiếng lẻ, rồi cứ thế ba tiếng lẻ đánh dồn dập, thúc bách. Giúp việc cho Trùm mục còn có Trùm chỉ, và Trùm phụ lo việc sắp xếp hàng ngũ, nhắc nhở đoàn người đi theo đội hình cho trước khi rước Mục đồng về đình Thần Nông. Theo sau kiệu là giới chẵn trâu, anh nào mặt mày lúc này cũng tươi vui tỏ mở. Đây là lực lượng được coi trọng nhất trong lễ hội. Không ai mở miệng rầy la giới chẵn trâu trong những ngày này. Giới chẵn trâu phát huy được tinh thần làm chủ của giới mình trong lễ hội.

Sau ba tiếng trống lệnh báo hiệu, Trùm mục đi đầu đồng dục xướng:

⁴⁴ Thời bấy giờ chưa có đường quốc lộ 1 A chạy ngang qua làng và chưa có ngôi ngôi trường Trung học cơ sở Hòa Châu án ngữ mặt tiền đình Thần Nông.

-Hô chúng Mục đồng Phong Lệ ta, rước vua Thần nông về đồng Phong Lệ ta⁴⁵.

Cả đoàn chẵn trâu và cả những người đi theo xem hội, các chư phái tộc rước kiệu Thần Nông đều đồng thanh hô đáp:

-Giả hạ!... Giả hạ!

Trùm mục lại hô tiếp:

-Xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận phong điều. Mừng reo một tiếng !

Cả đoàn người đi theo đám rước trên cánh đồng Phong Lệ đồng thanh hô theo:

-Giả hạ !... Giả hạ !

Trùm mục lại xướng tiếp:

-Tiếng của mừng reo !

Cả cánh đồng lại hô đế theo trầm hùng như một dàn hợp xướng, âm thanh dội lên liên tục một hồi lâu. Âm thanh... h...ạ...kéo dài vang xa, thúc giục.

-Giả hạ...ạ...ạ! Giả hạ...ạ...ạ!

Tiếng hô kéo dài lan tỏa trầm hùng, len vào tận các nhà dân, các làng lân cận. Đoàn rước vừa đi, hai hàng cờ nhào lộn trên cánh đồng khô quang đãng, cờ tung bay trong gió nhộn nhịp, thanh bình, nghiêng qua đảo lại, nhịp nhàng. Hai hàng giáo mác nghiêng bên này, đỡ bên kia cổ vũ mãi

⁴⁵ Về lời hô này, chúng tôi có gặp một bản khác hô như sau: "...Rước vua Thần nông về làng Phong Lệ ta..."

không thôi. Một quang cảnh thật náo động, ngoạn mục đang diễn ra trên cánh đồng làng Phong Lệ khi hướng đông, trời bắt đầu hừng lên một chút ánh hồng mờ mờ phía Ngũ Hành Sơn.

An vị tế lễ tại đình Thần Nông

Đoàn rước về đến sân đình đã bước sang giờ meo, trời chưa sáng hẳn, mặt đất còn lờ mờ, các ông hương, ông xã từ trong đình bước ra cung kính bên kiệu Thần Nông. Ngay tại sân đình cử hành lễ an vị. An vị xong là lễ vọng. Đang khi lễ vọng tiến hành thì vị Hội chủ tắm cho trâu bò hoặc heo làm vật hy sinh,⁴⁶ chuẩn bị giết để tế Thần cầu xin cho năm đến làng Phong Lệ được mùa, no đủ, vũ thuận phong điều. Trong lễ tế Thần, văn tế có đoạn viết: "*Khắc xương khuyết hậu, hữu khai tất tiên, thiết vi dân thiên minh triều vu dĩ tọa cả...Điền vô bách bá, hân hách cốc chi dụng thành, hỷ kim canh tác phàm manh.*".

Chuẩn bị lễ an vị, ba gian đình hương trầm nghi ngút được đốt lên. Mười hai lễ sinh tuổi sần sần nhau mặc áo thụng đen, đội mũ lễ trang trí những hoa văn bằng giấy bạc lấp lánh, thấp thoáng tới lui đặt các lễ phẩm. Tuy ai nấy đều đã thành thạo công việc nhưng theo thói quen, các vị có trách nhiệm trong lễ an vị vẫn phải để mắt đến tất cả, vẫn phải nhắc nhở ngay cả khi lễ an vị tiến hành. Hai lễ sinh dán bài văn tế lên khung gỗ, cẩn thận dán lên trên một tờ vàng mã, xong cung kính đặt lên bàn thờ chính điện.

⁴⁶ Nếu hạ hai con vật để tế thần, dân làng gọi là con *hy* con *sinh*, nếu chỉ hạ một con gọi chung là con *hy sinh*.

Mọi người im phăng phắc, bên ngoài sân đình vẫn còn vài ba tiếng rì rào rồi im lặng. Ba vị tế chủ đã thay bộ y phục lễ xong. Lễ cử hành bằng lời xướng bài thày. Đông, tây xướng to:

- Chấp sự giả các tư kỳ sự (mỗi người nhận việc phải tự lo việc của mình, không được làm ồn ào cho dù người bên cạnh có làm sai để giữ không khí trang nghiêm). Những người trong Ban chấp kích phụ trách chiêng trống, lần lượt bước vào chiếu, hai tay cầm dùi trống chấp trước ngực lễ ba xá trước chánh điện rồi lui về vị trí của mình. Lại hô tiếp:

- Quán tây sở (các chủ tế bồi tế rửa tay, rửa mặt nơi quy định có đặt một thau nước và khăn điều). Ba vị tế chủ khoan thai bước bước đến trước ba chiếc giá gỗ nhỏ đặt bên thềm hiên đình. Trên mỗi giá một chậu đầy nước. Họ trình trọng khoát nước lên vuốt tóc, rửa tay, rửa mặt, rút khăn trên giá lau khô. Họ trở lại vị trí của mình chờ lệnh. Lại hô:

- Khởi chinh cổ (trống, chiêng, lệnh giống lên ba hồi). Tiếng trống lệnh đồng dục giống lên một hồi làm lệnh, xong điểm lại ba tiếng, tới lượt chiêng giống lên, sau cùng là trống lớn vào cuộc. Trong lễ an vị Thần Nông thường chỉ một trống lệnh còn chiêng và trống lớn đôi khi Ban Tư lễ bố trí đến ba bộ, khiến cho khi đánh lên âm thanh xô đuổi nhau, rộn rã nhất là lúc trống đập dồn dùi, gần cuối hồi trống nghe rung chuyển cả mấy gian đình, những người dự lễ cũng rung rinh lồng ngực. Lại im lặng. Bộ phận Tư lễ lại xướng:

- Tế chủ trụ vị (các vị tế chủ vào vị trí). Lúc này mới thật sự là lễ vọng. Cự chánh tế (thường là cự có chức trong làng) đi giữa hai bồi tế, bước thẳng đến chiếu chánh điện giữa đình, hai bồi tế là Trùm chỉ và Trùm phụ chia nhau hai người đứng hai bên tả hữu đình. Tư lễ hô tiếp:

- Giai quỳ (tất cả tế chủ đều quỳ). Cả ba tế chủ đều phải quỳ trên chiếu. Tư lễ phát giọng:

- Lễ tứ bái (lễ bốn lạy). Các tế chủ lạy bốn lạy, Họ cùng phủ phục mấy giây, chờ cho viên Tư lễ xướng *Hưng* mới từ từ đứng lên. Cứ thế cho xong bốn lạy. Lần lạy thứ tư kéo dài hơn vì còn phải thêm nghi thức *phủ...phục...hưng...bình thân* các vị chánh bồi tế mồm mọp xuống, đứng lên, đứng yên. Cả ba vị vẫn đứng yên tại chỗ, hai tay cung ra trước trán. Lúc này một lễ sinh xướng thay cho Tư lễ:

- Điểm bộc chi nghi (nghi thức đốt pháo ngoài sân đình-nếu có). Mọi người xem hội dự buổi lễ vọng Thần Nông chờ hiệu lệnh thú vị này. Tiếng *nghi*... còn đang ngân dài thì ngoài sân, tiếng pháo lệnh nổ ùng kéo theo hàng tràng tiếng nổ long óc. Trẻ em bỏ chạy ra xa, không dám xông vào nhặt những trái pháo xẹt bởi hai bên giây pháo là hai anh mục đồng đóng vai Trùm cầm roi mót đứng dang chân giữ trật tự.

Tiếng pháo nổ, tiếng chiêng trống vang rền làm chìm tiếng lao xao của trẻ em. Pháo nổ đã xong. Một lễ sinh xướng lên:

- Đọc chúc tụng vị (người đọc văn tế đến vị trí). Người được chọn đọc bài văn tế đã chuẩn bị từ trước bước vào vị trí. Lại xướng:

- Giai quỳ (tất cả đều quỳ). Lại xướng:

- Chuyển chúc (chuyển bài văn tế từ bàn thờ chánh điện đến chỗ người đọc). Hai lễ sinh đi song song bước đến bàn thờ chánh điện, nhẹ tay nâng khung gỗ có dán bài văn tế, từ từ chuyển đến chiếu chủ tế giữa tiếng chiêng trống thúc giục trầm hùng. Hô tiếp:

- Đảo chúc (trở bài văn lại, khi mới chuyển đến chỉ nhìn thấy mặt trái bài văn). Hai lễ sinh quay bài văn tế, lật tờ vàng mã ra phía sau, người đọc chúc chăm chú vào hàng đầu bên tay phải, chờ lệnh. Lệnh xướng truyền:

- Đọc chúc văn! (đọc bài văn tế). Một lễ sinh cùng quỳ dùng cây đèn sáp soi lên hàng chữ đầu tiên. Đọc văn. Mỗi lần ngân dài ở chữ cuối câu, tiếng trống con khua lên mấy tiếng, hoặc rập một hồi dài (chiêng trống và lịnh không đánh lên lúc đọc chúc văn). Người bồi chúc quỳ một bên nhắc nhẹ mấy chữ tiếp theo. Việc làm này buộc phải thể mới đúng nghi lễ đọc chúc văn. Đôi khi không khí trang nghiêm làm cho lúng túng nên cần người nhắc trước, nhất là cái oai của chiêng trống làm họ rối trí, quên phức là mình phải dừng lại chỗ nào, ngân chỗ nào...cho đúng.

Bài văn đọc xong, các tế chủ lại thực hiện *tứ bái*. Bộ phận đọc văn vẫn còn quỳ tại chỗ, chờ đến khi đông, tây

xướng *hung... bình thân...* mới được phép đứng lên cùng các tế chủ. Lại xướng:

- Thiếu... thôi...(lui ra một lát). Sáu người làm lễ lui ra. Trước các chiếu lễ, các viên chức trong làng, các vị tộc trưởng, các cựu viên chức, các thân hào nhân sĩ, cứ ba người một lượt chờ nghe hiệu lệnh ba tiếng trống con là bước vào chiếu theo lệnh *bái... hung...* giữa tiếng điểm vang rền của ba cặp chiêng trống treo dọc theo hai bên sân đình. Cùng lúc, tiếng nhạc bát âm hòa lên như rung chuyển cả một vùng không gian của đình làng. Hai vị Trùm chỉ và Trùm phụ lúc này mới có dịp lơ lửng tay roi chút ít.

Tiếng trống lệnh gọi các chánh tế và bồi tế trở lại vị trí thực hiện lượt lễ tất kết thúc buổi lễ vọng, an vị Thần Nông tại đình làng. Trong tâm tưởng của người dân làng Phong Lệ từ giờ phút này trong đình gồm các vị tiền hiền, hậu hiền của mười bảy chư phái tộc đang đón ngài Thần Nông, vị vua thứ hai trong số Tam hoàng, được coi là ông tổ nông nghiệp và y học của loài người.

Lễ vật trên các bàn thờ được hạ xuống, bày lên các mâm tiệc. Số người dự gồm chức sắc trong làng, các tộc trưởng, các lễ sinh, số còn lại hầu hết là mục đồng làng. Đây là cuộc *hương lộc thánh thần* rất tượng trưng. Xong tiệc hầu hết đều phải ở lại để chuẩn bị tiến hành cuộc rước Thần Nông dạo đồng Phong Lệ. Cuộc dạo đồng được tiến hành suốt cả một ngày.

Trên các bàn thờ khói hương nghi ngút, đèn bạch lạp vẫn sáng, tỏa một vùng. Trên trời trăng vừa mới qua khỏi

đỉnh đầu, một hồi trống lệnh giục vang mọi người vào cuộc. Quanh giếng đình, quang cảnh nhộn nhịp hẳn lên với hàng trăm người kẻ chờ đợi, người tranh nhau gàu nước rửa qua quýt. Tại sân đình bộ phận chấp kích đảm nhiệm chiêng trống, cờ kiệu đã không thiếu một ai.

Quang cảnh nhộn nhịp ngay từ đầu. Bên trong chiêng trống rộn ràng. Bên ngoài, dưới ánh trăng sáng dịu, hàng trăm người lao xao qua lại, tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng các cỗ kiệu rước thần. Đó là mười bảy chiếc bàn lược được trang trí thật công phu và tốn kém do các chư phái tộc trong làng thực hiện. Trên mỗi cỗ kiệu có dựng một lá phướn ghi đầy đủ danh tánh các vị thần được rước. Chiếc kiệu của làng dành riêng đón rước Thần Nông, to hơn, đẹp hơn, có bốn người khiêng. Họ mặc áo nẹp, đầu đội nón gõ như lính nhà quan. Các kiệu đều trang trí nhưng không được hơn kiệu của làng, kiệu chư phái tộc nào trội hơn mà không có lý do chính đáng sẽ bị làng bắt vạ đòi một heo⁴⁷. Trong mỗi kiệu đều có đặt lư trầm và chân đèn cố định để gắn đèn sáp.

⁴⁷ Chung quanh các kiệu rước thần, cờ mục đồng có lắm điều bình phẩm, kẻ khen hết lời, kẻ chê cũng lắm, nhưng phải ghìm lời chờ đến sau lễ hội, nếu chê đúng vào *giờ linh*, tộc họ đó sẽ bị thiệt trong ba năm. Trong quá khứ tại Phong Lệ đã từng diễn ra một câu chuyện dài về tai họa khen chê này: một chàng trai *đẹp người đẹp nét* đã bị từ hôn thẳng tay vì đã *trù mạt* khiến cho cỗ kiệu của chư phái tộc nhà vợ sắp cưới bị mất giải. Chuyện khen chê trở nên trầm trọng khi người trong tộc vợ cứ nhắc đi nhắc lại như một lời xi vạ. Chỉ vì lời chê mà trong tộc vợ bao nhiêu người gặp xui xẻo, kẻ nuôi gà thì bị bắt trộm, trồng khoai thì bị móc trộm củ ngoài đồng, chăn trâu thì bị trâu húc, nói chung những gì xui xẻo đều quy vào do lời chê của anh đẹp người đẹp nét này mà ra cả thảy. Từ đó tộc họ bên vợ từ chối cuộc hôn nhân.

Tiếng chiêng trống và nhạc cổ bát âm cuốn hút dân làng tề tựu mỗi lúc một đông. Chung quanh mỗi kiệu rước nhiều người nhìn ngắm và bình phẩm khách quan có mà chủ quan cũng không ít. Các nhân vật chủ yếu của cuộc rước là các ông Trùm mục, Trùm chỉ và Trùm phụ sắm soi từng sợi lạt tre, từng cây đòn khiêng, từng mục đồng khiêng kiệu, vì một nạt lạt sờ ra không phải lúc, một mục đồng khiêng thay không cân xứng về chiều cao cũng đủ làm cho cuộc dạo đồng trở nên “nực cười” trước đông đảo nhân dân và làng bộ lân cận.

Trước đình Thần Nông có cả trăm mục đồng mặc áo chèn có, áo giữ bò thường ngày có, quần túm có, quần cụt thả lỏng, ống cao ống thấp có...Lung được thắt một dải vải điều, hoặc thắt nguyên một tàu chuỗi đã khô quanh hông. Mục đồng giữ vai đầu mục có thắt trên đầu một tua vải đỏ chéo đầu rìu để làm dấu hiệu cho mọi người biết. Sắp vào giờ tý, đoàn dạo đồng sắp sửa lên đường, các nhân vật chủ chốt bước vào chính điện đình Thần Nông lạy bốn lạy, tiếp theo là cả trăm mục đồng đều vào chính điện lạy Thần. Từng đợt có năm ba mục đồng vào cùng lượt, người cao, người thấp lính quýnh, lụp chụp, lại hấp tấp đụng nhau, chiếc roi mót cặp nách mỗi mục đồng xá ba xá rồi lui ra xem như xong công việc với Thần. Có mục đồng lớn tuổi lạy bốn lạy tử tế, đuôi roi ngúc ngoắc sau lưng, có chú làm cho xong việc, cọ quẹt lưng tung, dẫu có cố gắng làm cho thật trang nghiêm trước Thần nhưng không khỏi bật lên những tiếng cười khúc khích.. Riêng cái việc đứng hàng

Đạo đồng (VVH)

Làng xóm lác đác có vài hộ gia đình thức giấc thắp đèn lên nghinh tiếp không khí lễ hội Mục đồng. Đám ếch nhái đang ra rả hót, chợt im lặng hẳn đi. Vài đứa trẻ thậm thò thậm thụt sau cổng nhà trước khi ngọn roi mót phạt ngang vụt qua trước mặt nghe vùn vụt. Đoàn người cứ thế lên đường, tiếng cười nói huyền thuyên lẫn trong tiếng chiêng trống, tiếng nhạc bát âm rộn rịp. Đoàn đạo đồng kễ lên cánh đồng làng Phong Lệ một vệt dài lấp lánh đèn đuốc bập bùng, những mảnh giấy bạc trên các kiệu thần, trên các ngọn cờ mục đồng gió xoay tròn làm lấp lánh ánh sáng, thu gom cả mấy trăm đôi mắt vào đó. Bóng những con lân, con phượng, con rồng, con hổ lóng lánh theo bước chân các mục đồng khiêng, tạo nên đêm rước đầu tiên khá ăn ý. Đám rước Thần Nông đạo đồng dần đến Cồn Thần. Giữa cánh đồng nhô lên một vùng đất cao, chính giữa cồn là một phiến đá màu trắng ngà được gió mưa bao đời chuốt cho trơn láng. Đây là nơi Thần Nông hạ giáng để ban cho dân làng Phong Lệ những mùa lúa bội thu, những mùa hoa màu nặng oằn vai, ban cho mục súc thịnh vượng. Vì thế, tất cả dân trong làng tự giác rước thần bằng tất cả lòng thành tâm tín ngưỡng.

Bốn chú mục đồng được xác định là đồng nam mới được cho phép kê vai vào khiêng kiệu thần của làng. Đi bên kiệu là các cây đuốc được thắp đỏ bập bùng. Cả nghìn người đi theo đoàn rước đạo đồng. Trùm mục, chờ đợi đoàn rước ra khỏi làng, sau hồi trống lệnh hít một hơi dài, cất giọng:

- *Hô! Ch...úng... mục đồng Phong Lệ... t...a...a...!*

Một tiếng *dạ* vang rền cả đất trời.

- *Rước vua Th...ần... Nô...ng... về làng Phong Lệ... t...a...a...Xin cho tốt lúa, tốt... gi...eo..., vũ thuận phong đi...ều... đồng reo một tiếng!*

Một tiếng reo *Gi...á... hạ...ạ...ạ...!* rền vang trời đất.

Hàng nghìn người chờ đợi giây phút này đã ngót nửa đêm rồi. Có nhiều người lo lắng cho Thần không hạ giáng về làng, đồng điền sẽ khô hạn, nứt nẻ lợt gãy chân trâu, giếng ao sẽ biến thành những chiếc hồ sệt bùn, xe đạp nước sẽ nằm chỏng chơ một cách vô duyên không thể nào nhìn được, chỉ chờ ngày mục ải. Trâu bò, heo gà chết hàng loạt. Nhân lực trong làng nối nhau đau ốm đủ thứ bệnh: dịch tả, đậu mùa, thương hàn, kiết lỵ...Mất mùa, người dân gầy guộc, thất thểu ra đồng bòn mót củ, rau...như vậy đến ba năm. Trong quá khứ đã từng xảy ra cảnh ấy rồi, cho dù các vị chức sắc trong làng có cầu đảo cả tuần tại Thái miếu, dinh Cao Các, miếu Âm linh, tình trạng đói kém vẫn không thuyên giảm. Nói chung người dân sẽ tưởng tượng đến bao nhiêu thứ họa xô đến nếu lễ rước lần này Thần Nông không giáng xuống giúp làng, giúp dân. Nỗi lo âu này càng lớn thì tiếng *dạ* của họ càng to. Đoàn rước vừa đi vừa hô:

- *Xin cho tốt lúa tốt gieo, vũ thuận phong điều, đồng reo một tiếng!*

Tức thì khắp cánh đồng vang lên:

- *Giá... hạ...ạ...ạ...!*

Họ reo đi reo lại tiếng đó mỗi lúc một to hơn. Đạo đồng một đoạn lại hô. Những chú mục đồng vừa cầm cờ vừa chạy lúp xúp quanh kiệu thần như đèn cù. Các kiệu của chư phái cũng được đốt hương trầm nghi ngút. Tiếng hô đằng trước chưa dứt, lại tiếng hô đằng đuôi, rồi đoạn giữa... tạo cho rước đạo đồng thường xuyên có tiếng hô vang vọng vào trời đất thấu đến thần linh. Đây là lúc người dân Phong Lệ giao hòa cùng trời đất xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận phong điều, được mùa tăng vụ. Không đạo đồng và kiệu thần nào mà không đi vào đám ruộng, thổ, bãi bồi của họ thì tai họa giáng xuống gia đình họ – những người nông dân lam lũ một nắng hai sương trên cánh đồng làng – sẽ khôn khó biết bao. Vì thế mà đôi chân họ có mỏi, tiếng reo của họ vẫn giòn tỏa ra đến tận làng xóm ven đồng. Tiếng chó trong làng sủa rộ. Nhà nhà đều thổi lửa lên đèn. Bữa sáng của dân làng được chuẩn bị bằng khoai sắn giản tiện để chuẩn bị gia nhập đoàn rước Thần đạo đồng cho kịp. Không một người dân làng Phong Lệ nào lại khurót từ một cơ hội như vậy. Đây là dịp duy nhất để thần chiếu cố đến họ. Cuộc đạo đồng sẽ thật đông vui vì đến bình minh ngày hôm sau nữ giới mới được nhập cuộc. Họ sẽ đóng góp vào cuộc đạo bằng những tiếng reo trong trẻo, lại còn động viên giới mục đồng và cánh đàn ông trong làng hăng hái thêm lên. Từ khi có nữ giới nhập cuộc, đám rước đạo đồng đã đông thêm, lại như sinh động hẳn lên, chất lượng cuộc rước đạo đồng được nâng lên đáng kể.

Sau mỗi đợt hô, chiêng trống lại nổi lên ba hồi chín tiếng, rồi đến phường bát âm nổi theo để lấp trống khoảng thời gian chờ đợi đợt hô kế tiếp.

Số lượng đèn gió, đuốc, lồng đèn dự phòng đã sử dụng đến đợt cuối cùng thì phía đằng đông, sau cụm Ngũ Hành Sơn, trời đã bắt đầu hừng lên ánh hồng, chuyển dần sang đỏ. Đoàn rước chình đón đội hình đưa Thần về đình an nghỉ.

Vị Trùm mục đi đầu trong tư thế giật lùi. Chốc chốc lại đánh lên mấy tiếng thanh la. Hai hàng cờ vuông đi châu hai bên kiệu thần của làng ngay ngắn. Mỗi lá cờ là một công trình nghệ thuật, có lá nặng đến chục kg, bởi rất nhiều những dụng cụ trang trí cách điệu sản phẩm và dụng cụ nông nghiệp. Chúng được làm bằng chất liệu gỗ, đất nung, có dụng cụ làm bằng chì. Nào là sĩ, nông, công, cố, nào là ngư, tiều, canh, mục, nào là long, ly, quy, phụng... Cũng có lá cờ một mặt là long, ly, quy, phụng, mặt kia là cảnh Đào viên kết nghĩa, Tam anh chiến Lã Bố, Trúc lâm thất hiền, Bát tiên quá hải...Giống như kiệu Thần, cờ có mục đích tín ngưỡng hơn là mục đích kinh tế.

Chiêng trống đi sau cờ, kiệu làng, xen vào trong đoàn rước là số cờ lễ hình tam giác viền đuôi nheo, đủ màu sắc ngũ hành. Ngọn cán cờ sơn kim nhũ lấp lánh. Đoàn rước dạo đồng đi đến đâu, trẻ em dạt ra đến đó. Những ngọn roi véo véo xé không khí, sự thật cũng chỉ để thị uy, đám trẻ em tha hồ cười reo, la hò chứ khỏi phải kêu khóc.

Đoàn rước dạo đồng đã mấy giờ đồng hồ, từ hồi giờ tỵ, bây giờ mặt trời lên được con sào. Tiếng thanh la đổ một hồi dài, đoàn dạo đồng dừng lại. Các mục đồng cầm cờ mục đồng chống cán nghỉ, các vai trò khác vẫn giữ nguyên tư thế di chuyển, vai vẫn khiêng, tay vẫn cầm. Một mục đồng đóng vai Trùm chỉ hô lớn:

- *Hô! Chúng mục đồng Phong Lệ ta*

Đoàn người lại reo: *Giá... hạ...ạ...ạ !*

Cờ mục đồng được phóng lên thụt xuống ba lần như vậy cùng với tiếng reo giá hạ, lại tiếp tục đi trên các thửa ruộng đã khô rang, kiệt nước, trơ lên những gốc rạ úa vàng. Đám trẻ em chạy theo đám rước cũng cất tiếng hô theo làm cho tiếng hô càng lớn. Có đoạn đám rước diễu hành đúng ba vòng theo hình tròn ốc rồi lại tiếp tục dạo đồng. Không một thửa ruộng nào của làng mà không được đám rước đi qua. Đám rước đi qua dấu vết còn để lại, không một gốc rạ nào đám rước lội qua mà có thể còn đứng vững được. Tất cả nằm rạp xuống như qua một trận càn. Đất bị dậm kỹ đến khô khốc, có chỗ những cục bùn bẻ ra thành bột mịn phơi dưới ánh nắng đầu ngày trong tiết tháng Tư. Vậy là thần đã dạo qua, ơn trên đã chiếu cố xuống đám mục đồng, xuống những người nông dân một nắng hai sương, cày sâu cuốc bẫm.

Đám rước đã bước sang giờ Thìn. Lưng áo mọi người đã bắt đầu rịn ướt dưới cơn nắng tháng Tư. Ánh nắng làm cho màu sắc đám rước tăng thêm phần lộng lẫy. Gió nửa buổi vờn quanh những cây cờ mục đồng đẹp mắt, đủ màu

sắc. Những chiếc lục lạc cột quanh cây cờ gió thổi vào buông ra tiếng kêu vui. Những dụng cụ nhà nông va chạm nhau lanh canh trên cán cờ mục đồng. Trong đoàn rước nắng làm ửng hồng đôi má các cô gái dậy thì, màu hoa lý hai múi thắt lưng bằng lụa Mã Châu, Thi Lai mềm mại. Lại còn màu cánh trả, màu hoàng yến, màu hồng hoàng, màu huyết dụ của hàng trăm tà áo lụa tha thướt từ Hội An, Vĩnh Điện đổ ra, từ Đà Nẵng đổ về. Đám mục đồng lo trật tự lắm lúc cũng sững sờ lúng túng⁴⁸.

Đi kèm đám rước luôn có đội chinh cổ nhạc và phường bát âm hòa lên vang động khắp đồng, len vào tận lũy tre làng náo nức. Tất cả âm thanh trong lễ hội làm nức lòng già trẻ, gái trai không chỉ làng Phong Lệ, mà còn lan tỏa, kích thích những làng bộ chung quanh từ dưới lên như Lỗ Giáng, Liêm Lạc, (Hoà Xuân); trong ra như Trà Kiếm (Hoà Phước), các làng thuộc xã Điện Phương (Điện Bàn); ngoài

⁴⁸ Cuộc rước Thần Nông đạo đồng năm Bảo Đại thứ VI xảy ra vụ Bà Bó Đức Ký. Giai thoại kể rằng khi kiệu Thần rước đạo về sắp đến đình Thần Nông để nghỉ thì một mục đồng trực ở đình hấp tấp chạy ra rí tai với ông Xã trong làng. Ông Xã và mục đồng tái mặt. Tiếng nhạc hồ hởi, vui vẻ mà sao nghe như tiếng kèn đám ma. Nguyên cách làng Phong Lệ chừng mười cây số, có làng Đức Ký, tại đây có một người thi đỗ cử nhân, làm quan đến chức Bô Chánh tỉnh Quảng Nam, nhưng dân chúng ở xa ít ai biết công lao làm rạng rỡ làng xã của quan Bô. Trong dân chúng chưa hề có ai gọi “quan Bô Đức Ký” mà người ta rất thường hay gọi tên Bà Bó Đức Ký vì bà ta nổi danh cho vay lấy lãi. Chỉ Bà Bó mới đủ sức xuất những món tiền lớn cho vay, ông Xã làng Phong Lệ phải thế chấp cả triệu đồng mới được bà đáp ứng khoản tiền còn thiếu để hoàn tất chi phí cho lễ hội này. Tiền thuế cả tỉnh chưa đáo hạn nộp cho Tòa sứ đương nhiên trở thành món cho vay nóng của bà. Ngoài thế mạnh về vốn như thế, bà còn có thế mạnh tuyệt đối về sức đòi nợ, lính lệ mà đi đòi nợ thì còn ngon lành hơn cả lính sen đầm của Tây. Bọn này vừa được chủ nợ thù lao tốt, vừa được con nợ cung phụng hết mình. Ngay cả một vài quan lớn cũng nể nang Bà Bó Đức Ký vì dính líu vào những khoản chia chát và cũng vì bản thân các quan cũng muốn *giật tạt* những món đột xuất riêng tư không thể thông qua “bà lớn nhà” được.

vào có Cẩm Lệ, Bình Thái (Hoà Thọ), Quá Quê (Khuê Trung), Đông Phước, Nghi An (Hoà Phát); trên xuống có Cẩm Hoà, Cẩm Bình, Cẩm Toại (Hoà Phong), Phước Thuận (Hoà Nhơn), Khương Mỹ (Hoà Khương), Yên Nê, Lệ Trạch (Hoà Tiến)... cũng bốn ba kẹp nón đi từ sớm về Phong Lệ dự xem lễ rước Thần nông. Lễ rước dạo đi khắp nơi, không chỉ trên cánh đồng làng mà còn cả trên khắp các đường làng, đường cái quan của làng Phong Lệ.

Đoàn rước đi đến đâu, lời hô vang lên đến đó, người này hô chưa dứt thì người khác đã nối theo. Đoàn cờ Mực đồng lại chạy lượn vòng tới lui, quanh đi lộn lại trước Cờ Thần và trên khắp cánh đồng Phong Lệ. Tiếng phách gõ nhịp lại vang lên, đám rước diễu hành đến đâu, đám đông người tham dự và xem lễ kính cẩn giạt ra đến đây. Trên cánh đồng trơ trụi vừa thu hoạch vụ mùa còn bao phủ hơi lạnh sương đêm, thế mà làn sóng người đổ ra bốn phía mỗi lúc một đông. Trời hừng sáng, mấy bó đuốc vác theo dự trữ cũng đã tàn gần hết. Các Trùm chỉ, Trùm phụ không ngại vất vả chạy đi, chạy lại ổn định trật tự, các em nhỏ xem hội chen lấn, xô đẩy nhau dang ra bằng những ngọn roi đe dọa vun vút, trót trót. Tiếng trống, tiếng chiêng cùng với âm nhạc dìu dặt, chốc chốc lại rộ lên những lời hát đồng dao “hả hê” như làm tăng thêm sự sôi cuốn mời mọc nhưng cũng gợi lên nỗi lòng của giới Mực đồng:

-Người ơi đừng đánh tôi đau

Để tôi tát nước, giữ trâu người nhờ...

-Em ơi! Hãy nín đi em

*Kéo bị đánh nửa thôi thì em đau
-Em đau, chị cũng buồn rầu
Bé mồm, bé miệng, kêu đau bây giờ!
-Em tôi buồn ngủ, buồn nghe
Buồn ăn cơm nếp, cháo kê, thị gà.
-Cu Tí là con nhà ai?
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều..v.v...*

Lễ rước Mọc đồng năm 1936 (Bính Tý) đông đúc, vui nhộn đến tàu lửa cũng ngưng nhả khói, dừng lại để xem, đồng thời nhường đường cho đám rước đi ngang qua đường sắt (cầu Đỏ), thể hiện sự tôn trọng đối với đám rước của lễ hội Mọc đồng. Có lần vợ viên Bộ chánh tỉnh Quảng Nam ngồi võng cho người khiêng đi ngang qua cánh đồng đang giờ rước lễ, trẻ em chặn trâu ra lệnh xuống võng, bà này không y lệnh, liền bị Trùm phụ, Trùm chỉ quát bừa, trẻ Mọc đồng vây lấy võng, y thị phải bỏ võng tháo chạy.

Đoàn rước diễu hành qua cánh đồng, theo đường làng tiến về đình Thần nông. Bấy giờ mặt trời đã lên cao quá nửa ngọn tre, chỉ còn một đoạn công hương nữa là về đến đình đúng giờ Tý (chừng 10 – 11 giờ). Khi đám rước vào cổng đình, trong sân chật cứng người ta đang chờ đợi. Hầu hết là những người đội lễ vật đến cúng, nên ai nấy đều khăn áo chỉnh tề, trên đầu đội một mâm xôi và một con gà luộc chín. Nhóm mục đồng cảm nhận rất vui nhộn, hả hê khi thấy bà con cả làng kể cả những ông bà chủ hộ trâu bò, ai nấy đều tôn trọng ngày lễ đặc biệt của giới chăn trâu này. Thực sự như vậy, lễ rước trên đường đi nếu gặp viên quan

chức sắc nào chẳng nữa cũng phải tránh ra một bên để cho đám rước đi qua chứ không thể cậy mình quan to, chức lớn mà nghênh ngang hống hách được. “Phép vua thua lệ làng” là như thế đó. Nếu chẳng may gặp phải những vị quan hay vợ quan tỏ điều cho mình “Phụ mẫu chi dân” lên tiếng nạt nộ, thị uy xúc phạm thì giới mục đồng lại thể hiện “Nộ khí xung thiên”, dù biết rằng sẽ phải rước hoạ vào thân. Cho nên ai được cử đến làm quan vùng này thấy đều phải biết tôn trọng cuộc lễ của đám người nghèo mạt, quanh năm cơ cực, phải 3 năm mới có được ân huệ một ngày.

Chạy cờ mục đồng

Đoàn rước Thần Nông về đến đình làng, sắc phục của trăm mục đồng không lộng lẫy, rực rỡ, có anh không đẹp vì không lành lặn nhưng vì thường ngày họ ăn mặc sơ sài, rách rưới đến lúc này y phục của nhiều mục đồng, họ mặc đồng bộ nên trông anh nào anh nấy như lạ lẫm. Chiếc kiệu lớn của làng được đưa vào chính điện, các kiệu còn lại của các chư phái tộc nối tiếp nhau thành một hàng kéo dài đến tận phía ngoài bức bình phong. Bên trong đình lại một đợt cúng thần như lễ vọng, chỉ khác là lễ vật lúc này nhiều hơn, phong phú chủng loại hơn và trang pháo ngoài sân cũng gây nhiều rộn ràng hơn. Lễ tất.



Ảnh Internet

Liên sau đó là cuộc *chạy cò mục đồng*. Đây được xem là tiết mục không thể thiếu trong lễ hội Mục đồng bởi sự hấp dẫn, lôi cuốn của chạy cò trong phần *hội Mục đồng*. Từ lúc đoàn Mục đồng về đến đình thì phía sau số mục đồng trực các trụ cò lần lượt triệt cò theo. Khi đoàn rước về đến đình thì hàng trăm ngọn cò đã tập kết chính tề chỗ bụi tre đầu làng. Những tay cò yếu đuối được thay ngay bằng những mục đồng khỏe mạnh. Cuộc chạy cò đã sẵn sàng.

Khách xem lễ hội trông chờ reo lên thích thú. Một mục đồng sành sỏi cuộc chạy cò vừa khỏe, vừa vui nhộn nhất trong đám Mục đồng được lựa chọn làm người đầu đàn cho cuộc chạy cò. Khuôn mặt anh mục đồng râm nắng trông

bành bạnh được tô điểm thêm bằng chiếc khăn đầu riu trông rất ưa nhìn. Anh mục đồng còn mặc chiếc áo nẹp đỏ, cùng chiếc quần màu cháo lòng cột ống ngang đầu gối, lưng anh thắt một dây thao màu đen. Mục đồng hóa trang có cài thêm bộ râu bằng râu bắp loăn xoăn khá lạ mắt. Quân lính (là các anh mục đồng) của anh ta toàn đầu trần chân đất, áo quần không đồng bộ anh rách, anh lành chỉ có cái dây lưng bốn múi là giống nhau. Tất cả chen xen nhau trông lạ mắt người tứ phương xem hội chạy cờ.

Chiêng trống được đưa tất cả ra hiên đình. Đoàn chạy cờ đang kéo đi từ bụi tre về đình theo hàng dọc chờ lệnh xuất phát. Họ còn cách cổng đình chừng vài chục thước. Sau ba hồi trống hiệu, anh Mục đồng cho đoàn dừng lại làm một đợt: *Hô! Chúng mục đồng Phong Lệ ta...* Tiếng reo: *Giá... hạ!...* Liên theo đó người xem reo vang lên *giá... hạ...!* thật lớn và sôi nổi. Trong không khí đó, chiêng trống chuyển sang đánh hồi một rộn rã. Cuộc chạy cờ sôi nổi ngay từ đầu. Anh mục đồng hét to lên một tiếng và chạy dần lên. Tất cả các mục đồng làm theo đúng hệt. Luật chạy cờ chỉ có vậy. Ai bất chước chậm luật thì lập tức bị thay ra nghỉ. Với họ, một sự đánh giá công khai như thế là điều không thể chịu nổi, nên cuộc chạy cờ là một việc làm biểu hiện sức khỏe và tinh thần hăng hái nhất của các mục đồng. Anh mục đồng dẫn đầu đoàn chạy cờ phải tạo ra những ngón thật ngộ nghĩnh, thật lạ, vừa mới sáng tạo ra. Cách chạy cờ của mục đồng phải khớp với tay đánh trống,

mục đồng đôi thế chạy ra sao, trông phải chuyển cho kịp lúc.

Đoàn Mục đồng chạy rẽ hàng đôi xông xộc về hướng đình. Gần đến cổng, người xem hò hét rộ lên từng đợt, từng đợt, giạt ra nhường lối cho họ vào sân đình thì bỗng nhiên tiếng trống đôi nhịp, họ hú lên một tiếng chói tai, quặt gấp lại, xoáy thành hai vòng tròn xoắn ốc rục rờ cờ mục đồng trên mấy đám ruộng khô trước cổng đình. Mỗi khi anh mục đồng nhảy dựng lên, tức thì cả đoàn phải chuẩn bị chuyển trò mới. Họ vừa chạy, vừa hú lên khi bỗng, khi trầm những hư từ “hi”, “ha”, “hu”, “hô”... và liền sau lập tức được đoàn mục đồng chạy cờ reo to hơn lên nữa, những người ngoài cuộc cũng tham gia hô lớn hơn thêm tạo thành một âm thanh vang động một góc làng. Sôi nổi!

Anh mục đồng dẫn đầu chọt đôi tư thế, chạy lúp xúp thành nhảy lò cò một kiểu lạ mắt, chân co lên không phải quặt về phía sau mà rẩy rẩy sang một bên. Trẻ em cười ré lên, các mục đồng làm theo cách nhảy này, từng đợt nối đuôi chạy theo, trông như nhảy châu vãn trong điệu hầu đồng. Các vị Trùm chỉ, Trùm phụ giơ roi mót ra uy hiếp những trẻ em làm mất trật tự cuộc chạy cờ.

Đoàn chạy vào đến sân đình, tiếng trống chiêng chuyển thành tiếng trống ngũ liên thôi thúc. Mục đồng đầu đàn dẫn cả đoàn chạy theo hình chữ chi trên sân đình, đôi lúc bỗng dựng nhảy dựng lên, lại phóng ngọn cờ lên cao thêm nữa, rồi chính sự bắt chước làm theo của đoàn mục đồng chậm chạp làm cho cuộc chạy cờ thêm phần hấp dẫn,

độc đáo. Đoàn chạy cờ như một con rồng to lớn cuộn mình trườn lên một cách hùng hổ.

Đoàn chạy cờ diễn lắm trò, mà trò nào cũng khiến khách tứ phương phải theo dõi xem mãi mê, không chán. Thấm mệt. Nhịp trống trở lại khoan thai. Họ đi từ từ, chỉnh đốn đội hình hàng tư, trình diện trước đình Thần Nông. Lại một đợt hô vang: *Hô! Chúng mục đồng Phong Lệ ta. Xin cho tốt lúa tốt geo, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng... Giá...hạ...!*

Cuộc chạy cờ kết thúc.

Sau mỗi đêm rước Thần nông, cờ được đem về cắm hai hàng ở đình Thần nông. Đèn đuốc được thắp sáng suốt đêm. Đội giáo tuồng khăn trương chuẩn bị cho công việc diễn hát trong những ngày sắp tới. Bên ngoài khuôn viên đình Thần nông người đông tấp nập, hàng quán được dựng lên bán nhiều món ăn nhà quê, dân dã. Các trò chơi giải trí hoặc lấy hên xui qua các loại bài: tào cáo, xóc đĩa... đây đó diễn ra .

Ba ngày rước Thần nông người đông như hội, có người từ trên nguồn xuống, từ trong ra, biển lên, ngoài vào tụ lại tại làng Phong Lệ để coi rước lễ.

Sau lễ tất, phẩm vật được bày biện trên ba hàng chiếu hoa từ trong ra đến hiên đình. Hàng chiếu hoa gian chính điện gồm các thành phần viên chức, ngũ hương, các bậc bô lão, những người cao niên trong làng ngồi dự. Hai gian tả

hữu dành riêng cho trẻ mục đồng hưởng “lộc huệ” của thần, được quyền “ăn nói, vui cười” mà trong đời họ bất quá cũng chỉ được một vài lần tham dự lễ với tư cách là mục đồng đã là nhiều lắm rồi. Trong vui chơi ăn uống, mục đồng trao đổi, tuyển chọn những mục đồng lớn tuổi, cầm cờ khoẻ, múa hay, biết võ nghệ, biết hò khoan đối đáp đôi câu đề đến chiều tan tiệc, sang Hoá Động (Hoá Giáng, Giáng Động, Giáng Đông) cạnh làng Phong Lệ để tham gia “đấu vật” truyền thống Giáng đông đấu vật được tổ chức cùng một dịp với Lễ hội Mục đồng. Chính vì lẽ đó, đến Phong Lệ ta gặp câu nói cửa miệng quen thuộc gắn liền hai lễ hội cùng một thời điểm là “*Phong Lệ Mục đồng/ Giáng Đông đấu vật*” là vậy. Sau mấy hiệp đấu vật, trời chiều đậm trên lũy tre làng, họ lại nuối tiếc chia tay nhau trở về với những tháng ngày cũ, trở về với thân phận chăn trâu, có người vừa chăn trâu, vừa là đầy tớ ở đợ làm thuê giúp việc cho nhà chủ. Tại nhà chủ, tiếng cười chua chát lại có dịp cất lên. Hãy nghe:

*Ve ve bắt về đầy tớ
Tôi ở với cậu mợ một năm
Cậu mắng, mợ chửi, tôi đã nhịn thua
Nói ra chỗ dại, nói lại ra chỗ cơ cầu
Công thường lờng gạo
Com nấu một bữa nửa niêu
Tôi ở với cậu mợ không phải ở năm ở đời
Cậu mợ sợ tiếng đồn thay
Cho tôi ở mượn cầm cày đầu năm*

Chưa chi, cậu mợ ã rã tiếng tã
Trâu leo bờ ruộng, cậu ngãm ãnh ãn
Về nhà mợ hỏi cãn ão
Trâu leo bờ ruộng, ãp ãn hay tha?
Tôi là con thiếu mẹ cha
Cho tôi ở mướn tĩnh ra từng ãng
Cái om⁽⁴⁹⁾ bằng cái trĩng công
Vĩra một nãm thóc bõ ông chủ nhà
Cái trãch⁽⁵⁰⁾ bằng cái hột gà
Hết một nãm mãm, bõ bà chủ ôi!
Nồi niêu chưa bắt ã sõi
Chưa ãn ã chín ba ông Táo bao măt phần
Nhĩ ãi, nhĩn khát là thẵng giữ trâu
Đãm mưa giải nãng biết ãu cơ hàn
Ai cho mi ãi nón nang
Mi ở vớĩ chàng cực khổ lã thay (?)
Miếng xôi, miếng bãn bưng ngay vô buồng
Lại thêm áo rách hai tay
Lại thêm nón rách bay ãi lạ lũng
Bay ãi tứ xứ ông ãng
Bay quanh bay quãt, bay vô nhà nãy
Nhà nãy tội ác lã thay
Miếng xôi, miếng bãn bưng ngay vô buồng
Ăn rồi tức bưng thĩnh chương

⁴⁹ Cái om = như cái trã, cái trãch nhưng nhỏ hơn, thường gọi là om một, chỉ nấu ãuợc một lon gạo.

⁵⁰ Cái trãch = như cái trã nhưng nhỏ hơn.

Máy thằng đón ghé ⁵¹không thương vô cùng
Sớm mai ngủ dậy cái mặt chùng bùng
Cậu mắng, mợ chửi, anh hùng góm ghê
Còn ba bữa nữa tôi về
Hỏi thăm cậu mợ đã thuê đĩa nào
Trăng lên đà xế ba sào⁵²
Cậu mợ bắt tôi vác ách chạy vào chuồng trâu
Những cứt, những đái nó vung đầy đầu
Tôi xung tôi chửi trâu bĩnh, ghé bầu nhà
hoang
Con nào nằm tỉnh nằm tang
Con đen, con đỏ, con vàng lột da
Con căng trống bẳng, con xây trống châu
Cái đầu thì nộp cho vua
Xương sườn xương sống thời mua cho làng
Cặp sừng vào lược, vào đàn bán chơi
Ca lí lê lí lách (⁵³) về trời thăm viếng mẹ cha
Hai hàng nước mắt tuôn ra
Phân tôi đi sớm về trưa
Vác cày cùng bừa đã mõi hai vai
Thuê tôi quan một, quan hai
Tôi không ở nữa, tôi đòi năm quan
Cậu mợ giữ chiếu lên nằm
Bắt tôi xay lúa, tắt đèn tối tăm

⁵¹ Nghé: con bê con, trâu con.

⁵² Xế ba sào: bẳng ba cây sào.

⁵³ Ca lí lê lí lách: âm thanh từ chiếc sừng trâu khô, trẻ em chăn trâu dùng làm kèn thổi mà phát ra. Đôi khi mục đồng chụm hai tay lại nén hơi thổi vào tạo nên tiếng kêu tu hú ,tu hú tu..., tu hú, tu hú tu... để gọi nhau trong lúc chăn trâu.

*Xay giã không hết mần răng (54) tôi chừ
Bà chủ có nấu một niêu khoai từ
Đổ ra nghi ngút lại kê cái dừng
Thức dậy bà ra chia phần
Mấy thằng đón nghe, củ thâm về may
Phen ni không ăn khoai từ
Cảm ơn trâu Bỉnh nghe Bàu (55)
Trận này là bỏ, mai về xừ qua
Cậu mợ nấu cháo đậu kê
C...to, l... nhỏ, anh về xừ anh.*

Sau lễ rước Thần nông về làng Phong Lệ, dân làng như được tiếp thêm sức mạnh, tin tưởng hẳn lên vì có vua Thần nông giúp đỡ cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng no đủ. Theo sau lễ rước Thần là mùa lúa đến, nhân dân làm lễ "hạ điền", sau một tháng gieo cấy xong lại có lễ "thượng điền", đây là thời kỳ nông nhàn của nông dân. Sau vụ gặt mùa lúa chính, nhân dân Phong Lệ nói riêng và Hòa Vang nói chung có lệ cúng "com mới", "xôi mới" dâng lên tổ tiên ông bà.

Xứ Quảng Nam là vùng nông nghiệp, nên sinh hoạt văn hoá, vui chơi, hội hè tế lễ đều gắn bó, liên quan đến nghề nông luôn được xem trọng. Lễ hội Mục đồng ở làng Phong Lệ ngày trước là một trong những hình thức coi trọng nghề nông. Thông qua lễ rước Thần nông, vị thế người nông dân được nâng cao cùng với giá trị lao động và

⁵⁴ Mần răng = như làm sao, làm răng. (phương ngữ)

⁵⁵ Trâu bỉnh, nghe bàu = tên con trâu, con nghe.

sản phẩm của họ làm ra. Hệ tư tưởng phong kiến thường xem khinh những người lao động nặng nhọc, trong đó lao động chân lấm tay bùn không loại trừ, mà hạng thấp nhất trong giới chân lấm tay bùn này là giới chăn trâu. Vì thế, có bao giờ giới chăn trâu được ngồi tại đình làng trong những ngày lễ hội! Vậy mà đến làng Phong Lệ trong những ngày lễ rước Thần nông, trong toàn cảnh lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ mới thấy giới chăn trâu được xem trọng, được phục vụ, được tổ chức, có quyền phát huy quyền làm chủ, làm người, quyền được nói lên tiếng nói bình đẳng chính đáng của mình trước làng; quyền được ứng xử của giới mình trong việc điều hành công việc là thế nào! Điều này nói lên vị trí của người nông dân lam lũ và giới chăn trâu trong ước mơ cởi bỏ giai cấp trong xã hội phong kiến đương thời là có thật.

Đây là lễ hội hình thành từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước mang tính nhân văn cao cả, nét đẹp văn hoá ở các vùng quê. Không chỉ cầu mưa thuận gió hoà, cầu cho quốc thái dân an và tưởng niệm, tri ân các vị tiền bối, có công khai cơ lập nghiệp mà còn tưởng nhớ những người đã vì làng Phong Lệ mà hy sinh bản thân mình cho sự trường tồn của con dân Phong Lệ nói riêng và nhân dân xứ Quảng nói chung.

Lễ hội Mục đồng được kết tinh qua truyền thống yêu quê hương, đất nước mang yếu tố cộng đồng, đan xen yếu tố tâm linh, tín ngưỡng dân gian địa phương. Lễ hội Mục đồng tại làng Phong Lệ là một biểu hiện vươn lên làm chủ

của giới chẵn trâu. Mô típ lễ hội ít thấy diễn ra ở nơi khác, mà bản chất của sinh hoạt này là tính cộng đồng, nhân bản được giữ gìn trân trọng. Làng Phong Lệ, nơi xuất thân cụ tộc họ Ông với những nhân vật họ Ông nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Ông Ích Khiêm, Ông Ích Đường, Ông Thế Đỉnh, Ông Văn Long, Ông Ích Thiện (Tán Thiện), Ông Ích Nhì (Tán Nhì), Ông Ích Mến...xuất thân từ nghề làm nông, là những nông dân có đời sống không phải giàu sang, nhưng ham học, yêu nước, gắn bó với làng, hơn nữa đây là đất bản địa của dân tộc Chămpa có từ trước đó hàng chục thế kỷ. Có lẽ vì thế mà có nhà nghiên cứu lễ hội này cho rằng Lễ hội Mục đồng có ảnh hưởng hoặc xuất phát từ văn hoá Chăm. Điều này cho đến nay chưa có kết luận nào cụ thể.

Lễ hội Mục đồng rước Thần Nông là một lễ hội hiếm thấy tại đất Quảng, là lễ hội mang tính chất riêng biệt trong cả nước, được tổ chức 3 năm một lần tại làng Phong Lệ. Đây là một điểm son loé sáng hồn nước vào thời phong kiến, thực dân đầy áp bức bóc lột. Lễ hội Mục đồng rước Thần Nông xứng đáng được tôn vinh, lưu truyền và phục hồi, bảo tồn trong cư dân và trong làng Phong Lệ, nay là thôn Phong Nam xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì những di tích, những kiến trúc đình, miếu mang nhiều sáng tạo độc đáo vẫn còn đó, trơ gan cùng tuế nguyệt nhưng không trùng tu tôn tạo sẽ có nguy cơ xuống cấp, hư hại; vẫn còn đó những câu chuyện kể đẹp như

truyền thuyết dân gian sống dài lâu trong tâm thức dân làng, từ người già đến thế hệ trẻ hôm nay.

Các loại hàng quán đến đêm chong đèn lên bán nước chè xanh, khoai lang, sắn củ, môn củ, củ trút, củ dong... mít non trộn sữa, mít non cá chuồn... hoặc bày bán dưới các lũy tre làng, cây cao có bóng mát.



Đoàn rước Thần Nông dạo đồng từ giờ tý canh ba, bước chân của họ đi khắp các thửa ruộng làng Phong Lệ, thì dẫu có mạnh khỏe như trai tráng lực điền cũng đến hồi khát nước, bụng đói. Các bà cụ lại chong đèn lên bán nước chè xanh và các loại bánh trái do các cụ bà sinh sống tại làng mang ra bày bán cho khách bốn phương mộ điệu Rước Mực đồng. Một năm làm ăn đầu tắt mặt tối mới có được cái bánh trong mấy ngày Tết cổ truyền, thì nay đến dịp lễ hội

Rước Thần Nông các cụ già trong làng làm bánh khô, bánh in bán cho khách trong và ngoài làng thưởng thức. Người ngoài làng mua trăm bánh khô, bánh in về làm quà, người trong làng mua ăn qua quýt ngay trong lúc dạo đồng để lấy sức tiếp tục cuộc dạo, vui trẩy hội mục đồng. Theo yêu cầu của chủ ruộng đoàn rước Thần dạo đồng phải được đi ngang qua đám ruộng của mình, nếu không ba năm liền đến, xem như Thần Nông không quan tâm ngó nghĩ đến họ. Do vậy họ phải tham gia vào đoàn rước dạo đồng, đi suốt cả đêm cùng với giới mục đồng, thấm mệt. Thế nên, nước uống, bánh trái các loại: bánh nậm, bánh bèo, bánh xèo, bánh ú, bánh ít lạt, bánh khô, bánh in, bánh gừng...được các cụ bà mang ra bày bán tại các hàng quán, các ngã ba đường...giúp cho mục đồng và những người theo rước có cái để ăn đêm.

Cùng với bánh các loại bánh là trái cây thổ nghi có tại làng Phong Lệ. Tháng tư lai rai đã có xoài tượng, xoài quéo, xoài tẻ bắt đầu chín bói, các loại trái khác như mận cầu (na), chuối, ổi sẻ, mít, nhãn lồng, vải thiều...được bày bán tại các hàng quán phục vụ khách dạo đồng.

Nói về. Ba năm mới có dịp người dân Phong Lệ và tứ dân lân cận tập họp đông đúc dự lễ hội Mục đồng, đây là dịp gặp nhau dưới các hàng quán, lũy tre làng thế này, nên chuyện vãn về nông tang cày cấy được đem ra trao đổi rôm rả, cởi mở. Các bà thường hỏi nhau để trao đổi giống lúa, giống khoai lang cho nhiều củ, loại sản nào ngắn ngày,...có thể trồng và thu hoạch nhanh đều được đem ra giới thiệu

giao lưu. Tuy mới chỉ trao đổi nhau bằng miệng nhưng rất “tín”, giữ đúng lời hứa không sai. Tại đây sau những câu chuyện vãn về làm ăn, công cụ, thời tiết... là đến chuyện nói về, chuyện luân thường đạo lý, chuyện gia phong nền nếp... được nói cho nhau nghe. Từ đó những bài về cũng được đem nói tại các hàng quán, hoặc dưới lũy tre làng vào những lúc lễ hội như lễ hội Rước Thần Nông này. Về là thể loại phổ biến tại xứ Quảng một thời. Nói về thường nghĩ ngay đến về Quảng, tất nhiên là ngũ Quảng nhưng phát triển mạnh hơn vẫn là Quảng Nam. Về Thông Tầm, về Khâm sai, về chống Pháp, chống Mỹ, về các loài hoa, loài cá thường đem ra nói với nhau. Ngoài về còn có thể loại thơ rơi, không có tác giả được lưu truyền trong nhân dân, thường là những bài thơ khuyên chồng không theo giặc, thơ động viên chồng con lên đường kháng chiến giữ làng... được đem ra nói thơ giữa chốn đông người cũng là hình thức giải bày tâm trạng với nhau. Chính thế mà tại đất Quảng một thời tồn tại thể loại thơ rơi này. Ca dao còn ghi nhận:

*Buồn tình cha chả buồn tình
Không ai đi Huế cho mình gửi thơ
Gửi thơ thì phải gửi lời
Kẻo mà thơ rớt, thơ rơi dọc đường.*

đã cho phép chúng ta ngày nay có thể suy đoán rằng xưa kia người Phong Lệ nói riêng cũng có thể loại thơ rơi này. Là thơ rớt, thơ rơi nên không có tác giả, những bài thơ như

thế gần với vè, nhưng gọi là thơ lục bát vẫn được nên gọi thơ rơi. Đã có thơ, các bà cũng thường tập trung chôn đông người nói thơ cho dù *chôn đông người mắc cỡ lắm người ơi*, họ cũng vẫn nói thơ như một cách giải bày tâm trạng. Có người chồng đi kháng chiến lâu ngày chưa về, vợ có thơ động viên để được chồng an tâm mà chiến đấu, công việc tăng gia ở làng vợ vẫn chu toàn. Có người chồng con theo giặc phá hại xóm làng, người vợ, người con ở nhà mong mỏi nên có thơ kêu gọi chồng con quay về với xóm làng, với chính nghĩa. Thơ như vậy ban đầu có tác giả nhưng chìm vào dân gian, trở thành nhiều dị bản, tên tác giả theo đó cũng không còn. Loại thơ rơi, thơ rớt ở làng Phong Lệ đã từng được phổ biến một thời.

Trò chơi mục đồng

Trẻ em vào dịp lễ hội thường tụ tập lại ngã ba đầu làng, cuối xóm tổ chức chơi các trò chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi và sở thích của giới mình. Các trò trốn tìm, cờ gánh được triển khai, ngay cả khi đám rước dạo đồng, đám trẻ em vẫn mãi mê chơi các trò chơi của giới mình. Các trò nhảy dây, nhảy cò cò, bịt mắt bắt dê, đi chợ về chợ, chơi cùm, chơi nẻ,...được tổ chức đông vui, rộn vang một góc xóm. Có thể theo dõi một trò chơi của trẻ em ngày trước:

Trò chơi rồng rắn lên mây

Đây là trò chơi dân gian được phổ biến khắp hầu hết các quận huyện tại đất Quảng xưa nay, không riêng cho làng Phong Lệ.

Phạm vi: Trò chơi rồng rắn lên mây rất phổ biến trong thiếu niên nên phạm vi trò chơi này góp mặt với trẻ em đất Quảng có trên hầu hết các quận huyện. Trò chơi phát triển và lưu hành nhiều hơn cả là tại các làng quê. Tại đây, trẻ em thường tổ chức chơi trò chơi này và đôi khi chơi ngay cả trong những đêm trăng sáng trên sân một nhà người bạn trẻ nào đó.

Đối tượng chơi: Trò chơi rồng rắn lên mây không kén trẻ, trẻ trong độ tuổi từ 8 đến 15 đều có thể tham gia trò chơi được. Đôi khi chia thành nhóm toàn các em nữ, toàn là nam hoặc nhóm vừa nam vừa nữ cùng tham gia chơi với nhau. Số lượng người chơi không hạn định, song trẻ em trong một xóm gom lại chừng 10 – 15 em là có thể chơi được. Trẻ càng nhiều, trò chơi càng hấp dẫn vì hát đều hơn, to hơn và đoàn rồng rắn cũng uyển chuyển ngoằn ngoèo linh hoạt hơn, không khí cuộc chơi do đó cũng náo nhiệt hơn.

Địa điểm tổ chức trò chơi: để cuộc chơi thuận lợi, lại diễn ra đẹp mắt, địa điểm được chọn cho một cuộc chơi, thường được các trẻ chọn những nơi có sân bãi thoáng mát, rộng, mặt bãi hoặc sân phải bằng phẳng. Trẻ không thích chơi những chỗ gồ ghề, góc ngách, hoặc nơi có nhiều chướng ngại không đảm bảo cuộc chơi an toàn, kết thúc đẹp. Những nơi có mặt bãi gồ ghề trẻ ngã đè lên nhau do vấp phải chướng ngại dưới chân... làm cho cuộc chơi mất hứng thú. Có thể chơi trên sân nhà dưới trời có trăng, trên đường làng rộng, nhưng thích hợp nhất là dưới tán cây bàng

trong sân đình, chùa, miếu, hoặc những bãi đất trống trên nương rẫy sau khi đã thu hoạch xong vụ khoai sắn và đất đã được trang bằng, cải tạo được một bước.

Vào những ngày nghỉ hè, nghỉ cuối tuần, hoặc phần lớn là dịp ra đồng chăn trâu, bò, trẻ thường tụ tập lại và tổ chức chơi trò rồng rắn lên mây.

Cách chơi:

Về xếp đội hình: khi nhóm trẻ thả trâu bò ra rẫy, lên triền đồi xong, chúng tập trung lại chơi các trò chơi, hoặc bàn tán xôn xao chuyện nhà, chuyện giữ em, chuyện nấu nướng, đôi khi có cả chuyện bị cha mẹ rầy la nữa. Sau một hồi bàn tán xôn xao, mỗi em đưa ra một đề nghị nên tổ chức chơi một trò gì đó cho vui. Được sự đồng thuận của cả nhóm trẻ, thống nhất chọn trò chơi *Rồng rắn lên mây*.

Thoạt tiên nhóm trẻ cử ra một bạn làm vị thầy thuốc. Thầy thuốc chọn một vị trí thích hợp đứng quan sát toàn thể đội hình. Nhóm bạn còn lại sắp thành một hàng dài ngoằn ngoèo như con rắn. Mặt hướng về người thầy thuốc. Tay nắm vạt áo sau, hoặc đặt lên hai vai của người đứng trước. Cách nào cũng được miễn sao trong lúc di chuyển đội hình không làm đứt rồng rắn làm đôi. Cả một hàng dài ngoằn ngoèo như thế gọi là rồng rắn. Người đứng đầu là đầu “rồng – rắn”, người đứng cuối hàng là đuôi “rồng – rắn”.

Cuộc chơi diễn ra lâu hay nhanh, hấp dẫn, lôi cuốn hay không là do sự khéo léo linh hoạt của hai trẻ đứng đầu

và đuôi “rông – rấn”. Trẻ đứng làm đuôi khéo léo chọn hướng xô dịch qua lại, chạy vòng tròn theo đội hình sao cho trẻ làm thầy thuốc khó bắt được.

Về tổ chức chơi: trẻ đóng vai đầu “rông – rấn” đi trước dẫn cả nhóm theo hàng dài ngoằn ngoèo như rồng rắn vòng quanh khu đất, càng lúc đi dần về phía có thầy thuốc đứng. Vừa đi cả nhóm vừa hát bài đồng dao rồng rắn lên mây:

*Rông rấn lên mây
Vuốt râu ông thầy
Hỏi thăm thầy thuốc
Có nhà hay không?*

Lúc này trẻ làm thầy thuốc nghe hát đồng dao hỏi xong, lại trả lời tiếp:

*Thầy thuốc không nhà
Thầy thuốc đi chơi!*

Đầu rồng rắn lại kéo cả nhóm đi vòng vèo như rắn bò trên sân bãi lẩn nhử và hát tiếp khúc đồng dao trên và thầy thuốc nhân đó tìm ra cách trả lời sao cho có lý. Lúc hát là “đi chơi”, “đi chợ”, lúc hát “đi vắng”. Cứ vậy, đầu rồng rắn nhận được tín hiệu và dẫn cả nhóm đi ngoằn ngoèo trên sân bãi hát tiếp cho đến khi thầy thuốc trả lời:

Thầy thuốc có (ở) nhà!

Đoàn trẻ lại hỏi:

Có ở nhà hả!

Đến đây cả đoàn dừng lại theo đội hình ngoằn ngoèo bắt đầu cuộc hát đồng dao đối thoại nhau. Thầy thuốc chống nạnh (hai tay bỏ lên hông), ra vẻ quan trọng, hỏi:

Rồng rắn đi đâu?

Trẻ đóng vai đầu rồng rắn đồng dục trả lời:

Rồng rắn đi xin thuốc (về) cho con

Cuộc đối thoại được tiếp tục:

Con lên mấy?

Con lên một!

Chưa ngon

Con lên hai!

Chưa ngon

Con lên ba!

Chưa ngon

Con lên bốn!

Chưa ngon

Con lên năm!

Chưa ngon

Con lên sáu!

Chưa ngon

...

Con lên mười!

Đà ngon.

Cuộc hát đồng dao đối nhau đến đây ngưng một lát, cả đội hình dừng lại hướng mặt về thầy thuốc. Thầy thuốc ra điều kiện mới có thể cho thuốc được.

Cho xin cái đầu?

Đầu cứng!

Cho xin khúc giữa?

Giữa xương!

Cho xin khúc đuôi?

Đuôi mềm. Bắt được đuôi thì ăn!

Đến đây, trẻ làm thầy thuốc bắt đầu cuộc rượt đuôi về phía đuôi để bắt. Đoàn rồng rắn ra sức tránh né, dang đuôi phải linh hoạt, nhanh nhẹn sao cho không để thầy thuốc bắt được đuôi.

Cả đoàn kéo nhau ngoằn ngoèo trên sân bãi náo nhiệt cả một sân đình, sân nhà, sân bãi những lúc chiều về tắt nắng. Rất vui!

Trong lúc thầy thuốc chạy đi bắt dang đuôi, trẻ đứng làm đầu rồng rắn dang hai tay ra che lại, cản đường không để đuôi dễ dàng bị bắt. Còn người cuối hành làm đuôi phải nhanh nhẹn tránh né cuộc đuổi bắt của thầy thuốc. Kết cục:

Nếu thầy thuốc bắt được cái đuôi, trẻ làm đuôi phải ra khỏi hàng đóng vai thầy thuốc để ổn định lại đội hình tổ chức cuộc chơi lần nữa.

Nếu đang lúc thầy thuốc rượt bắt mà đuôi rắn bị đứt xem như rồng rắn thua, phải cử người ra thay thầy thuốc.

Trò chơi như vậy được trẻ em tiếp tục chơi đến chạng vạng mới thôi, hoặc chơi dưới ánh trăng sáng tỏ trên sân nhà bạn nào đó cho đến khi thâm mệt thì trẻ nào về nhà đó.

Cuộc chơi kết thúc trong không khí náo nhiệt vô tư của trẻ em.

Trong lúc tổ chức cuộc chơi, trẻ thường chế, đặt ra lời ca đồng dao để hát hỏi nhau. Đôi khi trẻ hát:

*Rồng rắn lên mây
Cây cao bóng mát
Hỏi thăm thầy thuốc
Có nhà hay không?
Thầy thuốc trên núi!*

Đoàn rồng rắn nghe “thầy thuốc trên núi” thì biết là đi chưa tới nơi và trẻ muốn cuộc chơi kéo dài thêm, lại tiếp tục rồng rắn kéo nhau đi tìm thầy. Lần này đoàn kéo nhau đi vòng xa hơn, đi vòng vèo dậm chân theo nhịp 2/4, đội hình đẹp hơn. Lại hỏi:

*Rồng rắn lên mây
Vuốt râu ông thầy
Vuốt về làm chi?
Vuốt về làm thuốc
Chữa bệnh cho con
Nhà thầy thuốc dưới biển!*

Cả đoàn lại dậm chân rập ràng vừa đi vừa hát, kéo nhau ngoằn ngoèo xem như đi chưa đến nhà thầy. Đi được vài ba vòng, đội hình bây giờ vòng ra xa hơn, lượn lờ trên sân bãi, chân dậm 2/4 hát đồng dao theo nhịp những lời vừa tự chế, tự đặt ra sao cho vui nhộn là được. Đến khi hỏi, thầy thuốc trả lời:

Thầy thuốc có nhà!

Đoàn rông rần dừng lại và dùng đồng dao đối thoại nhau. Trong đối thoại bằng trò chơi đồng dao, trẻ luôn tự chế. Có trẻ sáng ý chế những lời đồng dao thật lạ, gây ngạc nhiên cho nhóm trẻ đang chơi:

...Cho xin tí lửa?

Lửa tắt!

Cho xin tí nước?

Nước khô!

Cho xin chén cơm?

Cơm đầy. Bắt được đuôi thì lấy!

Cuộc chơi được tiếp tục một cách vui nhộn.

Trò chơi cờ gánh

Cờ gánh là trò chơi dân gian, luật chơi đơn giản, dễ nhận biết đối phương phạm luật ngay trên bàn cờ trước mặt.

Chuẩn bị:

Dùng một tờ giấy bìa cứng, đôi khi trẻ em dùng tờ giấy đôi học trò, đoạn kẻ lên trên mặt giấy khung hình bàn cờ hình vuông, chia mỗi cạnh hình vuông thành 4 phần bằng nhau, đoạn kẻ nối các điểm chia bằng nhau lại, tạo thành 16 hình vuông nhỏ hơn. Xong, nối hai đường chéo của hình vuông lớn ngoài cùng lại với nhau. Chọn điểm giữa của mỗi cạnh hình vuông lớn ngoài, nối các trung điểm lại, có hình vuông nhỏ hơn (xem hình vẽ).

Về quân cờ có thể dùng con ngêu, sò, đồng xu, hoặc giấy bìa cứng mỗi mặt tô một màu giống nhau làm quân

cờ. Về sau có nắp ken bia chai cũng làm quân cờ chơi được. Mỗi bên có 8 quân cờ được sắp trên mỗi cạnh hình vuông trái mặt nhau trên bàn cờ để phân biệt cờ đối phương (như hình vẽ). Nếu chọn ngêu làm quân cờ thì một bên sắp ngửa, một bên sắp sấp; nếu chọn giấy màu cũng phải sắp khác màu nhau nhưng mặt dưới phải trùng màu quân cờ đối phương.

Đối tượng chơi:

Trẻ em trong độ tuổi 12 – 15 có thể chơi được loại trò chơi cờ gánh này, thanh niên nam nữ 18 – 20 hoặc hơn cũng tham gia chơi loại cờ này được. Có thể mở rộng ra mọi lứa tuổi đều tham gia được.

Địa điểm:

Nơi chơi cờ gánh có thể đặt trên bàn, trên nền đất trong nhà hoặc ngoài hiên. Nếu tổ chức chơi ngoài sân thì vẽ ngay bàn cờ trên đất, trên nền gạch, xi măng... Loại trò chơi này có thể tự vẽ bàn cờ và chơi vào lúc nào cũng được trong giờ nhàn rỗi. Phần lớn trẻ em chơi cờ gánh trong nhà những khi nghỉ hè, vào lúc nấu cơm chiều hoặc giữ em cho cha mẹ đi làm, trẻ thường tụm lại nhà một người bạn nào đó, có thể ngoài sân, ngoài đường tổ chức chơi cờ.

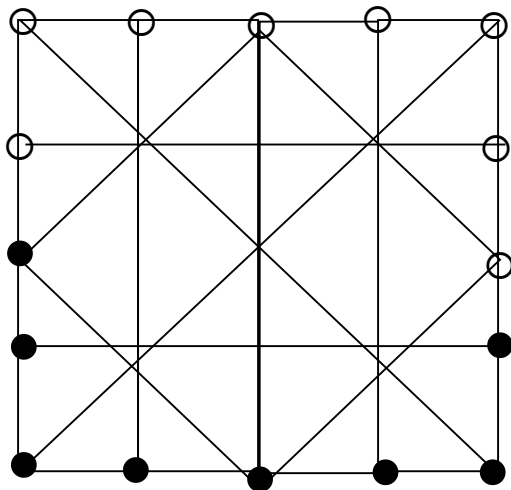
Quy định chơi:

Chơi cờ gánh khi gánh cờ (tức ăn được 2 quân cờ của đối phương) không bắt quân cờ ra ngoài như cờ tướng, cờ vua nên nhất thiết 16 quân cờ có hai mặt giống nhau, khi sắp vào bàn cờ, mỗi bên sắp ngửa khác nhau để khi gánh

cờ, đôi phương lật cờ cho trùng với màu sắc giống quân cờ của mình, để phân biệt.

Cách chơi:

- Gánh: Đôi phương mỗi lượt đi một nước và chỉ đi quân cờ của mình được một gạch hoặc ngang, dọc, chéo trong phạm vi một ô hình vuông nhỏ nhất mà thôi, không quy định đi vượt sang ô của hình vuông khác.



Trò chơi cờ gánh

Khi di chuyển các quân cờ trên bàn cờ, nếu đối phương tìm cách vào được giữa hai quân cờ của mình nằm trên đường thẳng xem như ăn được một gánh, lật hai quân cờ sắp lại thành quân cờ đối phương. Cứ như vậy hai bên thay phiên nhau tìm cách gánh của nhau, bên nào gánh được nhiều quân cờ, bên đó thắng cuộc.

- Rào: Rào là tìm mọi cách ép sát và dùng quân cờ bao vây đối phương co cụm lại không còn nước để đi được nữa. Đối phương xem như thua cuộc, phải đầu hàng vì không còn quân cờ nào nữa để tiếp tục cuộc chơi.

Sau mỗi lần thua cuộc, lại sắp cờ chơi ván khác.

Cờ gánh dễ chơi, đối tượng nào cũng có thể chơi được. Đây là loại trò chơi bắt đầu hình thành cho trẻ em tính tự duy độc lập và sáng tạo trong mỗi ván chơi. Trẻ 14 – 15 bắt đầu xa dần các trò chơi kèm theo đồng dao, để tiến gần đến loại trò chơi cờ gánh phù hợp với tâm lý lứa tuổi nhiều hơn.

Trò chơi đánh cụm

Chơi cụm phổ biến không chỉ tại huyện Hoà Vang mà các quận huyện khác trên địa bàn Quảng Nam xưa kia đa số trẻ em cũng tổ chức chơi với nhau trong những giờ nhàn rỗi, nhiều hơn cả là những lúc giữ em, chăn trâu bò, hoặc ở nhà trông coi nhà cửa cho cha mẹ đi làm. Trò chơi cụm đơn giản chỉ cần tìm được 5 viên sỏi, gạch, ... là được. Đây là loại trò chơi dân gian phổ biến trong giới trẻ em bên cạnh các trò chơi đồng dao.

Chuẩn bị: chọn 5 hòn sỏi, gạch,... nhỏ trông vừa bằng viên bi ve hoặc hột mít là được. (Đôi khi dùng hột mít làm cụm để chơi, nếu nơi tổ chức chơi không tìm ra được sỏi, đá nhỏ). Sỏi có thể có góc cạnh nhưng tốt nhất có dạng hình tròn hoặc hình thuận là chơi tốt, thuận lợi khi rải cụm trên nền đất can, làm cho cuộc chơi tăng phần hào hứng. Sỏi lớn hay nhỏ còn tùy theo nắm tay của đối tượng chơi mà chọn. Trẻ nhỏ chọn loại sỏi nhỏ hơn, vừa trong nắm tay là được.

Quy định luật chơi: trẻ em vùng Hoà Vang tổ chức trò chơi cụm không phải đi qua các ván mà chơi biên⁵⁶, lấy biên làm chuẩn tính thắng thua. Một biên có rất nhiều lần rải để tính biên. Luật chơi thế nào là tùy thuộc vào nhóm trẻ tự đặt ra ngay tại nơi diễn ra trò chơi. Thế nên có thể biết được cùng trong một làng nhưng trẻ em xóm dưới có luật chơi khác trẻ xóm trên và cũng khác với trẻ em làng khác. Tuy nhiên, đây là trò chơi phổ thông nên dù luật đặt ra thế nào, trẻ trong hay ngoài làng vẫn hiểu và nhập cuộc được ngay. Có thể đặt ra cho mỗi cuộc chơi đủ 80, 100 biên hay hơn nữa để cuộc chơi kéo dài. Bởi nếu chơi theo phe nhóm thì biên phải nhiều mới hấp dẫn thắng cuộc. Có thể ra luật chỉ đủ 10 – 15 biên thì thắng cuộc nếu chơi tay đôi, hoặc chơi mỗi phe 2 trẻ. Tuy nhiều biên nhưng khi nhập cuộc chơi, trẻ em chơi hấp dẫn và rất nhanh tay lẹ mắt, do đó, chơi rải tuy rằng khó, song các em gái vượt qua dễ dàng để ghi biên.

⁵⁶ *Biên:* như bàn. Một bàn.

Đôi tượng chơi: trẻ em trong độ tuổi 10 đến 13 hoặc có thể đến 14, 15 cũng có thể tham gia trò chơi này. Đôi khi thanh niên 18, 20 trong giờ ngơi tay khi giê lúa, phơi rơm rạ, phơi lúa...vẫn còn duy trì thú vui chơi đánh cùm với nhau nhưng chỉ trong những lúc thật nhàn rỗi và thích thú mới tổ chức chơi.

Địa điểm chơi: trò chơi cùm của trẻ em diễn ra bất cứ thời điểm nào trong ngày, chỉ cần đủ chỗ để ngồi bệt trên nền đất, nền gạch hoặc xi măng... là được. Sân chơi nhỏ thì chơi đôi, sân lớn tổ chức chơi theo phe nhóm nhiều trẻ cùng một lúc vẫn được. Thường, trẻ chơi cùm trong lúc giữ bò, giữ trâu ngoài đồng, hoặc giữ em, thường tụm lại để chơi. Khi trâu, bò đang thông dong gặm cỏ trên đồng, hoặc trên các sườn đồi, cỏ...,những lúc như thế, trẻ em chăn trâu không biết làm gì để tìm vui, nên tìm đến các trò chơi dân gian và qua các trò chơi trẻ em trở tài nhanh tay, lẹ mắt và đôi khi có trò chơi phải vận dụng sự suy nghĩ tìm kế đối phó, liên quan đến không gian...nữa. Hoặc chơi cùm trong những giờ giải lao giữ buổi học vẫn được. Trẻ em, nhất là trẻ em nữ đến tuổi 10 – 13 thường mang theo bộ cùm bỏ trong cặp, đến giờ chơi lại mang ra chơi cùng chúng bạn. Các trẻ vui thú với các loại trò chơi dân gian như nhảy dây, chơi u, bắn bi, chơi cù, ông làng, đá lon, chơi ba lá xà, chơi trốn tìm...trong đó chơi cùm là một loại trò chơi rất được ưa thích, nhất là các em nữ. Cuộc chơi có thể diễn ra ngay trên đường làng, dưới cây đa rợp bóng sân đình, hoặc dưới

gốc cây trên nương rẫy; chơi trong nhà, trong sân... đều có thể tổ chức được.

Chơi biên: trước khi đạt số biên theo quy định để giành thắng cuộc, chơi biên cũng phải đi *canh* như các trò chơi dân gian thường thấy như chơi đi tà bay, chơi nẻ, chơi đi chợ về chợ...

Để đạt quyền ưu tiên chơi trước, trẻ cử đại diện phe hoặc nhóm ra đánh tù tì với đối thủ để kiếm quyền ưu tiên. Hình thức đánh oản tù tì mỗi nơi mỗi khác nhưng nguyên tắc chung là biểu tượng đưa ra thi cuộc phải thắng biểu tượng của bạn mới được lấy quyền ưu tiên. Ví dụ có 2 bạn đánh oản tù tì, một bạn đưa ra biểu tượng chiếc búa, một bạn đưa ra biểu tượng cái kéo. Như vậy cái búa phải thắng cái kéo vì cái búa có thể đập cái kéo, còn cái kéo chỉ có thể đánh thắng cái bao, cái bao đánh thắng cái búa vì bao trùm, bọc được búa, búa thua. Do đó, trường hợp một trẻ ra búa, một trẻ ra kéo thì búa thắng kéo. Vậy, búa được ưu tiên. Khi ra biểu tượng thay vì đếm 1,2 trẻ em thường đọc *siêm... phây* hoặc *xú... xì*. Vẫn hiểu. Rồi đồng loạt ra một trong ba biểu tượng búa, bao, kéo. Ngoài ba biểu tượng trên không được ra biểu tượng nào khác.

- *Đi canh 1*:

Trẻ em dùng tay thuận (trái hoặc phải) rải cụm ra trên nền đất can⁵⁷, xong dùng tay bốc một viên sỏi ném lên không, đoạn dùng tay đó bắt một viên sỏi bất kỳ ở nền đất,

⁵⁷ Đất can: tức đất cứng, có mặt bằng.

rồi nhanh tay chụp viên sỏi vừa ném lên đang xuống vào tay có viên sỏi vừa bắt được. Xong canh 1.

- *Đi canh 2:*

Như đi canh 1 nhưng phải bắt bắt hai viên sỏi dưới nền đất.

- *Đi canh 3*, như canh 1 phải bắt 3 viên sỏi tương ứng với canh đang chơi.

- *Đi canh 4* (tức canh cụm): trẻ em đi xong 3 canh, dùng một tay cụm 5 viên sỏi lại trên nền đất, xong nhẹ nhàng nhặt lấy 1 viên sỏi bất kỳ ra khỏi cụm sao cho viên được nhặt không va chạm với 4 viên còn lại là hợp lệ. Nếu va chạm sẽ mất quyền chơi tiếp. Đoạn ném viên sỏi vừa nhặt được lên cao, nhanh tay hốt cụm, sau đó chụp lấy viên sỏi trên không đang rơi xuống vào tay sao cho không có viên nào rơi ra là hợp lệ. Nếu có viên sỏi nào đó rơi ra cũng xem là không hợp lệ. Chính vì chơi canh cụm khó nên trẻ em thay vì cụm có thể rải 5 viên sỏi sao cho có 1 viên đứng cách ra ngoài để có thể thực hiện hốt cụm được dễ dàng.

- *Đi canh rải* (tức canh 5):

Dùng tay thuận, rải cụm trên nền đất (rải vừa phải, không mạnh tay), chờ cho đối thủ quan sát thấy không phạm luật, đối thủ tự chọn và bắt ra 1 viên sỏi thu giữ. Trẻ chơi quan sát, tính xem nên đi cách nào cho đạt thắng lợi mà không chạm ngón tay vào viên sỏi khi ra dấu gạch giữa hai viên sỏi. Sau khi quan sát chọn thuận lợi, trẻ chơi dùng ngón tay út gạch (giã định) ngang giữa hai viên sỏi, xong

dùng ngón tay cái, hoặc ngón nào cũng được, búng viên sỏi sao cho viên sỏi ấy chạy đến chạm vào viên sỏi bên kia đường gạch mà không va chạm với viên nào khác (chỉ hai viên sỏi đụng nhau) là được. Nếu trong khi sử dụng thao tác búng mà một trong 5 ngón tay va chạm vào một trong 4 viên sỏi, xem như mất quyền chơi tiếp. Sau khi thực hiện xong 2 lần búng như thế sẽ đạt được một biên.

Để cuộc chơi đạt được biên thì phải chơi qua 5 canh. Canh cùm chính là canh 4. Khi đi canh rải (canh 5) để đạt được biên, có 3 cách chơi rải:

- Cách 1:

Cách chơi như đã khảo tả trên.

- Cách 2:

Dùng tay nắm 5 viên sỏi tung lên cao và nhanh chóng sấp bàn tay lại đưa má ngoài bàn tay đón lấy 5 viên sỏi đang rơi xuống nằm trên mặt ngoài của bàn tay. Đoạn, lần nữa giữ nguyên vị trí như vậy, tung 5 viên sỏi lên, nhanh chóng ngửa bàn tay lại như cũ bắt lấy 5 viên sỏi sao cho không rơi ra khỏi tay viên nào. Bắt được như thế là đạt được 5 biên. Nếu trong lúc thực hiện hai lần tung sấp, ngửa 5 viên sỏi mà có một viên hoặc hai viên rơi ra ngoài thì chỉ tính biên cho những viên còn nằm lại trên tay mà thôi, những viên rơi xuống đất không được tính biên. Tuy nhiên, khi có một hoặc hai viên rơi ra ngoài tay thì sẽ mất quyền chơi tiếp khi thực hiện lại lần thứ hai mà lần thứ hai này sỏi vẫn rơi ra khỏi tay, không được tính biên. Mất quyền chơi, nhường

cho đối thủ. (Cách chơi hứng sấp ngựa được cho chơi hai lần, lần thứ nhất đạt được, được quyền chơi tiếp, nếu lần thứ nhất bị hỏng, đối thủ cho chơi lại lần thứ hai, nếu lần thứ hai cũng hỏng, tung hứng không đạt. Mất quyền chơi và không được tính biên nào cả).

- Cách 3:

Dùng tay nắm 5 viên sỏi tung lên cao và nhanh chóng sấp bàn tay lại đón lấy 5 viên sỏi đang rơi xuống trên mặt ngoài của bàn tay. Đoạn, giữ nguyên động tác đó, tung 5 viên sỏi lên lần nữa. Lần này thì khó hơn bởi khi 5 viên sỏi đang rơi xuống, trẻ chơi dùng tay chụp lấy 5 viên sỏi gọi là động tác *đại bàng đớp mồi* sao cho không có viên sỏi nào rơi ra khỏi tay. Thực hiện xong động tác *đại bàng đớp mồi* được tính 5 biên, 5 biên này được nhân đôi lên thành 10 biên do đây là cách chơi khó nhất. Cao trào cuộc chơi thường tập trung vào rải tính biên. Cuộc chơi được chuyển qua, chuyển lại giữa hai bên, đôi khi không có phe nhóm nào ghi biên do chơi không đạt. Tuy nhiên nếu chỉ hứng được 4 viên sỏi và đớp được 3 viên thì được tính 3 biên nhân đôi thành 6 biên mà thôi. *Đại bàng đớp mồi* chỉ nhường quyền cho đối thủ khi đớp lần thứ 2 vẫn bị rơi 1 viên đến nhiều viên sỏi ra khỏi tay đớp.

Cuộc chơi như thế được thay phiên nhau tiếp tục đẩy lên cao đến chừng nào phe, hoặc em nào đạt được số biên như quy định từ trước khi tổ chức cuộc chơi thì phe, hoặc em đó thắng cuộc.

3. Các loại trò chơi dành cho trẻ chăn trâu lớn tuổi, người lớn: tam cúc, tứ cúc, xóc đĩa, ... diễn ra dọc theo đường làng chính dẫn về đình Thần Nông và Nhà thờ chur phái tộc làng: đá gà, đẩy gậy, vật tay... cũng được giới mục đồng lớn tuổi ưa thích. Trò vật tay hơn thua nhau về cơ bắp được các trai làng đọ sức, họ thường co cánh tay đưa bắp thịt nhô lên gọi là “con chuột”, mục đồng nào có con chuột lớn hơn xem như có sức mạnh hơn. Và thế là thi nhau vật tay phân định thắng thua.

Hai mục đồng ngồi hai bên một chiếc bàn, hoặc không có bàn, lại ngồi xuống chống cùi chỏ tay trên một mặt ghế, các mục đồng đứng ngoài làm hiệu lệnh bằng tiếng hô “hai... ba”, tức thì hai mục đồng cố vật tay bạn ngã về phía mình. Ai vật được tay bạn là thắng cuộc.

Trò chơi đẩy cây

Đẩy cây là trò chơi vừa mang tính thể thao lại vừa tạo không khí vui nhộn trong làng do trò đẩy cây thường chỉ được tổ chức trong dịp lễ hội đình làng, hội xuống đồng... Vùng Hoà Vang xưa kia trò chơi đẩy cây (gậy) được xem là một trong các trò chơi chính tại lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ.

Để tham gia trò chơi này chỉ có thanh niên trai tráng lực điền khoẻ mạnh mới có thể đẩy được cây, mong giành phần thắng về mình.

- Chuẩn bị: một cây tre đực nhỏ, đặc ruột, cũng có thể dùng cây bằng gỗ bào tròn. Cây dài chừng 1,8 đến 2 mét, đường kính chừng 4 cm vừa nắm tay được.

Trước khi chơi, vẽ một vòng tròn, hai thanh niên sẽ đẩy cây trong vòng tròn đó. Vòng lớn hay nhỏ do hai bên quy ước, đẩy trên đất can hay đất bột cũng do sự thoả thuận giữa đôi bên.

Luật đẩy quy định kẻ nào bị đẩy lùi ra khỏi vòng tròn là thua cuộc. Hoặc có cuộc đẩy quy định chân đẩy phía sau chạm vào (cấn cai sau) đường vẽ vòng tròn, được chắm là thua cuộc. Luật chơi như vậy tùy thuộc từng vùng, từng làng, mỗi làng có mỗi cách quy định khác nhau.

Việc ra sân thi đấu đẩy trước hay sau do rút thăm để bất phân. Ngày xưa không có số báo danh gọi tên, hay gọi tên bằng số như thời hiện đại. Xưa, ban tổ chức cuộc chơi chọn rút thăm để vào cuộc. Thăm là hai que tre ngắn, trong đó có một que ngắn hơn, sao cho khi nắm hai que tre nhỏ như hai tăm hương trong hai ngón tay cái và trỏ có thể che giấu được que dài và que ngắn. Que dài trước hay ngắn sau đều do quy định. Thường rút được thăm dài là ưu tiên đẩy trước với một đối thủ nào đó đã được sắp xếp ngẫu nhiên.

Đẩy cây là trò chơi hấp dẫn đối với các thanh niên trai tráng trong làng, thu hút đông người xem động viên, cổ vũ, không chỉ thi đấu nhau trong làng mà còn mở rộng ngoài làng nữa. Huyện Hoà Vang xưa kia trong lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ, trai tráng từ Liêm Lạc, Quá Giàng, Giàng Đông, Dương Sơn, Đà Ly... cắt cử thanh niên về thi đấu.

- Cách đẩy: để đẩy được mạnh và thắng cuộc, thuận phía nào, tập trung lực vào đấy để đẩy. Chân trước xuống tẩn, chân sau đưa ra phía sau cũng xuống tẩn nhưng tạo toàn thân hơi nhướng về phía đối phương, dồn trọng lượng cơ thể và lực đẩy về phía trước. Những thanh niên có kinh nghiệm thường vừa đẩy, vừa nhắc đối phương lên để giành thắng lợi. Do vậy, cả hai cò kè nhau lựa thời cơ, phán đoán thời điểm đối phương mất sức, tập trung đẩy mạnh làm cho đối phương không ghìm được, lùi ra phía sau, hoặc chân sau chạm vào đường kẻ vòng tròn xem như thua cuộc.

Trò chơi đấu vật

Đấu vật là trò chơi dân gian mang tính chất cổ truyền của dân tộc Việt Nam. Khi lưu diễn trò đấu vật vào đến đất Quảng Nam trên đường theo bước chân tiền nhân vào vùng phương Nam nắng gió, trò chơi được tổ chức hằng năm tại các địa phương nhân lễ hội đình làng, hội thần nông,...trong đó nổi bật hơn hết là tại làng Giáng Đông thuộc huyện Hoà Vang. Tại đây, trò chơi đấu vật đã gắn liền với lễ hội truyền thống mang yếu tố nông nghiệp, đây là *Phong Lệ Mục đồng Giáng Đông đấu vật*.

Ngay trong lễ hội, cùng với các môn trò chơi khác như đẩy cây, kéo co, ông làng, đập niêu...thì môn đấu vật cũng được tổ chức cho nam thanh niên tham gia thi đấu. Tại làng Giáng Đông tổ chức đấu vật sau Lễ hội Mục đồng vài ngày hoặc nội trong tháng 4, 5 âm lịch vào tiết mùa hè khô ráo. Trò chơi thể hiện sức mạnh lực điền của anh nông dân trái tráng cày ruộng, lao động nông nghiệp; mặt khác trò chơi

đấu vật còn biểu hiện tinh thần thượng võ của các đô vật
nữa.



Cày khai phá vùng Hòa Vang, Đà Nẵng (VVH)

Phạm vi tổ chức trò chơi: trò chơi đấu vật chỉ cần một miếng đất vuông vức, bằng phẳng, rộng chừng 25 m² là có thể tổ chức chơi đấu vật được. Tại làng Giáng Đông, người dân nơi đây tổ chức trên một miếng đất gần bên sân đình. Hoặc trò chơi đấu vật không diễn ra gắn với lễ hội thì ngày thường cũng có thể tổ chức đấu chơi giữa thanh niên trai tráng với nhau trong làng, chỉ cần chọn một miếng đất rộng ngoài đồng khô ráo là có thể tổ chức chơi được.

Đối tượng chơi: Trò chơi đấu vật chủ yếu do phái nam thanh niên tổ chức (nữ không tham gia môn này), thiếu niên

lại càng ít chơi trò này. Tại làng Giàng Đông huyện Hoà Vang không chỉ có thanh niên háo hức tham gia mà các vị già làng cũng luyện tập đi quyền chơi vật mở màn cho đợt thi đấu. Các cụ được quy định vật ba keo mà thôi. Sau khi các cụ già trong làng mở màn xong, thanh niên trai tráng bắt đầu vào cuộc.

Cách chơi: để đấu vật được chơi thoả mái, các thanh niên đô vật cởi trần, chỉ quấn cái khố bằng vải đùi che hạ bộ lại. Cởi trần nhằm không cho đối phương có phương tiện túm áo lôi kéo nhùng nhằng làm mất hết lợi thế khi vật. Nếu là vật vào những ngày lễ hội, sau khi làm các thủ tục trong đình làng xong, các đô vật ra sân. Theo hiệu lệnh của ban tổ chức, sau khi các đô vật chuẩn bị đầy đủ các bước, một tiếng trống vang lên, là hiệu lệnh cho các đô vật bắt đầu. Các đô vật bắt đầu đi quyền, múa tay, khua chân đánh lừa đối phương, tìm lợi thế cho mình ra miếng vật đối phương ngã xuống. Mỗi ván đấu vật chia làm 3 keo. Ai thắng hai keo là thắng cuộc.

Để thắng được đối phương, các tay đô vật phải làm sao tìm thế lợi nhất, nắm đối phương vật ngã. Khi đối phương ngã, mằm ngựa, lưng chạm đất là thắng cuộc, nếu lưng chưa chạm đất xem như đối phương chưa thua cuộc.

Những thanh niên thắng cuộc được làng khen thưởng bằng giao cho một sào ruộng công để sản xuất làm ăn trong năm.

Trò chơi Ông làng (Ô làng)

Phạm vi chơi: trò chơi ô làng phổ biến hầu hết các huyện tại tỉnh Quảng Nam. Những năm 1950 tại Hội An vẫn còn thấy trẻ em tổ chức chơi trò ông làng tại chợ, tại quán đầu làng hoặc ngay trong nhà lúc chăm nom em bé. Trò chơi ông làng chính là trò *chơi ô ăn quan* được du nhập từ bắc vào trên đường nam tiến của tiền nhân. Chơi ô ăn quan vào đến Quảng Nam dần dần biến đổi thành trò chơi ông làng. Có lẽ khi vào phương nam, phần lớn người Quảng chỉ là những người dân thường lam lũ, không có nhiều quan chức viên lại đi theo để tổ chức làng xã quy cũ ngay từ đầu nên người Quảng Nam tại Hoà Vang biến tên gọi *quan* thành *làng* vì vai trò của làng vào những ngày đầu khai cơ lập nghiệp ổn định cuộc sống là rất quan trọng, do đó có lẽ đã gọi chơi ô ăn quan thành chơi ông làng (?). Chính đó, vào đến xứ Quảng không chỉ có 5 viên sỏi mà đã chuyển lên thành 10 viên cho mỗi ô vuông.

Tại vùng Hoà Vang, trò chơi ông làng phổ biến rộng khắp các xã miền trung châu, miền biển, nơi phần lớn là địa bàn hoạt động kinh tế bằng lúa nước.

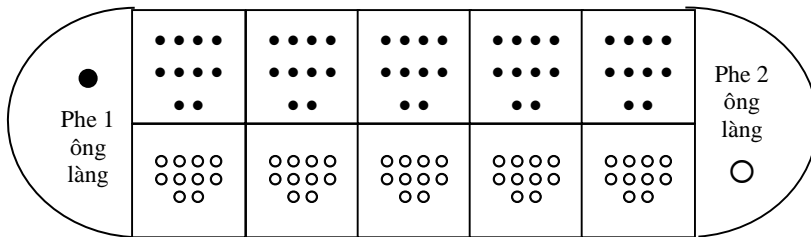
Đối tượng chơi: trẻ em trong độ tuổi từ 10 đến 15 không phân biệt gái trai có thể chơi được trò chơi này. Phần lớn trong một ván ông làng, trẻ chỉ tổ chức chơi với nhau 2 trẻ, mỗi phe 1 trẻ. Nhưng đôi khi cũng chia thành hai phe có số lượng trẻ đông hơn từ 3 đến 5 trẻ một phe.

Địa điểm chơi: tổ chức chơi là bất cứ đâu miễn sao đủ chỗ cho 2 em ngồi bệt xuống đất. Có thể trên sân trường,

nơi đầu làng, đường kiệt lớn... hoặc ngay trong hiên nhà, trẻ em cũng thường tập trung lại để vui chơi trò ông làng được.

Trước khi chơi, để giành quyền ưu tiên chơi trước trẻ em tập trung lại đánh oản tù tì để chọn.

Cách Chơi: chuẩn bị vẽ một hình chữ nhật, kẻ đường giữa chia đôi theo chiều dọc, sau đây lại kẻ đường chia năm theo chiều ngang thành 10 hình vuông nhỏ đều nhau. Hai đầu hình chữ nhật vẽ hai hình vòng cung.



Trò chơi ô làng

- 10 hình vuông nhỏ tượng trưng cho dân,
- 2 ô hình vòng cung tượng trưng cho ông làng. Đây là 2 ô hình quan trọng, mỗi phe có một ô (ông) mất ông làng là thua cuộc. Bởi theo quan niệm hết làng tàn cuộc (hết quan tàn dân).

Thoạt tiên, trong mỗi hình vuông nhỏ trẻ đặt từ 5 đến 10 viên sỏi nhỏ sao cho khác màu nhau để phân biệt của phe. Có thể dùng hột mít khô lột vỏ và không lột vỏ vẫn chấp nhận được. Sỏi là quân cờ của hai phe, nếu một bên là sỏi thì bên kia phải là hột mít, mù u, mảnh sành hoặc

gạch đập nhỏ... để phân biệt. Hai ô hình vòng cung ở hai đầu đặt mỗi ô một viên sỏi to hơn gọi là ông làng và cũng khác màu nhau.

Tiến hành cuộc chơi, sau khi oản tù tì xong, hai trẻ ngồi bệt hai bên, đôi khi ngồi chồm hồm vẫn hấp dẫn, phe 1 đi trước chọn bất kỳ 1 ô nào đó, đoạn hốt hết sỏi rải đều cho các ô hình vuông kế theo (rải theo chiều kim đồng hồ), mỗi hình vuông 1 viên hoặc 2 viên đều nhau, kể cả ô hình vòng cung ông làng. Khi rải hết viên sỏi cuối cùng lại tiếp tục hốt hết sỏi hình vuông bên cạnh và cứ thế rải hết sỏi đều nhau vào mỗi hình vuông cho đến khi viên sỏi cuối cùng được thả cách một ô trống. Đến đây, trẻ chơi đưa tay *xập* (vừa đặt tay lên ô vừa đọc: xập) vào hình vuông trống, đoạn hốt lấy sỏi của ô hình bên cạnh đưa ra ngoài (xem như phần sỏi ăn được của phe 2), thành thắng lợi của phe 1. Sỏi này đến rốt cuộc có thể cho phe 2 vay, mượn để tiếp tục chơi khi đã thua hết.

Phe 1 dừng lại đây, nhường quyền chơi cho phe 2.

Phe 2 bắt đầu chơi, cách đi như phe 1 và bắt 1 ô hình vuông bất kỳ không nhất thiết chỉ phải hốt sỏi của phe nhà hoặc phe đối phương.

Trong quá trình chơi trò ông làng gặp trường hợp: nếu phe 1 thả viên sỏi cuối cùng ngay trước ông làng của phe 2 hoặc của phe 1 thì trẻ chơi bị mất quyền chơi tiếp, phải nhường nước cho đối phương. Vì không thể lấy sỏi của làng bỏ sang cho dân được.

Cuộc chơi ông làng cứ thế tiếp tục kéo dài, cả hai phe 1,2 thay phiên nhau đi, đến khi phe nào nhặt được hình ô làng có viên sỏi lớn hơn và lấy hết dân (sỏi nhỏ) của đối phương thì bên ấy là phe thắng cuộc.

Khi bắt được làng, dân cũng bị bắt hết. Hết ván!

Lại tổ chức chơi lại ván khác.

Đã hết dân, thua cả làng nên phải vay mượn mới có mà chơi tiếp. Một viên sỏi lớn ông làng đổi được từ 5 đến 10 viên sỏi nhỏ. Hình thức như vậy là vay. Vay là phải nợ. Nợ phải trả sau khi hy vọng ván sau sẽ chuyển thành thắng lợi. Nếu không thắng nổi, nợ chồng chất, trả mãi không xong, trẻ thường “trở cẩu” lên, cãi nhau. Để giải quyết vấn đề tranh cãi đang có hiện tượng dưng cao, trẻ lại tìm cách thoả mãn theo phép thắng lợi tinh thần: *ăn gian ba bàn cũng trật*. Rồi lại tiếp tục chơi tiếp.

Cách chơi trò ông làng trông đơn giản, dễ chơi nhưng khi chơi không tính trước sau dễ dẫn đến thua dân, mất quân lẫn mất luôn cả ông làng nên trong tiến trình chơi trò ông làng, trẻ phải tính toán xác suất rải sỏi vào hình vuông sao cho thắng lợi. Nếu không cân nhắc sẽ liên tục bị mất quyền chơi, tạo điều kiện cho phe đối phương bắt hết dân ra ngoài.

Trò chơi như thế có liên quan đến tư duy tính toán, lựa chọn bắt ô xuất phát sao cho càng đi càng thuận lợi tránh đừng để hết sỏi trước ông làng. Trò chơi tham gia phát triển trí lực cho trẻ em, bước đầu bày cho trẻ tính toán cẩn thận,

phán đoán cả một quá trình để bắt đối phương, bày cách tính vay, nợ, trả, lỗ, lời... Do vậy, học sinh trung học cũng tham gia chơi trò ông làng này trong giờ giải lao giữa buổi, không cứ gì chỉ dành cho trẻ em thiếu niên. Thanh niên trai tráng trong làng cũng rất ham thích loại trò chơi ông làng này.

Trò chơi kéo co

Phạm vi phổ biến: kéo co cũng là trò chơi cổ truyền người Việt, được phổ biến hầu hết các vùng miền trên cả nước. Tuy nhiên, để kéo co trở thành môn thể thao có thành tích tham gia vào các giải đấu lớn nhằm rèn luyện thể chất, môn kéo co được tổ chức hiện đại hơn, vượt ra ngoài môi trường dân gian. Tại vùng Hoà Vang nhân những ngày lễ hội đình làng Tuý Loan, Bồ Bản, Hoà Phú, Trung Nghĩa, Trước Bàu (thôn Trước Đông xã Hoà Nhơn), ngày hội làng truyền thống, lễ hội cầu ngư miền biển Nam Ô, Thanh Khê, Sơn Trà, Hòa Hải... thường có tổ chức kéo co trong thanh niên nam nữ vừa để vui chơi, nhưng đồng thời nêu cao ý thức giữ gìn sức khỏe, rèn luyện thân thể.

Có hai cách kéo co: một là kéo bằng dây thừng và hai là kéo bằng tay.

Đối tượng tham gia: tham gia kéo co là thiếu niên, thanh niên đều có thể chơi được. Tuy nhiên xưa kia trò chơi kéo co chỉ có trẻ em tổ chức chơi và kéo bằng tay. Có thể có 3 đội hình kéo: đội nam, đội nữ và đội nam nữ. Trẻ em trong độ tuổi từ 8 đến 15 tuổi có thể chơi được trò chơi này. Mỗi đội có thể từ 8 đến 10 em.

Địa điểm tổ chức chơi: địa điểm kéo co diễn ra ở tất cả những nơi thuận lợi, chỉ cần một miếng đất trống, vuông vắn chừng 100 m² là có thể tổ chức được cuộc chơi kéo co. Tuy nhiên trò chơi kéo co thường được trẻ em tổ chức kéo với nhau trước hiên nhà, sân vườn, sân đình, miếu, chùa hoặc dưới bờ tre trên đường kiệt, hoặc bên, bãi sông, bãi biển, trẻ em có thể tụ tập lại kéo co vui chơi được.

Cách chơi: có 2 hình thức kéo co

- Kéo co không cần dây thừng: theo cách này trẻ em mỗi đội tập trung lại sắp thành một hàng dài trên đường làng, hai đội quay mặt vào nhau. Trước hai đội là một khoảng trống chừng 1 -1,5 mét. Giữa hai đội, trẻ kẽ một đường kẽ phân chia điểm giới hạn thắng thua giữa mỗi đội. Hai bên đường phân chia này lại kẽ thêm hai đường nữa làm giới hạn cho trẻ đứng hàng đầu của mỗi đội.

Để kéo không dùng dây thừng, trẻ em hai đội dùng tay ôm bụng nhau, người đầu hàng đưa tay ra nắm tay đối phương, chân trụ vững theo thế hạ tấn tạo nên một hàng dài liên kết nhau. Cuộc chơi bắt đầu:

Một trẻ được cử ra làm trọng tài cuộc chơi đứng ngay vạch kẽ giữa hai đội, sau một lúc chuẩn bị lấy đà sẵn sàng, trẻ điều khiển dùng một tàu lá chuối, một nhánh cây đưa lên làm hiệu lệnh và hô 1,2,3. Hiệu lệnh thứ 3 báo hiệu cho 2 đội tập trung sức lực kéo đội đối phương về phía đội nhà. Khi một đội bị đối phương kéo vượt qua phía bên kia vạch phân chia, lọt vào vùng giới hạn của đối phương, đội đó bị thua cuộc.

Đội thắng cuộc hò reo vui mừng, trẻ lại giải lao tại chỗ một lát rồi tiếp tục hoán chuyển, phân bố lại lực lượng cho đều giữa hai đội kéo keo thứ 2. Cuộc chơi như vậy tiếp tục đến khi các em cảm thấy mệt mới thôi.

Trò chơi kéo co một trận chia làm 3 keo, đội nào thắng 2 keo là thắng cuộc.

- Kéo co có dây thừng: cách chơi và luật thắng thua giống như cách kéo co không cần dây thừng. Tất cả các trẻ em hai đội đều nắm vào dây thừng cao ngang hông, được đặt dọc theo đội hình 2 đội sao cho lợi thế nhất, chân tản xuống để tập trung sức lực mạnh nhất sao cho vừa trụ vững, vừa dùng sức kéo lùi đối phương được về phía sau. Kéo co bằng dây thừng hấp dẫn hơn, thu hút thanh niên nam nữ tham gia nhiều hơn do thời gian kéo lâu hơn, giằng co nhiều hơn và chắc chắn sẽ yếu sức nhanh hơn do các cơ bắp liên tục căng thẳng trong suốt quá trình kéo, máu do đó lưu thông lên chậm hơn nên sau khi kéo độ mỏi mệt của cơ kéo dài. Thiếu niên nam nữ ít kéo co bằng dây thừng mà chỉ kéo bằng tay. Do dùng tay ôm vòng bụng người trước nên thế đứng khó lấy đà tập trung lực, vì ôm sát nhau, tay ngắn không choàng hết vòng bụng, không tập trung lực. Vì vậy trong đội hình kéo co không dây có em chưa ra sức kéo đã bị đối phương kéo tới nên thua nhanh.

Sau mỗi lần kéo co, trẻ em lại nô nức vui đùa hồn nhiên, vô tư cùng chúng bạn.

Trò chơi đập om

Trò chơi đập om thường được tổ chức trong các buổi hội làng, lễ hội đình làng, lễ hội Tiên hiền, kỳ an, kỳ phước của làng. Hoặc thời nay thường tổ chức trong các kỳ hội trại của thanh thiếu niên nhân những ngày kỷ niệm.

Đối tượng chơi: thanh niên nam nữ, thiếu niên trong độ tuổi 10 đến 15 đều tham gia được trò chơi này. Có thể mỗi em là một phe độc lập, có thể chia thành phe nhóm để chơi với nhau.

Địa điểm: tại các sân đình, chùa, miếu làng vào những dịp hội làng.

Cách chơi: để cuộc chơi hào hứng và vui nhộn, có thể có từ 2 đến nhiều đội tham gia. Các thành viên trong đội chơi đều phải dùng một miếng vải điều bịt hai mắt lại, tay cầm thanh tre đứng thành một hàng dài tại nơi quy định. Phía trước cách vài mét là một hàng om được cho vào chiếc gióng nhỏ, treo lủng lẳng trên một cây sào dài cột ngang qua cành bàng, cành đa, hoặc một giàn bằng tre thiết kế nên dùng để treo om. Om treo vừa tầm mắt không thấp cũng không cao quá. Trong om, ban tổ chức cuộc chơi có đặt kẹo, bánh... các loại.

Trò chơi đập om được tính theo thời gian. Sau khi toàn đội đã sẵn sàng, ban tổ chức dùng hiệu lệnh bằng tiếng trống, tiếng còi ra hiệu cho các đội đập om. Thành viên của mỗi đội đều đập cùng một lượt. Do bị bịt mắt nên tay nắm thanh tre phán đoán vị trí treo chiếc om để đập, sao cho trúng, om vỡ. Hết thời gian, đội nào đập được nhiều om, đội đó thắng cuộc.

Phần thưởng là các loại bánh kẹo được đặt sẵn trong om.

Họ chơi say mê cả buổi vẫn không chán.

Hát mục đồng

Hát Mục đồng thực chất đây là đêm hát bội (hát giáo tuồng), đêm thứ ba của lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ, các hào lý trong làng tổ chức hát bội. Việc tổ chức đã được tính toán kỹ trước lễ hội hai tháng trong phiên họp làng. Làng phân công cho Ban Tư lễ vào miền trong mời gánh hát về làng phục vụ bà con. Hát Mục đồng mục đích trước hết là tạ ơn vua Thần Nông và các lực lượng thần linh khác đã chiếu cố giáng hạ về làng, giúp đỡ cho người dân quanh năm làm ăn được mùa, tăng vụ, lúa khoai đầy nhà; thứ đến là hát còn nhằm đãi đằng nhân dân trong làng, các vị quan khách, tứ dân lân cận xem một đêm tuồng cho vui sau những ngày lao động mệt nhọc⁵⁸.

⁵⁸ Hoặc hát giáo tuồng còn do cầu khẩn thần linh giúp đỡ một việc gì đấy cho làng có kết quả (tin là cầu tất ứng), nên hát là để tạ ơn thần linh. Hoặc làm đình, nhà thờ làng,...xong hát tạ ơn thần, thập loại chúng sinh. Xem *Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ*. Hoàng Hương Việt, Võ Văn Hòe, bản đánh máy lưu tại kho lưu trữ Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.